

Hoàng Đạo Thủy



Nghề thầy

Hoàng Đạo Thúy

(1900–1994), là nhà giáo dục, nhà biên khảo, nhà hoạt động văn hóa xã hội nổi tiếng ở Việt Nam. Ông sinh ra trong một gia đình nhà Nho ở làng Kim Lũ, xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông học trường Bưởi, tốt nghiệp Thành chung, sau đó dạy học và tích cực tham gia các phong trào cứu tế xã hội, truyền bá quốc ngữ và là thủ lĩnh của phong trào Hướng đạo sinh Việt Nam. Sau năm 1945, ông gia nhập quân đội và lần lượt đảm đương nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền đương thời cho đến khi về hưu.

Hoàng Đạo Thúy hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau và trong lĩnh vực nào cũng để lại những dấu ấn đặc biệt. Ông đã viết nhiều tác phẩm về giáo dục, xã hội, chính trị, quân sự, lịch sử, văn hóa, đặc biệt là những tác phẩm nghiên cứu lịch sử văn hóa Hà Nội. Ông được mệnh danh là nhà Hà Nội học hàng đầu của Việt Nam.

Tìm đọc các tác phẩm khác của tác giả
Hoàng Đạo Thúy do Nhà Nam
xuất bản:

- *Hà Nội thanh lịch*
- *Phố phường Hà Nội xưa*
- *Trai nước Nam làm gì?*

“Cho dù chỉ là một cuốn sách mỏng, viết dưới dạng những lời tâm sự, chia sẻ về chuyện nghề của một người thầy cả đời tâm huyết hơn là một công trình khảo cứu công phu của một học giả chủ trương lập thuyết, nhưng kỳ lạ thay, đa số những vấn đề mà tác giả đặt ra, bàn luận, hướng dẫn cho đến hôm nay vẫn chưa hề cũ, thậm chí là còn rất mới, thậm chí nhiều giáo viên đương đại còn chưa với tới.”

- Nguyễn Quốc Vương

“Chúng ta mà muốn, thì chúng ta có thể đổi hẳn tương lai nòi giống. Chỉ mười năm, phải, mỗi người chỉ tận tụy mười năm, là một thế hệ thanh niên sẽ đổi khác. Hướng hồ đời giáo dục của chúng ta ba mươi năm, hay hơn nữa. Đó không phải là mơ mộng. Sự thực ai cũng làm được, mà ai cũng phải làm mới được.

Chúng ta đã không quản gì đồng lương, không nhìn đến chỗ ngồi. Trong trường tiến thủ đã chỉ tranh lấy một địa vị lạnh nhạt nhất, nhưng có ích nhất. Bước vào giáo giới là chúng ta đã có mục đích: không phải đi làm để kiếm ăn thôi, không phải chỉ đi làm công.

Chúng ta ‘làm thầy’.”

- *Nghề thầy*, Hoàng Đạo Thúy

BECOME A MEMBER!



Nhà Nam Reading Club



nhà nam
www.nhanam.vn



ISBN: 978-604-319-004-5



9 786043 190045

Giá: 70.000đ



8 935235 228160

Nghề
thầy

NGHỀ THẦY
Hoàng Đạo Thúy

Bản quyền © Gia đình tác giả Hoàng Đạo Thúy.

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa Công ty Văn hóa và
Truyền thông Nhã Nam và gia đình tác giả Hoàng Đạo Thúy.

Bản in năm 2020 do Công ty Văn hóa và Truyền Thông Nhã Nam thực hiện,
in theo bản in năm 1944 của *Thời Đại*.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp,
phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán
trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất
bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và
tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Hoàng Đạo Thúy

Nghề thầy

LÀM CHA MẸ
LÀM THẦY



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

MỤC LỤC

NGHỀ THẦY - NHỮNG TÂM SỰ CÒN NÓNG HỔI SAU GẦN 80 NĂM	7
CHÚNG TA MÀ MUỐN...	21
MỤC ĐÍCH	23
PHẦN CHA MẸ	
MẤY LỜI THUA CÙNG BÀ MẸ	29
GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG	
NGUYÊN LIỆU	43
PHƯƠNG PHÁP	47
Tín thiện	48
Người dạy được	50
Thiên nhiên	51
Tự sửa chữa	53
Một thầy một trò	54
Trùng trị	56
Tin	58
Trách nhiệm	60
Sáng kiến	62
Làm gương	64
Thói quen	65
Các phương pháp xưa nay	67
NĂM PHẦN	
ĐÚC	69
CHÍ	88
THỂ	99
TRÍ	115
CÔNG	126
PHẦN THẦY	133

NGHỀ THẦY - NHỮNG TÂM SỰ CÒN NÓNG HỔI SAU GẦN 80 NĂM

Tôi nhận được lời mời viết lời giới thiệu cho cuốn *Nghề thầy* của cụ Hoàng Đạo Thúy (1900-1994) giữa lúc làn sóng phê bình sách giáo khoa tiếng Việt lớp 1 vừa lắng xuống.

Bởi thế, tôi đã đọc bản thảo cuốn sách trong một tâm trạng rất đặc biệt với không biết bao nhiêu mối liên tưởng dọc ngang giống như từng đợt sóng.

Hiện thực ngổn ngang của giáo dục hiện tại và những lời gan ruột của một người thầy nổi tiếng, thần tượng của nhiều thế hệ thanh niên, đã làm tôi chìm đắm trong nhiều suy ngẫm và liên tưởng.

Đã gần 80 năm trôi qua kể từ khi cuốn sách *Nghề thầy* được xuất bản lần đầu tiên (1944). Tuy nhiên, chong đèn lên và đọc nó trong tâm thế không rời bỏ những ngổn ngang của hiện thực và kìm nén suy tư, ta sẽ thấy những gì cụ viết trong cuốn sách, những lời tâm sự mà cụ giải bày trong cuốn sách mỏng này vẫn còn nóng hổi.

Tất nhiên, có người sẽ bảo “in lại một cuốn sách đã xuất

bản từ 1944 có cần thiết không khi mọi thứ ở đó đã trở thành...
đồ cổ?”

Không! Nhiều thứ, kể cả những tri thức giáo dục học ở trong sách vẫn còn nóng hổi! Cho dù chỉ là một cuốn sách mỏng, viết dưới dạng những lời tâm sự, chia sẻ về chuyện nghề của một người thầy cả đời tâm huyết hơn là một công trình khảo cứu công phu của một học giả chủ trương lập thuyết, nhưng kỳ lạ thay, đa số những vấn đề mà tác giả đặt ra, bàn luận, hướng dẫn cho đến hôm nay vẫn chưa hề cũ, thậm chí là còn rất mới, thậm chí nhiều giáo viên đương đại còn chưa với tới.

Nếu loại trừ đi cách dùng từ ngữ cổ kính mang dấu ấn của thời đại đã qua và tạm thay vào đó bằng một số từ ngữ đang được dùng phổ biến thậm chí là “thời thượng” ở hiện tại, ta sẽ thấy hình như cuốn sách được viết cho chính chúng ta, cho chính những người đang làm “nghề thầy” trong thế kỷ XXI này! Dưới đây, xin được giới thiệu chút ít về những gì còn nguyên tính thời sự ấy.

Thứ nhất là quan niệm mới mẻ, đúng đắn của tác giả về mục đích-mục tiêu của giáo dục. Ngay từ 80 năm trước, cụ Hoàng Đạo Thúy đã xác định rõ mục đích của giáo dục mà những người làm thầy theo đuổi là *“đem lũ trẻ con người ta trao cho, mà rèn giũa sao cho nên người, nên người có hiếu, sau này gây được gia đình bền chặt, người dân tốt giúp được nước, người có tâm với thiên hạ, làm người biết đạo người, sống hợp với lẽ trời đất”*. Từ mục đích đó, cụ cho rằng nếu coi việc đi học chỉ là *“để học đọc, học viết, học tính, để thi đỗ, để rồi đi làm, thì đủ thứ sung sướng”* là *“sai lạc cả mục đích giáo dục”*. Hậu quả của nó là *“Đã hướng cả công trình giáo dục vào một việc tầm thường thì chỉ bỏ cho một lòng dục, lòng dục ấy sẽ phát*

rộng và mạnh ra, lại thêm không có sức đạo đức ngăn cản thì nguy lắm”.

Trong bối cảnh cuộc tranh luận về triết lý giáo dục ở nước ta vẫn diễn ra lúc ồn ào trên báo chí, lúc lặng lẽ, âm thầm ở nhiều diễn đàn nhỏ khác, ta sẽ thấy quan niệm về mục đích-mục tiêu giáo dục nói trên có ý nghĩa thế nào. Giáo dục suy cho cùng là phải hướng về con người, vì con người và làm cho xã hội hiện tại tốt đẹp hơn, từng bước xây dựng nên xã hội tương lai. Mục đích của giáo dục ở đây luôn gắn với hình ảnh con người mà nền giáo dục cần hướng tới và hình ảnh xã hội tương lai cần xây dựng. Nói khác đi, giáo dục là tạo ra con người có khả năng kiến tạo xã hội tốt đẹp hơn. Đây là mục đích cuối cùng của giáo dục được cụ Hoàng Đạo Thúy diễn giải giản dị mà tha thiết: *“Chúng ta mà muốn, thì chúng ta có thể đổi hẳn tương lai nòi giống. Chỉ mười năm, phải, mỗi người chỉ tận tụy mười năm, là một thế hệ thanh niên sẽ đổi khác. Hướng hồ đời giáo dục của chúng ta ba mươi năm, hay hơn nữa. Đó không phải là mơ mộng. Sự thực ai cũng làm được, mà ai cũng phải làm mới được”.*

Thứ hai là sự ý thức rất rõ về vai trò và sự cần thiết của mối quan hệ hai chiều, bền chặt giữa gia đình và nhà trường, giữa cha mẹ và giáo viên trong việc giáo dục học sinh. Cho dù chỉ là một cuốn sách mỏng, cụ Hoàng Đạo Thúy đã dành một dung lượng đáng kể cho việc phân tích nội dung này. Theo cụ, giáo dục phải bắt đầu từ gia đình, ngay từ khi đứa trẻ còn là bào thai bằng việc thực hiện phép thai giáo. Cụ khuyên các bà mẹ khi mang thai nên hướng thiện, biết cân nhắc lời ăn tiếng nói để con có được nhân cách tốt như *“tôi không nghe tiếng tục, lòng không nghĩ điều tà”*. Tiếp đến, cha mẹ cần phải nuôi con bằng

sữa mẹ để đứa trẻ được khỏe mạnh. Một quan điểm bây giờ vẫn còn nguyên giá trị. Cụ không chỉ nêu lên những lợi ích về mặt khoa học khi nuôi con bằng sữa mẹ mà còn khuyên không nên nuôi vú em (người ở vú) để họ nuôi con mình. Việc đó theo cụ vừa không thuận nhân tâm, vừa có ảnh hưởng không tốt đến tình cảm, sự trưởng thành xã hội của trẻ. Cụ phê phán những bà mẹ chỉ vì *“muốn giữ vẻ đẹp hàng chợ, hay vì bị mấy cái tranh quảng cáo xúi giục, hay vì cái ý lạ lùng, muốn cho con bú một cách “Khoa học”, mà bỏ sữa mình đi, nuôi con bằng một thứ sữa hộp”*. Theo ý cụ thì, *“Ăn sữa hộp hay chai, dù thế nào, cũng phải coi là một cách vạ bất đắc dĩ mới dùng, người muốn cho con mình mạnh không bao giờ dùng đến”*. Khi trẻ đến tuổi đi học thì sự liên lạc mật thiết, mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau và cùng hợp tác vì sự tiến bộ của trẻ giữa gia đình và nhà trường, giữa cha mẹ và giáo viên trở nên rất quan trọng. Cụ Hoàng Đạo Thúy viết về điều này rất dễ hiểu nhưng cũng rất mới: *“Suốt cả trong đời học trò, sự liên lạc của gia đình và thầy học vẫn cần mật thiết. Ở bậc tiểu học, thì việc ấy rất dễ dàng. Thầy học lại thăm cha anh học trò. Cha anh học trò thăm thầy học. Đến trung học và cao học, những việc thăm hỏi khó hơn, nhưng lúc này gia đình nên làm thế nào cho cung cách của mình không trái ngược với những cung cách của nhà học. Nếu không thế, nếu gia đình coi thầy giáo như những người dưng, như những kẻ quyền rũ con mình, như những người đối với những người ấy mình phải chống chọi thì trẻ sẽ sinh ra ranh mãnh, nó làm cho hai bên không gặp nhau, cho dễ đi nói dối cha, về nhà nói dối chú”*. Ngày nay, trong bối cảnh sự xung đột quan điểm giá trị giữa gia đình và nhà trường, sự va chạm thậm chí là “đối đầu” giữa phụ huynh với giáo viên, nhà trường đang trở thành một

vấn đề lớn của giáo dục trường học ở nước ta, những lời trên hiển nhiên bao hàm nhiều ý nghĩa cho cả hai bên.

Thứ ba là việc nêu ra và nhấn mạnh mục tiêu giáo dục toàn diện. Theo cách diễn đạt của cụ Hoàng Đạo Thúy thì nhà giáo dục phải “để tâm” đến “Đức, Chí, Thể, Trí, Công”. Cụ giải thích: “Đức dục hãy để lên đầu, như xưa kia, là phải lắm. Trí dục cần, là việc tất phải thể rồi. Thêm với Thể dục thì dễ hiểu lắm. Song chỉ bộ ba Đức, Trí, Thể dục không thì với cái trách nhiệm làm người, khó mà làm đủ được. Cần thêm Chí dục nữa mới được. Có Chí thời mới đủ gan để theo con đường của Đức vạch ra, mới đủ sức mà dùng các phương pháp của Trí chỉ vẽ. Lại nên thêm một thứ nữa là Công dục. Có quen tay làm việc thì các công trình mới mong có được kết quả tốt. Một việc làm ần là việc rất cần để mà sống, sao nhãng khoản ấy thì nguy hiểm vô cùng”. Để truyền tải mục tiêu toàn diện của giáo dục, tác giả dùng các chữ của Nho giáo. Nhưng khi đọc ta sẽ thấy, quan niệm của tác giả rất mới và độc đáo chứ không hề câu nệ, khuôn sáo và nặng về giáo huấn hay sa vào hình thức. Chẳng hạn trong những nội dung của “Đức” như “hiếu”, “đễ”, “trung”, “tín”, thì chữ “trung” được diễn giải thế này: “Lòng TRUNG với nước, nên dạy từ sớm. Gắn ở cái lòng trung sâu xa mà có thể đến chỗ hy sinh lớn. Như thế hơn là cái trung mồm mép, bông bột một lúc. Hiếu ở lòng nhân ra, yêu cha mẹ. Để cũng thế, là lòng yêu anh em. Trung là lòng yêu người cùng nước, yêu kính người khác, lo toan cho người sau. Vì thế đọc quốc sử là một cách nuôi lòng trung. Biết thờ phụng các bậc anh hùng rồi mới nối gót mà thành anh hùng được”. Ở thế kỷ XXI, đầy sóng gió và cũng là khi nhiều giá trị đang bị lung lay, đánh tráo này, thử hỏi, trong gần 100 triệu người Việt Nam chúng ta có ai phản

đổi quan niệm “*Trung là lòng yêu người cùng nước, yêu kính người khác, lo toan cho người sau*”? Đặc biệt, trong khi tiến hành giáo dục toàn diện cụ Hoàng Đạo Thúy đặc biệt coi trọng “Chí”. Ngày hôm nay, trong bối cảnh chúng ta chứng kiến sự sa ngã, vô cảm của không ít thanh niên và sự phổ biến của cụm từ “con nhà giàu vượt sướng” trong xã hội, ta sẽ thấy ở cụ một sự sâu sắc và tầm nhìn lớn. Rất nhiều gia đình, nhà trường đã thất bại trong nuôi dạy trẻ thành người tử tế, rất nhiều cá nhân dù sinh ra khỏe mạnh, có tài năng nhưng trong suốt cuộc đời mình đã “sống mòn” thậm chí là gây hại cho quốc gia-xã hội, gia đình chỉ vì không có “Chí”. Người ta đã quá coi trọng việc trẻ có thông minh hay không thông minh, có học giỏi hay không học giỏi mà quên mất phải rèn luyện cho trẻ có “chí”. Cụ Hoàng Đạo Thúy ngay từ 80 năm trước đã lý giải rất tài tình về mối quan hệ giữa “Chí” và “Tài” như thế này: “*Ở đời làm được việc tất phải có tài học, có khéo tay. Nhưng có cái gan để quả quyết làm, có cái gan để làm luôn luôn, có cái gan để đến được kết quả tốt, là nhờ ở chí. Có tài mà không có chí thì thế nào việc cũng hỏng, vì không dám làm, làm cũng bỏ dở. Có chí mà ít tài, thì rồi cũng cố sức tập được cho có tài, vẫn làm được việc. Chí là vị sai bảo, tài là đồ dùng. Chí quan hệ như thế. Một môn giáo dục nào mà không để ý nhiều đến chí là không dùng được*”. Cụ giải thích cụ thể “chí” là gì trong khi phân tích mối quan hệ giữa “chí” và “khí”: “*Nói chí thì thường nói cả khí. Chí là ý muốn làm, khí là sức mạnh để cho chí làm được. Chí khí là sức mạnh của tâm hồn. Người có chí khí thì cả quyết. Thấy việc nên làm là dám làm: bền gan, gặp nổi khó khăn không nao núng; vững dạ, giữ được ý mà theo đuổi mãi công việc mình; bạo, dám xông pha chỗ nguy hiểm; nhiệt thành, đủ cái khí để cho việc chóng*

xong, cho người khác theo; táo tợn, chỗ khó khăn nguy nan vẫn không rối trí quẩn bách, vẫn biết được cách chống đỡ và cách lên lui; đảm nhận được công việc, không để hổng, không bỏ dở, không chịu nhọc, không để cho người ta đè nén hay làm nhục nhã, không hèn. Người có chí khí, có khí khái, gặp trường hợp nào cũng giữ được phẩm cách mình. Người có chí khí biết sáng kiến, biết tìm được đường mới mà đi, đã tìm được đường thì lập được chí và đủ chí để theo đuổi cho đến lúc thành công”.

Đọc những dòng trên và suy ngẫm về xã hội quanh mình, nghĩ về trẻ em, thanh thiếu niên, có lẽ rất nhiều người như tôi sẽ thấy luận giải của cụ Hoàng Đạo Thúy là có lý. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, các nhà giáo dục ít nói rèn “chí” cho thanh niên mà diễn đạt nó bằng các từ như “rèn luyện nghị lực”, “giáo dục năng lực vượt khó”, “giáo dục năng lực kiểm soát bản thân”... Nhưng thực chất, những nội dung của nó về cơ bản đã nằm trong quan niệm về “chí” và “khí” nói trên. Ở đây, ta cũng sẽ giật mình hơn nữa khi đọc những cảnh báo của cụ Hoàng Đạo Thúy về sự tan rã “chí khí” của thanh niên:

“Mầm chí khí đã sẵn có, nhưng cổ sức vun bón thì mầm ấy lớn thành ra cây gỗ đồng lương, để cho vật dục làm hại thì úa héo dần dần và mục nát cả gốc rễ.

Đời này tiến về vật chất nhiều. Cơ nguy cho chí khí ở đó. Nhiều máy móc, ít phải gắng công, nên không gắng quen. Nhiều điều tiện lợi, muốn được cái gì cũng dễ dàng, nên không hết sức mà tìm ra cho có. Các cách tiêu khiển phần nhiều ủy mị, thế là chí khí tiêu ma, vì con dao không mài giữa, không dùng, phải gỉ. Mỗi ngày gỉ thêm một ít là con dao tiêu”.

Sau khi giặt mình, chúng ta chắc hẳn sẽ đặt ra câu hỏi “mình có thể làm gì?” cho thanh thiếu niên. Cụ Hoàng Đạo Thúy gợi ý rằng “*Giảng một bài học ‘chí khí’ thì vô ích. Chí khí không phải là một môn học. Phải rèn luyện luôn luôn thời mới có chí khí. Công việc rèn luyện phải lâu năm, phải làm hết giờ này ra giờ khác. Không phải bài học trong một giờ: mỗi lúc hễ làm được là phải làm; không ngừng lúc nào, không quên dịp nào cả mới được... Chúng ta dựa vào việc rèn chí khí cho trẻ cũng khó lắm. Bảo mỗi môm cũng vô ích. Chỉ khi nào trẻ tự nó bắt tay vào mà nhất định làm cho mình có chí khí thì công cuộc mới nên được*”. Những chỉ dẫn ấy có lẽ còn dễ hiểu hơn và gây cho ta niềm phấn chấn hơn cả những lời hô hào “học đi đôi với hành”, “học tập thông qua trải nghiệm”, “đưa đời sống vào trường học” đang ngập tràn trong các diễn ngôn cải cách giáo dục mà ta đang thấy.

Thứ tư là cuốn sách đưa ra nhiều phương pháp, kinh nghiệm giáo dục độc đáo, giàu tính thực tiễn và hàm chứa triết lý sâu xa. Làm giáo dục, với người thầy, là một công việc lớn lao. Điều này đã được chính cụ Hoàng Đạo Thúy chỉ ra ngay từ đầu cuốn sách là “thay đổi hẳn tương lai nòi giống”. Mục tiêu chiến lược là như vậy, nhưng giáo dục với người thầy, cũng là công việc cụ thể, chi tiết, hằng ngày hằng giờ với những việc nhỏ nhất nhất như tắm cho trẻ, dọn vệ sinh trường lớp, giao thiệp với phụ huynh, quan chức ở địa phương, chấm bài, sửa bài, hướng dẫn học sinh làm thủ công... Ở từng việc, cụ Hoàng Đạo Thúy đều chia sẻ những kinh nghiệm, phương pháp quý giá đúc rút từ sách vở và chính trải nghiệm làm thầy của mình. Hãy đọc những gì cụ viết, chia sẻ về những việc rất nhỏ mà ngay cả ở thế kỷ XXI này nhiều gia đình, trường học vẫn chưa làm được:

“Việc nước nóng, ở trường nên có cái thạp có nắp và có gáo, giao cho trò đun nước thật sôi mới đổ vào, đừng cho uống chung chén.”

“Cũng nên làm sao cho học trò bỏ chứng khoảng đũa vào canh; cả nhà chấm chung một chén nước mắm, nên dùng cái thìa hay đôi đũa riêng mà lấy đồ ăn, cho đỡ lây các bệnh. Đi ba quãng đồng để ăn một bữa cỗ, để rồi đem một vài chứng bệnh về, là một cái nguy đáng sợ.”

“Cũng nên để ý đến vệ sinh về thần kinh. Đời này đã ồn ào hỗn độn, các luồng điện đi chẳng chịt mà tối còn xem hát, xem chớp bóng thì mất mỗi, thần kinh lung lay, rồi ốm. Mà ốm về thần kinh chữa được không dễ.”

...

Những việc trên nhỏ đấy mà lớn đấy! Dễ đấy mà khó đấy! Chúng ta hãy thử học theo cụ vận động người Việt chúng ta mà trước hết là chính gia đình mình không dùng chung nước chấm, không uống chung cốc chén trong gia đình, công sở, quán ăn mà xem! Những chỉ dẫn cụ thể về phương pháp rèn luyện cho trẻ có thói quen tốt, biết vệ sinh thân thể, lễ phép với thầy cô, cách chữa bệnh “đùn” (ỷ lại) ở trẻ cũng rất hữu ích, có thể bây giờ vẫn còn đắc dụng.

Cuối cùng, tác giả đã phân tích rất hay về sứ mệnh của người thầy và đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho người thầy những việc cần làm để hoàn thành sứ mệnh ấy.

Nếu bạn đọc là giáo viên và chịu khó quan sát có thể bạn sẽ thấy trong những năm gần đây trong giáo giới nảy sinh và tồn tại hai hiện tượng song song rất kỳ lạ. Một đằng là căn

bệnh “thùng rỗng kêu to”, ngồi ở đâu, nói ở diễn đàn nào người ta cũng hô lên những khẩu hiệu lấp lánh, cao siêu để ca ngợi nghề thầy với những mỹ từ như “cao quý”, “cao cả”, “cống hiến”, “kỹ sư tâm hồn”; đằng khác là một sự im lặng đến rùng mình khi người ta né tránh tự chất vấn mình và bàn luận với đồng nghiệp về sứ mệnh của người thầy, về bản chất công việc của người thầy, về ý nghĩa của công việc mình đang làm trong mối quan hệ với sự tồn vong của quốc gia dân tộc và tương lai của những thế hệ đang tiếp nối. Ta hãy lắng nghe xem có bao nhiêu nhà giáo trong những buổi họp hội đồng, trong các buổi lễ kỷ niệm ngày nhà giáo hay thậm chí trong cả lúc nhàn rỗi ngồi cùng đồng nghiệp bên chén nước trà, mâm cơm bàn về sứ mệnh của người thầy, nói về chuyện nghề trong sự rung động và suy ngẫm sâu xa? Dựa trên quan sát và trải nghiệm của tôi thì có lẽ không nhiều lắm. Nói về những điều đó, ngoài ngôn ngữ diễn văn hay chúc tụng xã giao thường thấy ra ta sẽ thấy nhiều người ngại và... ngượng! Ừ, nói về ý nghĩa, sứ mệnh của nghề mình mà lại ngại và ngượng thì thật buồn và nguy hiểm thay! Ở đó, lý luận “miếng cơm manh áo” chiếm địa vị thắng thế. Vì vậy, tôi trộm nghĩ rằng giáo viên rất nên đọc cuốn sách này. Ở đây, cụ Hoàng Đạo Thúy đã nói rất hay, rất chân thành mà đầy ý nhị sâu xa về sứ mệnh của “nghề thầy”. Trích dẫn dưới đây có thể hơi dài nhưng tôi muốn trích nguyên một đoạn cụ viết ngay đầu sách:

“Chúng ta mà muốn, thì chúng ta có thể đổi hẳn tương lai nòi giống. Chỉ mười năm, phải, mỗi người chỉ tận tụy mười năm, là một thế hệ thanh niên sẽ đổi khác. Huống hồ đời giáo dục của chúng ta ba mươi năm, hay hơn nữa.

Đó không phải là mơ mộng. Sự thực ai cũng làm được, mà ai cũng phải làm mới được.

Chúng ta đã không quản gì đồng lương, không nhìn đến chỗ ngồi. Trong trường tiến thủ đã chỉ tranh lấy một địa vị lạnh nhạt nhất, nhưng có ích nhất. Bước vào giáo giới là chúng ta đã có mục đích: không phải đi làm để kiếm ăn thôi, không phải chỉ đi làm công. Chúng ta 'làm thầy'.

Cái huy hiệu bao nhiêu vinh hạnh thanh cao. Nhưng nó chỉ có được, khi chúng ta biết cả cái trách nhiệm nặng nề cho mình quan hệ cho Tổ quốc.

Chúng ta không phàn nàn vì người ta bạc đãi, hãy xét mình đã: Mình đã nhìn rõ công việc mình và để cả tâm chí, thân thể vào đó chưa? Mình đã biết nghề thầy và cố gắng cho xứng với nghề ấy chưa?"

Để hoàn thành sứ mệnh ấy, theo cụ, người thầy phải có niềm tin. Niềm tin ấy theo cụ sẽ có được khi người thầy “đủ lòng yêu trẻ”, “đủ lòng tin ở vận mệnh nước mình, ở xã hội này có thể thái bình và tốt đẹp được” từ đó “cả quyết rằng việc giáo dục thanh niên là việc mình, là cả đời mình”. Tất nhiên, từ nhận thức đến hành động trong thực tế và hành động cho đến tạo ra kết quả là cả một quá trình nhọc nhằn gian khổ. Bởi thế, ở phần cuối cuốn sách, cụ Hoàng Đạo Thúy đã chia sẻ những lời gan ruột với những người đồng nghiệp về đường đi nước bước của ông thầy ở hiện trường giáo dục từ cách thức nói năng, cư xử với quan lại, người dân tới cấp trên, đồng nghiệp. Ông cũng hướng dẫn người làm thầy cả cách ra đình chào các cụ, cách từ chối khi bị mời uống rượu, chơi tổ tôm và đặc biệt

là hướng dẫn người thầy cách chế ngự bản thân trước cám dỗ, mài sắc bản thân, tự giáo dục mình để trở thành một tấm gương cho không chỉ học trò mà cả người dân ở xung quanh soi vào. Xem xét ở góc độ này thì người thầy-nghề thầy trong con mắt Hoàng Đạo Thúy không chỉ thuần túy là “dạy học” mà người thầy, cho dù chỉ là một thầy giáo làng đi nữa, đích thực là một nhà khai sáng kiêm nhà hoạt động xã hội. Người thầy đó có thể làm khu vườn nhà mình thật tốt, giữ gìn nhà cửa mình ở thật sạch để người dân học theo; người thầy đó có thể trồng cây, khai hoang, hướng dẫn người dân về đời sống, cứu giúp người nghèo khó, “lập một tủ sách cho mượn” hoặc cũng có khi trở thành người khám chữa bệnh cho học trò, người dân. Khi làm được những việc đó thì người thầy có thể *“làm phúc tinh cho một vùng”, “cải tạo được cả nhân tâm một vùng, lại cải tạo được cả lý tài vùng ấy nữa”*.

Sẽ còn rất nhiều điều hay và mới mẻ nữa trong tư tưởng, quan niệm và kinh nghiệm của cụ Hoàng Đạo Thúy nhưng tôi xin kết thúc bài giới thiệu ở đây bằng cách dẫn lại những lời tâm sự nhẹ nhàng mà cháy bỏng của tác giả về nghề thầy. Chúng ta hãy cùng đọc đi đọc lại và suy ngẫm:

“Kể ra thì cái nghề của chúng ta cũng như, hay là hơn các nghề khác, cũng có lắm cái nhục và lắm cái vinh.

Thầy ngồi một nơi mà trẻ xất láo, cha mẹ học trò lại khinh khỉnh, lườm nguýt, cô ra chợ, người ta bán đất, hàng xóm chỉ chực chửi đổng, giữ nhau từng miếng, thì cái nghề mình cực thật, thà làm cu li đập đá còn hơn.

Những thầy đã tận tụy, trong lâu năm, học trò đã khá giả, làng đã sạch sẽ, thịnh vượng, nước đã thanh thời, lúc

trẻ nhỏ vào học, mặt sáng sửa tỉnh táo; thế thì thầy cũng có thể vui lòng mà bảo rằng: ‘tiến vi quan, đạt vi sư’ người xưa nói vậy mà phải.”

Hà Nội ngày 27/10/2020
NGUYỄN QUỐC VƯƠNG

CHÚNG TA MÀ MUỐN...

*Thư gửi đến các anh Hướng đạo Tráng sinh⁽¹⁾
làm việc giáo dục.*

*A*nh em ạ! Chúng ta mà muốn thì chúng ta có thể có một công nghiệp không rục rờ lòe mắt, nhưng bền vững sâu xa. Chúng ta mà muốn thì chúng ta bất tử, bất tử ở cái kết quả nó bền với non sông, bất tử vì chúng ta chết đi rồi, còn sống lại ở môn đệ, môn tôn, con cháu của tinh thần chúng ta.

Chúng ta mà muốn, thì chúng ta có thể đổi hẳn tương lai nòi giống. Chỉ mười năm, phải, mỗi người chỉ tận tụy mười năm, là một thế hệ thanh niên sẽ đổi khác. Huống hồ đời giáo dục của chúng ta ba mươi năm, hay hơn nữa. Đó không phải là mơ mộng. Sự thực ai cũng làm được, mà ai cũng phải làm mới được.

Chúng ta đã không quản gì đồng lương, không nhìn đến chỗ ngồi. Trong trường tiến thủ đã chỉ tranh lấy một địa vị lạnh nhạt nhất, nhưng có ích nhất. Bước vào giáo giới là chúng ta đã có mục đích: không phải đi làm để kiếm ăn thôi, không phải chỉ đi làm công. Chúng ta “làm thầy”.

1. Hướng đạo Tráng sinh (Rover Scouting) là một phân ngành của Hướng đạo, cung cấp một chương trình Hướng đạo dành cho các thanh niên đã trưởng thành ngoài lứa tuổi của Thiếu sinh chính quy.

Cái huy hiệu bao nhiêu vinh hạnh thanh cao. Nhưng nó chỉ có được, khi chúng ta biết cả cái trách nhiệm nặng nề cho mình quan hệ⁽¹⁾ cho Tổ quốc.

Chúng ta không phân nân vì người ta bạc đãi, hãy xét mình đã: Mình đã nhìn rõ công việc mình và để cả tâm trí, thân thể vào đó chưa? Mình đã biết nghề thầy và cố gắng cho xứng với nghề ấy chưa?

Anh em Tráng sinh nhà giáo ba kỳ chúng ta, chúng ta hãy cùng nhau giảng cứu hai câu đó. Câu trên thì mỗi người trong bọn ta trả lời lấy. Về câu dưới tôi xin khởi bàn ở sau này, mong anh em cùng nói vào.

Anh em ạ! Thanh niên hư hại, rồi quốc dân kém sút, chúng ta cùng suy xem như thế thì nhà giáo có thể tránh được tội với Tổ quốc không?

H.Đ.TH.

Khổng Tử dạy rằng:

“Thấy người ta hơn mình thì nghĩ cố sức làm cho bằng người, thấy người ta không hiền thì xét trong mình có phạm điều gì giống người ta không. Người hay kẻ dở cũng đều làm gương khuyên răn cho mình được vậy.”

1. Trong văn bản này, từ “quan hệ” sẽ được sử dụng luân phiên với 2 nghĩa:
(1) (danh từ) trạng thái tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sự vật. (2) (tính từ) quan trọng, hệ trọng.

MỤC ĐÍCH

Mục đích của chúng ta là đem lũ trẻ con người ta trao cho, mà rèn giũa sao cho nên người, nên người có hiếu, sau này gây được gia đình bền chặt, người dân tốt giúp được nước, người có tâm với thiên hạ, làm người biết đạo người, sống hợp với lẽ trời đất.

Trong một độ khá lâu, người ta đã chỉ trọng có mỗi một việc học, nói rằng: “đi nhà trường, để học đọc, học viết, học tính, để thi đỗ, để rồi đi làm, thì đủ thứ sung sướng”. Vì hiểu như vậy mà làm sai lạc cả mục đích của việc giáo dục. Thu hẹp việc giáo dục vào một chỗ học để kiếm tiền thôi, thì thiếu thốn quá. Đã hướng cả công trình giáo dục vào một việc tầm thường thì chỉ bỏ cho một lòng dục, lòng dục ấy sẽ phát rộng và mạnh ra, lại thêm không có sức đạo đức ngăn cản thì nguy lắm.

Việc sửa soạn thi các văn bằng dù người ta coi đó làm cái thước đo ông thầy, chúng ta chỉ nên coi nó làm một cách thử sức thôi. Lúc bảo học không cần để tâm đến việc thi. Không bị kỳ thi dọa nạt thì khỏi nô lệ cái học, trí dễ mở, dễ hấp thụ. Nếu tìm được cách làm cho học trò ham học, học cho biết, học vì thích, thì các môn học sẽ thấm thía sâu, ở bền trong óc. Sức đã có, thì tất được. Nếu bị dọa mà học thì phải vội vàng, chỉ sợ học nó lọt ra; rồi nó lọt ra vì nó đã vào một cách hấp tấp. Lại còn nên nhớ rằng học môn gì trong trường sơ đẳng, học cho biết chỉ là một phần, nhưng còn một phần quan trọng nữa: thao luyện lấy một cách xem xét và làm việc để dùng sau này.

Đức dục hãy để lên đầu, như xưa kia, là phải lắm. Trí dục cần, là việc tất phải thế rồi. Thêm với Thể dục thì dễ hiểu lắm. Song chỉ bộ ba Đức, Trí, Thể dục không thì với cái trách nhiệm làm người, khó mà làm đủ được. Cần thêm Chí dục nữa mới được. Có Chí thời mới đủ gan để theo con đường của Đức vạch ra, mới đủ sức mà dùng các phương pháp của Trí chỉ vẽ. Lại nên thêm một thứ nữa là Công dục. Có quen tay làm việc thì các công trình mới mong có được kết quả tốt.

Một việc làm ăn là việc rất cần để mà sống, sao những khoản ấy thì nguy hiểm vô cùng.

Có đạo đức để làm việc đời, không phải là để đi ăn. Rồi phải nhận một trách nhiệm ở đời. Giữ đạo đức ấy bằng cái chí không gì lay chuyển được, một cái trí đã luyện cho đủ tài năng, bằng những tay chân thạo việc và quen làm, dùng sức một cái thân có sức bền và mạnh.

Vậy năm chỗ nhà giáo dục phải để tâm đến phải là:

Đức
Chí
Thể
Trí
Công

Đức đã. Rồi phải cần ngay đến Chí. Vì không có sẵn một Chí vững vàng thì sao bền gan mà tập cho Thể mạnh, mà học cho Trí mở, mà luyện cho Công đến chỗ khéo, chỗ quen được.

Đức luyện cái tâm. Giữ cho tâm còn được cái

thiện mà từ lúc mới sinh ra đã có. Lại vun tưới cho nó cứng cáp, không phải nghiêng đổ vì các điều gập gờ. Việc này phải bắt đầu nhờ ở bà mẹ, nhờ ở người làm cha, cẩn thận ở cách nuôi nấng, dạy bảo, từ lúc mới đẻ một ngày cho đến lúc cho ra theo thầy, rồi cùng thầy cộng tác cho đến lúc con lớn.

Rèn được Chí là một công cuộc lâu dài. Cha mẹ đừng làm cho cái mầm Chí trong đứa bé nó nhụt đi. Thầy lại theo đó mà rèn giữa, mà vun, mà nuôi thêm, trong tất cả các dịp có được.

Về Thể thì cha mẹ mang cái trách nhiệm từ lúc con chưa sinh ra. “Mình mảy tóc da, của cha mẹ để lại”. Cha mẹ hãy giữ gìn sao cho không có bệnh hoạn, để rồi để cho con mình một cái thân thể không vì mầm bệnh mà gây yếu. Để ra rồi, lại phải đừng bó buộc quá cho con nảy nở dễ, giữ vệ sinh và nuôi đúng phép cho con mạnh. Lúc trao con cho thầy thì thầy mới nhân cái chất tốt mà cho hưởng được cả các ích dụng về tập luyện, mà không bị vì nổi sức không đủ, ngăn trở. Cây gì cũng thế: hạt giống đã chọn kỹ, chăm nom từ lúc non nớt thì sức sẵn có nó mạnh lên dễ lắm.

Trí khôn là thứ nhiều người có khác nhau, nhưng dạy phải phép, phải lúc, từ nhỏ phần nhiều đều có thể đến được chỗ hiểu biết.

Có làm thời mới có ăn, thế mà lâu nay Công vẫn ít được chú ý đến: đó là một việc đáng lo. Thế mà thủ công không những làm cho người ta sống dễ, còn có cái công dụng làm cho Thể và Trí được thăng bằng, luyện cho Chí bền vững, giúp được Đức khi vì thiếu thốn mà suy. Cái điểm thứ năm này thật cũng quan trọng lắm.

PHẦN CHA MẸ

MẤY LỜI THƯA CÙNG BÀ MẸ

Người xưa nói rằng: “Phúc đức tại mẫu” là phải lắm. Lấy máu mình, rồi lấy sữa mình nuôi cho con, tình mẹ con là cái tình trong sạch, đẹp đẽ thiên nhiên nhất. Chín chữ “cù lao”, mẹ nhận một phần lớn. Việc dạy dỗ con, bà mẹ cũng đảm đang từ lúc con ở trong thai. Những nỗi lo lắng của bà mẹ đã đủ làm một phương pháp thật trọn vẹn. Song trong đời mới này, bà mẹ nhận thêm nhiều trách nhiệm, mà có thể sao nhãng đôi chút cái công việc thiên nhiên để dành cho, nên xin có mấy lời nhắc này:

Bác hiền phi ngày xưa, khi có mang, không ngồi chiếu trái lệch, không ăn miếng cá lệch. Người nông nổi lấy câu chuyện ấy mà pha trò; nhưng xét kỹ ra thì thấy con cháu bao nhiêu đời còn giữ được những tính hay cùng dở của ông cha để lại. Ăn thịt một vài con vật còn có thể đổi được tính nết người ta, huống chi bà mẹ, lấy xương mình máu mình, làm xương máu cho

con, há lại không lấy được những điều ngay thẳng mà gây cho con cái tính ngay thẳng sao. Phép “thai giáo” còn dạy: tai không nghe tiếng tục, lòng không nghĩ điều tà nữa.

Con mới lọt lòng mà chẳng buộc nó lắm cũng là việc thắt chặt sức vùng vẫy của nó. Lúc chập chững mà không dám cho đi, đi hơi nghiêng đã cuống quýt, động ngã là ôm chầm lấy, xuýt xoa rồi rít, thì trẻ con thiệt mất sức chống đỡ.

Nuôi vú cho con, nói về đạo người đã không nên. Tiện cho mình nhưng làm thiệt thời cho đứa bé con người ta vô tội. Vả lại ai cũng thấy rằng: con hay giống vú. Không thể vin có gì mà không cho con được hưởng sữa sẵn có của mẹ nó, cái sữa đã sẵn sàng vừa vắn cho nó, vừa đủ những chất cần từng tháng một, lại vừa sẵn những thuốc, để ngừa trước và chữa sau, các bệnh có thể sinh ra, khi con còn bú mớm. Xưa kia đã biết lấy sữa mẹ chữa mắt cho con; mấy năm nay khoa học bên Tây đã xét ra rằng: đem sữa mẹ tiêm cho con, có thể chữa bệnh sưng mắt trong mấy hôm mới để.⁽¹⁾ Đó là một chứng cứ.

1. Cuốn sách được viết vào đầu thế kỷ XX, nên một số kiến thức về khoa học đã lạc hậu không còn phù hợp nữa.

Xin bà đừng nghe bà Giáp và bà Ất.⁽¹⁾ Các bà ấy cho các cậu các cô bé ăn mặc những bộ áo đẹp đẽ và quý giá. Thế thôi! Sợ để mặc xấu thì nguơng, chớ không muốn làm gì nữa. Muốn cho vẻ đẹp không giảm đi, và để rộng thời giờ, các bà ấy nuôi vú. Nhưng vú có mấy khi tốt được. Hễ thấy em khóc là để cái vú vào miệng vừa yên lại khỏi phải dỗ. Nó bú no rồi nó ngủ, là mình rảnh thân. Nhưng hễ trẻ ăn nhiều là phải ngủ thêm để tiêu. Tiêu không hết thì trớ ra. Trớ nhiều lần thì thành ra chứng mạn tỳ,⁽²⁾ chứng ít khi gỡ được.

Nói thật thế, thì bà Giáp sồ sồ bảo: “Thế ở nhà quê, trẻ chúng nó chết cả đấy!”. Ở nhà quê ít chết, cái có ở chỗ đàn bà nhà quê hay làm, không chịu bế con ngồi yên một xó; nhiều khi ngồi một xó thì đói. Phải đặt con đấy, đi làm, thỉnh thoảng mới ẵm và cho bú. Bú xong lại phải đặt đó. Chớ bây giờ người đàn bà nhà quê đã thành vú em nhà nghề, chỉ cho bú thôi, chớ không làm gì nữa. Bà có thấy mấy người vì túng, ra tỉnh ở vú một lần rồi về không? Phần nhiều đều trở lại tỉnh vì đã lười quen rồi. Cái người để con

1. Giáp, Ất là hai can đứng đầu trong thiên can, ý nói ví dụ hai bà mẹ bất kỳ.

2. Chứng tỳ hư. Triệu chứng: ỉa chảy kéo dài, kém ăn, người gầy, da xanh, suy dinh dưỡng.

rút ruột ra, mà bỏ đó đi ra tỉnh, cái người ấy liệu bà có thể tin ở lòng yêu của người ta, để yêu con bà không?

Bà Ất lại bảo: “Thế chúng tôi cũng phải ‘sống’ chứ? Làm cái máy đẻ, rồi cả ngày lại còn làm cái máy nuôi nữa à?”. Cái chữ “sống” bà Ất dùng đây cần phải giải thích. Sống là thỏa thích, sống là hoạt động; hai đằng có khác nhau. Bảo sống là để cho sướng cái thân, mà bảo rằng nuôi con thì thiệt sự sống, có lẽ một đôi tí. Nói một tí thôi, vì nuôi được con cũng là thỏa thích cái lòng ham muốn tự nhiên của người mẹ chớ sao. Còn nói sống là trọn bốn phận người, làm ích cho nhà, cho đời mà ích cả tự mình nữa, thì nuôi con thật là “sống” lắm, sống ở mình, ở con cháu. Còn có “sống” cách nào đúng nghĩa hơn nữa.

Nguy hiểm thay, tình thế một bà mẹ, mà không sẵn sóc được đến con. Những bệnh hoạn hiện thời, làm cho biết bao nhiêu lo sợ, hối hận; những thói hư hỏng của con, làm cho biết bao nhiêu cực nhọc sau này, cực nhọc cho đến lúc chết; chết rồi mà vẫn chưa yên được. Có khi còn bị tai nạn, còn bị lạc con vì vú lơ đãng hay gian man.⁽¹⁾

1. Gian dối.

Có bà tốt sữa rành rành, mà vì muốn giữ vẻ đẹp hàng chợ, hay vì bị mấy cái tranh quảng cáo xúi giục, hay vì cái ý lạ lùng, muốn cho con bú một cách “khoa học”, mà bỏ sữa mình đi, nuôi con bằng một thứ sữa hộp. Có mấy thứ sữa hộp mà còn được chất béo. Đã đóng vào hộp thì người cũng chết, huống chi là những chất sống (sinh tố)⁽¹⁾ mà trẻ con cần phải có, mới tiêu được đồ ăn, mới lớn lên, mới khỏi cần côi. Con đã không phải là cái nôi máy mà đổ ba lạng sữa vào, thành lạng ruối thịt, những chai, những vú cao su, lại sợ một tí là gây ra những bệnh hoạn ghê gớm mà cái nhẹ nhất cũng là bệnh đau ruột.

Nếu bà có phải cái thiệt thòi là ít sữa nữa, thì ít ra mỗi ngày cũng phải cho con bú một lần, còn dùng sữa hộp thì phải nhớ cho thêm nước chanh quả hay cam quả vào, thì mới tránh khỏi nạn được. Ăn sữa hộp hay chai, dù thế nào, cũng phải coi là một cách vạ bất đắc dĩ mới dùng, người muốn cho con mình mạnh không bao giờ dùng đến.

Nhiều sữa hay ít cũng thuộc nhiều về ý muốn. Người con gái thương trẻ, bà già xót cháu mồ côi cũng còn có thể có sữa được nữa là. Ăn những đồ

1. Vitamin.

ăn sinh sữa, rồi cố kính,⁽¹⁾ mong mỏi, cũng nhiều sữa được.⁽²⁾

Trẻ một tuổi, đừng tưởng là thường, công việc giáo dục đã phải bắt đầu rồi, bắt đầu ngay từ lúc mới đẻ, để nối cái việc thai giáo từ trước. Bé bằng tí thế mà nó thử mình rồi đó. Lúc này tập ngay cho quen thói điều độ, sự hiểu biết sáng tối và động tĩnh. Chưa đến giờ bú, “chú bé” đã hét lên rồi. Ấy thế mà sợ chú, cho chú bú ngay, là chú quen thân chú đi, lần sau chú hét sớm lên một tí và lần sau nữa, một tí nữa. Thế là mình thua chú, chiều chú cho đến làm hư chú đi. Bà phải nén lòng thương con đi một tí, để cho con nó kêu một chút, phổi nở ra. Đến giờ hãy cho bú, cho bú vừa đủ thôi. Đừng đắp chăn hay quấn tã nhiều quá, làm nó mất cả tự do chân tay, đừng bế ẵm nhiều quá mà bện hơi, đừng nhờ người tuổi tác bế ẵm lâu mà tổn mất sinh khí. Tiếng tăm cho đều, đừng để cho cả ngày không nghe tiếng gì, nhưng đừng để cho phải chịu ảnh hưởng những tiếng ồn ào hỗn tạp. Cho quen những tiếng mẹ đi đến gần, tiếng chuông đồng hồ đánh xa. Tập cho ngày ngủ ít để đêm ngủ nhiều. Cho

1. Cố gắng.

2. Cuốn sách được viết vào đầu thế kỷ XX, nên một số quan điểm về nuôi dạy trẻ đã lạc hậu không còn phù hợp nữa.

bú một lần lúc khuya, rồi sáng sớm mới lại cho bú. Trẻ con thuộc về thiên nhiên. Cho sống xa thiên nhiên là làm bớt sức mạnh đi.

Ngay từ lúc này bà mẹ đã phải nhớ rằng bé thế mà đã có tai có mắt cả. Con mới biết hóng chuyện bà mẹ đã làm bà giáo rồi. Hỏi chuyện con, lắm bà lại cứ trêu chọc xem nó có biết khóc không. Khóc có hay gì. Có bà lại làm mặt xấu để dọa con, có lạ không? Con bắt đầu biết nắm tay, các bà thường để cho nó thuận tay phải. Làm được cho nó thuận cả hai tay mới thật lợi cho nó sau này. Những hôm đẹp trời đừng sợ gió quá, một phần lớn trong ngày cho con ra sân ra vườn, cho nó làm quen với cảnh vật, với không khí lành mạnh. Miễn là chân cho đủ ấm, bụng cho kín, ra ngoài có ngại gì.

Con đã biết chững, lo sợ là phải, nhưng nên lo sợ trong lòng thôi. Đừng đem bông mà chèn đủ mọi chỗ. Ngã một cái là một bài học hay. Có thể mới chịu vịn mà biết đứng cho vững. Có đau một vài cái, mới rõ thế là đau.

Con bập bẹ nói, phải cẩn thận nữa. Nói ngọng thì nó nói ngọng ngay, rồi lại tổn công chữa sửa. Lắm ông bố dạy ngay con chửi, cho con chửi mình, rồi reo ồ, khoái lắm. Thấy con nói những câu hóm hỉnh, tai ác cho là thích. Dem đồ chơi giữ mãi rồi mới cho. Bắt

nói một câu rồi mới đưa kẹo. Rõ thật tự mình làm khó cho mình. Đương ẵm con, lại bỏ mà ẵm anh chị nó, để xem nó có tức không. Sao lại sớm gây cái mầm ghen ghét cho nó như thế. Bố dứ đánh mẹ, xem nó có bênh không, mẹ đánh dứ bố, xem con có giữ không; thế thì đứa bé hai tuổi còn biết thế nào nữa. Trẻ con thiên tính lành, nhưng nó có đủ trăm thứ nết của ông bà cha mẹ để lại cho. Nuôi cái mầm ghen mầm giận cho nó, rồi nó ghen, nó giận lại đánh nó; độc ác chưa? Yêu con ôm chầm lấy nó, rồi lại tát yêu nó nữa; nó hiểu làm sao được trong lúc tuổi nó là tuổi đang cần phân biệt.

Trên đã nói rằng lúc này cần biết phân biệt. Vậy nên cho xem các màu khác nhau, ví dụ cắm hoa thay đổi màu, đồ thay đổi chỗ, tiếng chuông, tiếng gõ khác nhau, nếm vị ăn khác nhau. Nói tóm lại, cái tuổi từ 2 đến 4: trong cần bồi bổ những mầm tốt như yêu thương, ngoài cho tiếp xúc với cảnh vật có trật tự. Phần nhiều thì dùng ngáo ộp, có người dùng cả cha cả ông để dọa con, mồm luôn mấy tiếng “Chết! Chết!” và “Chết! Bố về kia kìa”. Bố đi vắng, con nhớ, bố về, đã toan giơ hai tay, chạy ra đón, thế mà đâm ngay câu “Chết! Chết! Bố về kia kìa!” thì có khổ không. Cái sợ làm yếu bóng vía, làm quả tim đập lộn phèo, tại làm sao lại nuôi ở trong óc non của trẻ? Làm cho con tái

xanh tái xám mặt, rồi lấy làm đắc chí rằng dạy được con biết sợ thì có lạ không? Có chẳng là để cho con biết sợ lửa bỏng, sợ dao đứt, điện giật, sợ cha mẹ buồn, thế thôi.

Trẻ 4, 5 tuổi đã biết xem xét khá rồi, lại biết suy nghĩ một cách đơn giản nữa. Lúc này nó nhìn đòi giàu tưởng tượng, hay bắt chước. Vậy cẩn thận nhé, chỉ nên để cho nó trông thấy những cử chỉ nên bắt chước thôi. Câu nói việc làm, đừng cầu thả. Để phúc đức cho con là ở chỗ này đây. Tập cho con biết lễ phép, biết thưa gửi, chào hỏi, biết đi đứng ngay ngắn, ngồi nằm chỉnh tề, bưng cái bát cái đĩa khỏi vỡ. Cho bộ bàn ghế xinh cho nó bày, nhưng để ý những thứ cho con dùng, đừng có vẻ tục, lố lằng, vì mỹ cảm đã có phải bắt đầu mỹ dục ngay. Cho bộ bát con cho con thu xếp. Những đèn nến và lư hương trẻ con bày, có người đổ cho chúng cái tội xui mê tín, đổ thế là sai. Bày biện, nó sẽ học cân đối, gọn mắt. Nó thích nghe chuyện. Kể cho nghe những chuyện có giống vật, có rừng rú. Chuyện cổ tích thì để lúc 7 hay 8 tuổi. Chuyện anh hùng lúc hơn 11 hay 12. Tập cho quen sạch sẽ, quan trọng lắm. Nếu tập ngay được từ bây giờ thì nhẹ được về sau này lắm. Làm thế nào cho con hể bản một tí là không chịu được: làm người đem con đi lau mặt, mà làm như đem làm lông lợn, ghê quá; vật đồ cả mũi, căng cả tai, làm

cho trẻ thấy cái khăn mặt đã hết hồn rồi, thì nó còn muốn sạch làm gì nữa.

Cho con học cái thói quen thứ tự. Có cái hòm con đựng đồ chơi, các miếng gỗ con để làm nhà, làm đình, tàu thủy, tàu hỏa, chơi xong xếp gọn gàng vào đó. Có cái ngăn ở tường hoặc để lọ hoa, hoặc “em bé”. Có người kêu: “Chơi trẻ con quá!”. Lạ chưa! Nó chả là trẻ con, chớ còn là gì. Trẻ con, dương thịnh, hay hoạt động, hay kêu, hay xé, hay phá. Đừng đánh nó, cho nó biết phá là hỏng, làm cho đồ chơi xấu đi, cho nó nháy, nó chơi cho thỏa thuê đã. Rồi nó xem những thứ đẹp, mình nói “Đẹp nhỉ!”, tay mình cầm nung nhẹ, mặt mình tươi tỉnh, con sẽ thấm thía và trong lòng nảy ra cái ý trọng những thứ đẹp. Con có nhớ tay đánh vỡ cái chén. Bố vào. Chị, mẹ hay u em vội nói: “Chết! Chết! Giấu đi, thầy vào kia kìa!” rồi lại nói dối: “Thưa thầy chị đánh vỡ chén đấy ạ. Không phải chú đâu ạ!”. Thế có khác gì dạy đứa bé rằng: “Nói dối thì thoát đấy”. Phải cho nó biết nhận trách nhiệm việc nó làm. Nó đánh vỡ một cái bát, cũng chả làm sao, việc gì lại dọa nó, giấu đi không chết. Hãy bảo em nó: “Thưa thầy, con nhớ tay đánh vỡ bát, xin thầy tha cho”. Bảo con đi qua chỗ tối, thì đưa cho nó đi một lần, cho nhìn rõ ràng không có gì đâu, cho nó mó vào cái chum cho biết rằng đó chỉ là cái chum, rồi lại cho đi một mình.

Việc gì lại phồng má lên mà làm bộ suýt soát mà làm cho nó động thấy tối là chòn chòn. Đó là làm nhát cho nó, để nó thiệt thòi sau này. Nếu có được cái vườn con trong có vài cây tưởng tượng rừng, một mô đất tưởng tượng núi, ruộng nước khuất khúc làm con sông, dăm cây hoa, luống rau, mấy con chim dạn người để đủ làm cho nó một thế giới con, rồi hôm nhàn rỗi, cho lên vườn bách thảo, được tùy ý xem ngắm, chạy nhảy mà hát mấy bài hát đơn sơ, thì trí trẻ cùng tâm hồn ngây thơ của nó được chỗ mà phát triển, mà mở mang, không có lớp học nào bằng.

Con đã sáu bảy tuổi. Người xưa, con đến tuổi ấy, cho búi tóc, ra nhà ngoài theo thầy học. Thường thường thì bà mẹ lúc này không đủ để trông nom con nữa. Đối với bà mẹ nước Nam, thì việc này lại cần lắm. Bà mẹ chiều con thì đến tuổi ấy còn ôm ấp, làm cho con quen quẩn quýt dưới gối, không tiến được đến chỗ phải sửa soạn để nên người. Bà mẹ lo lắng thì bà vẫn yêu con lắm, ít nước có đàn bà yêu con như nhà mình, nhưng bà bắt đầu lo cho con, mà bỗng nhiên bà cất hết tất cả những cái biểu lộ tình thương như trước đi. Bà dùng ngay những lối rất khe khắt, để cho con cứng cáp. Nhưng trẻ 6 tuổi, không hiểu ý ấy, ngờ ngác không biết làm sao mà mẹ nó lại đổi ý với nó chóng thế. Vả lại trong chỗ cha con mẹ con, trách

lấy điều thiện sớm quá thì tất lòng thương yêu rời dần ra, khơi sâu cái ngòi ngăn người lớn và trẻ con. Chi bằng chính tay bà mẹ lo áo quần cho con, sắp giấy bút cho con, âu yếm đeo cặp lên vai cho con, dắt ra cho ông bố để đưa con đến trường. Cần tìm những trường trong độ này tập cũng bằng học, học một lúc lại chơi, chớ không học để thi vội. Buổi chiều, con về nhà, lại thấy mẹ tươi cười, những nỗi đặng chạm thứ nhất trong khi ra đến cái đời cón con của trường học, có thể vẫn thỏ thẻ thừa cùng mẹ được. Mẹ an ủi, mẹ khuyến khích, nâng đỡ cho con, làm cho con mạnh mà từ nhà ra đến trường.

Từ lúc này bắt đầu công việc của ông giáo, nhưng cha mẹ vẫn giữ một phần lớn. Thầy học cùng gia đình đừng có để cho trẻ nhỏ thấy việc này ở trường là được, cũng việc ấy ở nhà lại là hỏng, rồi thành ra một cách sống ở nhà và một cách sống ở trường riêng, làm cho thay đổi lòng. Hai bên nên cùng theo một phương pháp, bảo cho nhau những điều xét nghiệm được về từng trẻ.

Suốt cả trong đời học trò, sự liên lạc của gia đình và thầy học vẫn cần mật thiết. Ở bậc tiểu học, thì việc ấy rất dễ dàng. Thầy học lại thăm cha anh học trò. Cha anh học trò thăm thầy học. Đến trung học và cao học, những việc thăm hỏi khó hơn, nhưng lúc này gia đình

nên làm thế nào cho cung cách của mình không trái ngược với những cung cách của nhà học. Nếu không thế, nếu gia đình coi thầy giáo như những người dung, như những kẻ quỵến rũ con mình, như những người đối với những người ấy mình phải chống chọi thì trẻ sẽ sinh ra ranh mãnh, nó làm cho hai bên không gặp nhau, cho dễ đi nói dối cha, về nhà nói dối chú.

Trẻ chưa về đến nhà, đã mếu máo: “Thầy ấy đánh con!”. Thương con thì để bụng, ông bố hãy bảo: “Con phải nói ‘thầy con’ đánh con, không được gọi ‘thầy ấy’ ”, thế rồi đi thăm ông thầy. Đừng vội vàng hỏi ngay: “Làm sao ông đánh con tôi?” nhưng hãy thư thả mà nói: “Cháu hư lắm, nhờ ông trừng trị cho. Xin ông bảo cho cháu hồng chỗ nào, để ở nhà chúng tôi ne nét cháu”. Thế thì hai ông bàn được ngay với nhau, mà cu cậu đã biết rằng thầy và bố đồng ý, không có thể bịa chuyện đánh chửi, mà đành thẳng thắn đi học, thẳng thắn về nhà.

Ông giáo hỏi trẻ: “Sao anh chưa có sách học?”. Có đứa nói: “Nhà con không cho ạ”. Nếu nóng giận mà mắng thậm tệ, thì đứa bé về nó sẽ nói sai, hai bên sinh ra xích mích. Nhưng khoan thai mà bảo: “Sao anh lại nói ‘nhà con’? Phải nói rằng ‘thầy con’ chưa cho ạ”. Thế mới phải, rồi lúc gặp, hỏi ông bố xem, chưa chắc đã là không cho.

Ấy việc giao thiệp học đường cùng gia đình quan hệ thế đấy.

Cha mẹ chăm chú vào con, nên biết lòng cho thầy giáo. Mình còn trông thấy con nảy nở, chớ ông thầy kia, ông ta còn cần phải có bao nhiêu cái thanh cao của nhà gieo hạt giống; sửa đất đấy, gieo đấy, bón tưới đấy, bao nhiêu hạt nở, bao nhiêu hạt thui, cái kết quả nó chỉ lâu lâu lắm mới thấy được trong trình độ của giống nòi sau này. Giọt tâm huyết, rót vào bể lớn, ông ta là người rót mãi rót mãi, cho đến lúc hết. Hiểu cho tâm trạng ông ta, cộng sự với ông ta, ông ta sẽ sung sướng lắm.

Cũng không nên ngại rằng dạy con tốn công quá. Hãy xem những người không con, tính nết khó khăn thế nào. Chúng ta có con, lòng yêu người, có chỗ yêu, nó nảy nở ra, nụ cười con trẻ làm cho một đời tươi tỉnh. Có con không dạy thì con sẽ là cái nợ. Dạy con cẩn thận là cái hạnh phúc lúc mình đến tuổi già, không làm được nữa sẽ có con làm theo chí mình.

GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG

NGUYÊN LIỆU

Nguyên liệu đây là cậu bé hay cô bé con mà chúng ta đã nhận để dạy dỗ.

Từ 1 đến 6 tuổi, cốt ở bà mẹ. Không những ăn uống phải để ý cẩn thận, gương tốt rất cần phải có. Muốn giữ cho tính thiện nguyên vẹn thì đừng cho thấy những nỗi xấu xa, đừng gây những mầm ghen ghét trong chỗ anh em chị em. Bà mẹ thầy Mạnh biết chọn chỗ ở, quả là một bà mẹ hiền.⁽¹⁾

6 đến 8 hay 9 tuổi, dầu đã “đi học” nhưng chưa phải đã là một cậu học trò. Trí còn hay thích những chuyện mơ hồ. Lúc này các truyện cổ tích thì thích lắm, câu chuyện cộp với rừng xanh thì vừa tai các cậu

1. Tích về mẹ của Mạnh Tử 3 lần chuyển nhà để tìm hoàn cảnh sống thích hợp cho con trai chuyên tâm học tập.

lắm. Nếu kể chuyện cho nghe mà đừng quá ghép vào luân lý câu chuyện, để cho tự gọi lấy, tự suy xét lấy thì hay lắm. Còn bé còn cần ăn, nên thói tham ăn là thường. Không thể bó buộc quá ở chỗ ấy. Nên tập cho ngay một vài điều cần thôi: Việc “vâng lời” là cần hơn cả. “Vâng lời” là con đường đưa từ chỗ còn là con vật nhỏ đến chỗ cậu bé con đó. Lúc này hay cho xem cây, xem hoa, chăm chút âu yếm con chim con chó thì cái tâm mở dần ra.

10, 11, 12 tuổi là lúc chán chuyện trẻ con rồi, đã bắt đầu nhìn vào cuộc đời của người lớn. Nhân cái lúc này, êm ái cho vào khuôn phép. Tập lấy những thói quen tốt. Cho quen sạch sẽ, cho đến hể bản là không chịu được. Cho quen làm việc nào xem việc ấy, để đỡ thói cầu thả sau này. Tập quen lễ phép để làm một khuôn chắc chắn, phòng lúc 14, 15 là lúc hay quên lễ phép. Đừng có sợ chơi nhiều. Chơi là một việc cần dùng của độ tuổi này, là cái thiên tính không nên đàn áp, chỉ nên tìm cách cho chơi thế nào cho có ích thôi.

Khó bảo nhất là từ 13 đến 16 tuổi. Nhón trông thấy, thân thể gần đầy đủ để trở nên người lớn, thừa sức thì ham tập thể thao. Không nên hãm mạnh, nhưng đưa vào chỗ tập cho có khuôn phép. Ham đọc tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết kiếm hiệp, trinh thám,

thích những cử chỉ của các bậc anh hùng; cần tin ở một ai để nói được chuyện tâm tình. Đoạn này là đoạn ông thầy tốt làm việc có công hiệu. Ham xem chớp bóng⁽¹⁾ để thỏa cái tính hiếu động. Cấm xem tiểu thuyết, cấm xem chớp bóng thì như là xui cho xem giấu. Chi bằng tìm cho một cách hoạt động như Hướng đạo, như dự các cuộc chơi lớn, để cho thỏa thích mà theo gương các vị hiệp sĩ xưa kia.

Khó khăn nhất là độ 16, 18 tuổi. Không phải là trẻ con nữa, mà cũng chưa nên người lớn. Lúc này các bộ phận trong mình cố hòa hợp, tìm thăng bằng, tiếng đổi, ngực nở. Tính hay thay đổi, yêu thì yêu quá, ghét cũng ghét quá. Yêu đấy rồi lại ghét đấy. Các bộ phận trong thân thể sắp đầy đủ, có lắm lúc làm cho tinh thần qua những cơn đặc biệt. Những cơn có trong xã hội, lúc này nhìn bằng một con mắt mới, làm cho xúc động, lắm lúc sâu xa, lung lay cả tâm linh. Hay có những cái cả quyết ác liệt, hấp tấp. Bắt đầu nhìn đời bằng một thân thể có các bộ phận đầy đủ, sức cơ thể như muốn vượt lên hơn sức tâm hồn, lòng dục dễ nảy ra, vật chất dễ sai khiến, vật dục có thể làm sai tính đi. Hồi này cần những người bạn tốt, những cha mẹ sáng

1. Phim chiếu bóng.

suốt và ân cần để trong chỗ vật lộn tối tăm, chỉ cho con đường sáng. Cần cha mẹ, nhún mình như bèo bọt, nghiêm trang cũng phải, nhưng âu yếm mà giảng cho biết lẽ về sinh lý, về đạo đức. Có thể thì cái cầu nguy hiểm này mới qua được một cách nhẹ nhàng, đỡ được những nỗi hư hỏng sa ngã, những chuyện quyết liệt có thể thương hại đến gia đình.

Qua được độ này thì dần dà vào được con đường học tập cẩn thận.

Xem như thế thì công việc giáo dục khó khăn chừng nào. Mỗi lúc phải một bức, một ngôi, mỗi lúc phải thay một phương pháp. Cả cái khó của cha mẹ, của thầy ở đấy.

Không một đứa bé nào tất nhiên là tốt. Không một đứa bé nào đáng bỏ đi cả. Nhà nho đã nói rằng: “Người đẻ ra, tính vốn lành”. Người bi quan hết sức cũng phải nhận rằng: “Đứa hư nhất cũng có năm phần trăm tốt”. Hy vọng của nhà giáo là ở chỗ đó.

Khổng Tử nói rằng:

“Ta học không chán, dạy người không mỏi”.

PHƯƠNG PHÁP

“**N**gười đẻ ra, tính vốn lành”. Nguyên tính vốn lành, nhưng bị sai lạc đi, cũng khá nhiều. Thứ nhất là những tính di truyền của ông cha để lại. “Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh”, giống cái hay mà cũng có giống cả cái dở. Khí tiết của tổ tiên là của di truyền rất quý, mà cái khí tiết của những người đem máu và mồ hôi khai thác, rồi cầm giữ, mở mang đất này, không phải là một khí tiết tầm thường. Đây là một cái may mắn cho thầy giáo nhà Nam. Nhưng lại còn những mầm bệnh mà dăm chục năm nay thấy lắm. Mầm lao tai hại cho cơ thể. Mầm hoa liễu tai hại cho trí khôn. Thầy đồ không thể không có một thầy lang làm bạn đồng sự.

Từ lúc bụng đau khóc mà ra đời, tính tự nhiên lại phải qua một hồi xuyên tạc đảo đẽ. Từ việc nuôi bằng sữa thú vật làm cho sai tính, cho đến cách chăm nom dù ráo riết mà xa thiên nhiên, như bó buộc quá, như

lo sợ quá, không dám để cho cựa, cho ngã; thói ghen ghét vì trêu chọc trẻ con, vì thử thách xem có khôn không, có đáo để không, thậm chí thấy đánh anh, chửi chị mà cho là khá, là sống được. Việc dạy dỗ kỳ này là tối quan hệ mà lại phó cho kẻ ăn người ở.

Lên 6 tuổi, em bé bước vào cửa thầy. Thầy cũng đừng ngại vì người bố hay người mẹ chỉ gọi mình là thầy, không gọi là quan. Phải biết thấy cái vinh hạnh ở cái tên gọi “thầy” ấy. Lại cũng chả nên giận vì người ta thật thà đã nói: “Thầy cho cháu vào học cho nó đỡ quấy”.

Em bé tiến đến mình, trò sợ sệt, e ngại, nhưng thầy cũng không kém sợ sệt, e ngại. Cái bộ mặt kia, thầy cố nhìn nó mà đặt vào một câu hỏi về tương lai. Nó đem cái gì lại, rồi nó làm được gì. Ta giúp cho nó cái gì để cho nó làm.

TÍNH THIÊN

Hiểu biết rằng người ta sẵn có tính lành là một việc hiểu biết rất quan hệ cho phép sống mà Đông phương ta đã thấy. Vì tin rằng cũng sẵn có tính lành nên trong giáo dục đỡ ngay được cái ngờ vực. Vì

tin rằng ai cũng sẵn có tính lành nên dân ở một khối không ngờ nhau lẫn át; dân hai khối không ngờ nhau xâm chiếm. Sự ngờ ấy lâu mãi, tạo cho người một cái thành tính là mới thấy người là đã ngờ rồi. Thành tính ấy có hại từ một nhóm nhỏ cho đến cả xã hội to lớn.

Tính vốn lành, nhưng như trên kia đã nói: thói xấu cùng mầm bệnh di truyền làm cho đứa trẻ dễ sai lạc lúc đầu, lòng dục, cách sống vật chất làm cho sai lạc lúc sau; tính người ta mới sai khác mãi đi.

Một chứng cứ về tính thiện là người ta tự nhiên có cái lòng xót thương. Người dữ tợn đến đâu cũng phải rung mình cho đứa trẻ bò ở miệng giếng. Lòng xót thương ấy là mầm của Nhân đấy. Cho Nhân mà người ta đến Hiếu, Đễ, không ai bảo, mà người ta tự có lòng biết thẹn ghét, mầm của Nghĩa. Nhân Nghĩa là xuất tự tính trời phú cho người.

Tính người bị phải vật dục làm sai lạc đi, không phải là việc có thể làm một lúc xong được, nó phải dần dà, nhiều lần. Nhưng rồi cũng như khóm cây, lấy rìu búa mà đẵn thì cũng trụ đi được, nhưng gặp lúc mưa thuận, mầm tốt, thì chồi lại nảy lên được, vun bón chăm chỉ thì chồi ấy cũng có thể thành cây cao bóng cả. Thế nhưng đã đẵn đi rồi, mầm dù có mọc, mà trâu dê lại để cho nó ăn nhẩn đi, thì mọc lại khó lắm.

Thế cho nên trẻ con, thuận với tính thì thiện, mà trái với tính thì ác, cũng như vun cây thì mọc mà chặt thì trụi đi vậy.

Nhân, thiên tính ấy phải nuôi cẩn thận nhất, rồi đến Nghĩa, vì Nghĩa cũng ở trong Nhân mà ra. Nhân ở trong, Nghĩa ở ngoài. Dù ở ngoài nhưng cái lòng muốn theo Nghĩa cũng là ở trong, ở Nhân đã.

Muốn gây Nhân thì cho thuận theo tính trời, muốn nuôi Nhân thì một là đừng để cái gì ngăn cản nó, hai là tìm những việc cho nó có thể dùng ra được, như thương người, giúp người. Lại làm sao cho tránh những con giận dữ, con ghen ghét. Tránh những cái gì xui khiến lòng dục nảy nở ra, tránh những cách sinh hoạt vật chất nó chỉ bổ cho lòng dục. Lòng dục nếu không ngăn ngừa, nó sẽ làm cho chú trọng quá về vật chất mà quên bản tính thiên nhiên đi.

NGƯỜI DẠY ĐƯỢC

Kẻ bi quan vẫn cho người là một giống khó dạy. Chắc ở sự may rủi, không tìm rõ thiên tính thì dạy dễ khó thật. Nhưng biết hiểu cẩn thận thì việc giáo dục quyết có hiệu quả.

Vua Nghiêu, vua Thuấn - là hai bậc đại thánh quân xưa kia - cũng tâm ấy, mà ta cũng tâm ấy. Làm được thì là Nghiêu Thuấn, không làm được thì là bỏ đi. Thầy Mạnh nói rằng: “Thuấn là người thế nào, ta là người thế nào. Cũng là tâm ấy cả”. Có tâm ấy thì ở địa vị Nghiêu Thuấn, ở địa vị khó khăn cũng giữ được đạo nghĩa.

Tâm quan trọng thế, hóa cho nên phương châm cốt nhất là phải giữ sao cho lớn lên vẫn “còn được cái tâm (thành thực, thuần nhất, tự nhiên) của con trẻ”.

Chúng ta không thể theo những người chán nản mà ngã lòng. Trẻ dù có đũa ngu cũng có thể khai tâm, nuôi tính, rồi thành người dùng được cả. Mỗi người bị ruồng bỏ là một gánh nặng cho nước. Nay đỡ được một người là đỡ được hai gánh nặng cho nước.

THIÊN NHIÊN

Đã nói rằng vật dục có thể làm sai tính thiện đi, vậy công cuộc giáo dục phải gần thiên nhiên lắm. Giời đất, cây cỏ, muông chim là cái cảnh vừa thích hợp với thiên tính, vừa thích hợp với tuổi trẻ con.

Nhất là đối với tỉnh thành thì thiên nhiên lại là

một sự cần nữa. Không ai bảo ai mà mỗi khi hễ có thể được, là người ta về quê.

Trường học nên có cây, có hoa, có chỗ trồng trọt, có con chim con gà, cho trẻ đủ cái nhìn nài cho cây nảy mầm ra hoa, kết quả, có chỗ nuôi cái trí tò mò, xem xét, nghe ngóng. Yêu cây cỏ, yêu giống vật, mạnh cho lòng yêu người, yêu đời.

Khi có thể được, thì dù tốn kém cũng không nên quản công mà đưa trẻ 14, 16 tuổi đến chỗ núi cao, bể cả, cho rộng tầm con mắt, và khuôn khổ trí não và tâm trí mở mang.

Cảnh tối tịch mịch, ngắm vũ trụ bao la, tinh tú vàng vạc, giúp cho tâm hồn cao sạch hơn.

Nếu không vườn rộng, sân to, thì cũng phải có cửa sổ lớn để cho thiên nhiên dầm thấm vào giáo dục. Câu nói, đứng ngoài vườn ngoài sân nói thì tinh thần của trẻ tỉnh táo dễ nhớ.

Ấy là chưa kể rằng thiên nhiên làm cho sức khỏe, làm cho biết được bao nhiêu cây cỏ, chim muông cho đến côn trùng, những bạn có ích của người.

Cảnh thiên nhiên còn làm cho thần kinh thư thái nữa, việc rất cần ở thế giới hỗn độn này.

TỰ SỬA CHỮA

Không một đứa bé nào tất nhiên là tốt. Không một đứa bé nào đáng bỏ đi cả. Nhà nho đã nói rằng: “Người để ra, tính vốn lành”. Người bi quan hết sức cũng phải nhận rằng: “đứa hư nhất cũng có năm phần trăm tốt”. Hy vọng của nhà giáo là ở chỗ đó.

Một em bé mới vào trường, khác nào một tờ giấy trắng, trên đó tổ tiên và nhất là cha mẹ đã viết vào một phần thượng tằng, khoảng nhì thì anh em bạn bè vẽ vào. Còn một phần nữa, ai viết vào đấy? Phần ông thầy đấy chẳng? Ông viết vào là phải, nhưng hãy khoan, ông giúp cho trò tự viết vào là hơn, nét sẽ rành rọt, toàn cảnh sẽ tươi tỉnh hơn, mà tờ giấy rồi dùng được. Ông mà viết lấy thì trò đành phải chịu, nhưng rồi nó sẽ chỉ chực quên đi, rồi ra giả dối suốt đời.

Nên làm thế này:

Tìm xem đứa bé có những mầm gì, mầm xấu và mầm tốt. Mầm xấu thì làm bạc tước nó đi đã đành, nhưng cách ấy chưa tốt bằng bồi bổ mầm tốt, giúp cho trẻ nó bồi bổ lấy. Vì vẫn thế, giúp cho làm lấy hơn là làm hộ.

Ví dụ một cậu bé không may có thói hay nói dối. Nếu thầy bắt được nó nói dối, mà trước mặt mọi người nói sòng ra, thế là cậu bé thành danh nói dối. Cậu bé

khốn nạn,⁽¹⁾ chỉ trót đại có một lần, nay thành ra anh nói dối chính hiệu. Một hôm cố nói thật, tưởng người ta sẽ khen, chả hóa lại gặp ngay một nhát búa tai hại: “Bộ cái thằng ấy mà lại nói thật, tin làm sao được nó”. Thế thì còn gan nào mà nói thật nữa.

Nhưng, nếu thầy thấy người nói dối, thầy để tâm rình mò, không rình để bắt được nó nói dối, vì buộc lắm thì nó cũng xỏ được ra, nhưng rình mãi, rình cho được một hôm nó nói thật để tóm ngay lấy, rồi bảo rằng: “Người ta cứ bảo con nói dối, con chả nói thật là gì?”. Thế có phải là nó hả hê, nó thích rằng đã có người biết cho nó. Rồi từ đấy nó sẽ nói thật mãi. Rồi thầy bồi bổ cái mầm thật thà non nớt ấy, có phải là cái mầm gian man bạc tước mãi đi không.

Tất cả các thói xấu đều có thể chữa như thế.

MỘT THẦY MỘT TRÒ

Phải là sao cho trẻ nó dự một phần hoạt động vào việc dạy giữa nó. Phải làm cách nào cho nó cảm

1. Khốn khổ đến mức thảm hại, đáng thương.

thấy rằng cần sửa đổi và nó có thể tốt được. Thế vậy mà thầy giáo đăng đàn, ngồi trên cao, gieo một lời nói xuống ít ra là sáu chục học trò. Cố nhiên vẫn có mấy cậu bé “đành nghe”, các cậu không cần thúc giục nhưng vẫn theo học một cách thụ động. Còn phần nhiều thì nghĩ rằng: “Thầy nói cho cả lớp, nói gì cho một mình ta, ta chả nghe thì đã có anh bên cạnh nghe hộ”. Thế rồi ngẫu nhiên có vào tai bên nọ cũng thoáng ra tai bên kia mất thôi. Khó cho nhà giáo quá: nhà giáo phải nói thế nào, nói cho cả lớp mà mỗi trò có thể thấy như thầy nói cho mình mình. Không có một phương pháp nào dùng được cho cả lớp, vì mỗi trò một chứng, lại cần cho mỗi trò một phương pháp. Phương pháp hay thế nào cũng không thể hay với cả lớp. Vậy, nhất là vì đẳng tinh thần, thầy phải tìm hết các dịp để nói được với mỗi trò.

Đừng tin lắm ở bài học luân lý, đối với học trò nó cũng là một bài học như những bài học khác, phải học, phải đọc, phải thuộc, để khỏi phải phạt, thế thôi. Ta nên có một quyển sổ con, mỗi cậu một trang, sổ giữ dùng cho học trò biết. Trong sổ ghi tên tuổi, con nhà, và tất cả những mầm tốt và xấu. Thế rồi nhân một dịp thầy trò thò ra chỗ nào thì ân cần bảo riêng. Cậu nói, thầy nói, trò nghe, không bài học nào bằng. Chỉ có một mình nghe, không còn đùn cho ai nghe hộ được.

Lời nói của thầy lại ân cần, lo lắng, làm thành một cái cảm, nó thấm thía vào tâm hồn trẻ.

TRỪNG TRỊ

Trò có lỗi. Trùng trị là cái khí giới thường dùng nhưng không phải là cái khí giới độc nhất mà không dùng thì không làm thế nào được.

Gọi là khí giới thì quá, nhưng có một phương pháp, lấy ra từ trong cái tâm, khối vô tận của thầy vẫn có, cái lòng yêu. Phải mắng, phải phạt thì trò chỉ chực chống chế. Chống chế không được, là oán phát ra. Oán thường phát thì tất là cái mầm biết ơn, cái mầm yêu, yếu đi. Còn như lòng yêu của thầy, khi học trò cảm thấy, thì không có cách nào chống chế được nữa.

Bởi vì không biết mới làm lỗi: vậy làm cho hiểu, hơn là trừng trị. Biết lỗi thì tự khắc chữa. Vả lại trò có lỗi, thầy tha. Thầy tha mà chỉ một mình biết, thành ra như cái nợ; chỉ mình biết mình có nợ thầy, lần sau không dám hư nữa. Hư nữa thì xấu hổ với thầy. Sợ xấu hổ còn mạnh hơn là sợ phải phạt.

Thỉnh thoảng, gặp một trò, bảo: “Hôm nay anh lại ăn cơm với thầy, cho vui nhé”. Trò cảm động lắm,

không phải là được ăn cơm, nhưng vì được vào trong vòng thân yêu của thầy. Thấy thầy cố ân cần như với con, được chơi với các con thầy, các thế huynh, sau này, mỗi lúc nó chực quên lời thầy, nó sắp làm xằng, nó sẽ ngần ngừ rồi không dám. Lại thấy nhà thầy sạch sẽ, ngăn nắp, diêm dúa,⁽¹⁾ vì tất nhiên nhà thầy phải thế, nó sẽ cố ăn ở sạch sẽ. Nhón lên nó sẽ cố sống đơn sơ trong sạch như thầy: thầy có thể truyền nền nếp cho trò như thế. Nó thấy nhà thầy ăn ở với nhau cung kính, về nhà nó cũng cố học lấy.

Trò ốm, bản thì bản, ta đến thăm vài lần, săn sóc, quyển luyện.

Ở trong lớp, đừng có tên “học trò yêu”. Yêu tất cả lớp. Sao cho chúng biết rằng: “thầy là thầy của cả lớp, chứ không của riêng ai”. Thầy yêu đấy, nhưng có lỗi là thầy không tha, thầy biết cả, biết để bảo, hay cũng là để trừng giới, chứ không phải biết rồi đành im đi, như thế là thầy thua. Thua thì hết nói chuyện dạy bảo.

Thầy mới đến lớp mới, học trò thế nào cũng thử thách mấy bận. Dùng võ lực mà đàn áp, thì thầy là người gác nhà pha. Để cho mấy đứa mất dạy thắng thì công việc không còn gì hay nữa. Không phải đi thi

1. Trang trí đẹp, cầu kỳ.

lấy bằng ông giáo là khó. Khó là trình diện với lũ học trò mà chịu được những tên đạn phát ra đồng loạt đó. Vững được, bằng yêu mà nghiêm, bằng cái “minh”, trở đúng người can phạm tha mà không hàng, vững được như thế là việc thầy làm được một nửa.

TIN

Bảo rằng: “lũ nhép, tin thế nào được chúng nó” là thiệt. Không tin nó thì nó ma mãnh không còn trách vào đâu được. Nó ma mãnh tìm ngay được cách để tự tha thứ cho nó. Thầy nó không tin nó kia mà!

Bảo rằng: “Cái bộ mặt ấy, thiên vạn cổ không làm gì ra bộ được”. Câu nói nóng giận, vô tâm phát ra, mà nguy hiểm lắm! Thầy nó đã bảo nó không làm gì được, thì nó làm sao được, nó tội gì mà làm. Rồi mãi lâu nó tin rằng nó không làm gì được thật. Nó hèn kém đi, hay là nó sẽ oán: hèn và oán đều hại.

Chi bằng: “Bé thế mà tin được đấy”. Nó có kém cũng sẽ phấn khởi lên, để không phụ lòng thầy tin. Nhưng cẩn thận. Không nói tỏ rằng không tin, nhưng hãy tin những việc nhỏ. Tập cho nó dần dà xứng đáng với lòng tin của người, rồi lâu lâu đủ nghị lực để xứng

đáng để người ta tin trong các việc lớn.

Chi bằng: “Cố thì làm được đấy”, hay “Thế mà làm được đấy!”. Nó chưa làm hẳn được, thì cũng cố gắng làm cho khỏi phụ lòng người kỳ vọng, làm cho biết tay. Nay làm được, mai làm được, rồi nó làm được việc khó, việc lớn.

Ngờ làm cho hèn đi. Tin là cho một sức mạnh.

Lớp đang học, thầy cần phải đi vắng. Nếu thầy nói: “Tôi đi vắng một lúc, ai mà làm ầm lên sẽ phải phạt nặng”. Thế thì lũ trẻ nó có ngại gì mà không làm ầm, chỉ có việc làm ầm làm sao mà thầy không biết là đủ.

Hay là thầy bảo: “Tôi gửi ông giáo bên cạnh, hễ ai nói chuyện, ông ấy bắt được, thì sẽ phải phạt nặng”. Học trò cũng sẽ nói chuyện, chỉ có làm thế nào cho không biết được nó là đủ.

Vì thầy dọa, vì thầy nhờ người canh. Vì thế mà xui nó đùa cho ra vẻ anh hùng, liều, xui nó tìm cách giấu giếm.

Nhưng nếu thầy bảo: “Thầy phải đi vắng, các anh cố ngồi yên. Đừng để phải canh gác. Được chứ?”. Cả lớp thưa: “Được ạ”. Thầy tỏ ý tin. Thầy lại nói khích “Được chứ”. Thế thì trò lại cố kính ngồi yên được khỏi tủi với câu “Được ạ” và cho thầy xem. Thế rồi sau nó sẽ đến chỗ: ngồi yên cho thầy vui lòng.

Tệ nhất là khi bận hay lúc đi xa mà lại để một trò đứng trên bục canh. Một là nhờ học trò, giục cho nó tìm cách nghịch ngằm. Hai là cho một trò cái quyền mách. Ba là cái anh mách ấy sẽ bị trăm người oán, gây lòng oán lên.

TRÁCH NHIỆM

Trong sổ nợ phải làm một tờ chu tri,⁽¹⁾ ông Chánh ủy cho ông Phó, rồi cứ lần lượt mãi, tờ giấy trắng đến bàn ông ký cuối sổ. Ông này không còn đẩy cho ai được nữa, đành phải lấy bút mực khỏi thảo tờ chu tri, một tờ chu tri về việc rất quan trọng.

Nói thí dụ một sổ ấy thôi. Rất nhiều chỗ đã quen thói “đùn”. Trừ không “đùn” được cho ai nữa mới chịu làm. Làm, lại làm thế nào cho mình làm, mà mình không phải gánh trách nhiệm của việc mình làm ấy. Gia chi dĩ⁽²⁾ khi nào một bọn lo toan một công việc, hay có cái thói quen bàn băng quơ, rồi không

1. Tờ giấy gửi đi khắp nơi cho mọi người đều biết, tờ thông báo.

2. Hơn nữa.

bỏ phiếu cũng như bỏ, phe nhiều thời thắng; rồi kết quả công việc, trách nhiệm về cả bọn, nghĩa là chẳng về ai cả.

Trong một xã hội mà quen thói “đùn”, mà hay trốn trách nhiệm, thì công việc khó tiến, thiệt thời chung cho cả mọi người. Muốn có sức cho được việc thì mỗi người phải nhận trách nhiệm, nhận hoàn toàn trách nhiệm một hay nhiều việc. Việc mà mình nhận trách nhiệm, coi hẳn là việc mình, thì sẽ để tâm lực vào đấy, cho việc đến thành.

Vì vậy mà một phép giáo dục tốt, tất phải tập cho trẻ quen nhận trách nhiệm. Có một lỗi gì thì nhận ngay. Việc được nhận đã đành, việc hỏng cũng phải cả quyết nhận.

Chúng ta trao cho học trò một việc gì, việc khó thì chỉ bảo nhiều, việc hơi khó thì chỉ bảo ít, việc dễ thì không chỉ bảo gì cả. Tổ rõ rằng mình để cả lòng tin vào trò. Đến hạn mới hỏi đến. Đừng nên bảo ban kỹ càng quá lúc trước, lại săn sóc quá lúc sau, lại ngờ vực về kết quả. Như thế không khác gì mình nói: “Trao cho anh đó, nhưng chưa chắc anh đã làm được đâu”. Trò đã thấy thầy có ngờ thì, một là tủi, hai là cũng đâm ngờ mình nốt, mà việc hỏng. Nhưng trái lại, nếu mình trao cả trách nhiệm cho thì trò sẽ cảm về lòng tin của thầy mà cố gắng cho đến được. Khi học trò trong

lớp đã có tổ chức, thành từng toán hay từng bàn, thầy phải nói cho rõ rằng: “Trách nhiệm chung cho cả toán hay cả bàn, trách nhiệm riêng của mỗi trò trong trách nhiệm chung cả toán hay cả bàn. Trong một bàn, thầy chỉ biết trao việc cho cả bàn. Anh trưởng bàn họp anh em lại rồi tùy sức; bé hay kém thì nhận việc bé, lớn thì làm việc lớn, mỗi người làm hết trách nhiệm của mình để trọn cả trách nhiệm cả bàn. Tuy mỗi người chỉ làm một phần, nhưng thầy chỉ biết trách cứ cả bàn thôi. Mỗi người có trách nhiệm với cả bàn. Cả bàn trách nhiệm với thầy”.

Theo phép này thì học trò tự biết nhận trách nhiệm một mình, có thể đi đến chỗ nhận trách nhiệm cả bàn một cách dễ dàng, mà luôn thể quen có tư tưởng đoàn kết để làm những việc lớn.

SÁNG KIẾN

Ai cũng biết rằng: “An Nam bất chúc tài”. Nói thật ra thì cũng có nhiều cái, mình cũng có sáng kiến. Những sự thay đổi từ đầu nọ đến đầu kia làm cho khó khăn việc so sánh. Vì đó mà có thể tưởng nhiều cái lắm. Tài sáng kiến có đôi chút, cứ dần dần

mòn mỏi đi rồi thì, cuội lẩn lẩm cũng nhẵn, góc cạnh không còn nữa.

Tài sáng kiến là một cách biểu lộ của tư cách cá nhân. Cờ đến tay, tất phải biết phát.

Chúng ta có thể chữa chạy chỗ kém cỏi được khá nhiều.

Thí dụ: ta bảo học trò cả lớp kiểm cái nhãn sách. Đi mua in sẵn ở hiệu sách thì tiện hơn cả. Nhưng ta làm sao cho chúng có cái hứng làm lấy. Chịu tốn giấy một ít, cho mỗi người được “tùy ý” làm một chiếc, cần dặn đừng có bắt chước lối thường. Lần nộp bài thứ nhất, khen những chỗ đã có công trình tìm tòi, thúc giục để người nghèo kém về tìm tòi cố gắng lên, ngắm nghía những cái đẹp, làm cho ai cũng hưởng được cái thú của mới lạ, mới lạ mà đừng tro trên lối lảng. Nếu có một cái phải làm lại thì đừng quẳng vào mặt mà bảo hai tiếng ráo hoảnh “làm lại”. Cố tìm chỗ nào trò đã cố gắng, khen để khuyến khích, giục cho cố gắng lên.

Khi trao cho học trò một việc thì chỉ kỹ cái mục đích mà để cho tự do tìm cách thi hành. Đừng bắt buộc lẩn. Sau sẽ khoan thai chỉ chỗ hỏng để cho trò tự mình lo toan tìm cách tốt hơn.

Khen chỗ hay, khuyến khích chỗ kém, nâng đỡ chỗ yếu, nhưng kỵ nhất là “gà”, là làm hộ. Kỵ nữa là tát nước đổ đi. Ghê gớm chưa những người có cái gan

dám sờ sàng mà bảo: “Còn mong gì được mây nữa. Mây còn làm gì được”. Thế là giết chết cái mầm tài của nó đi.

LÀM GUONG

Phương pháp “làm gương” là hay lắm. Chúng ta cố giữ lấy mình. Mà không thiệt gì đâu. Lòng tôn kính của học trò, những kết quả sau này sẽ đền bù cho chúng ta. Chè rượu, bạc cờ, nếu đem ra so với việc ta, thì có thú gì. Hãy rèn cặp đời ta: dạy sao thì làm vậy. Đọc sách thánh hiền cho rõ đạo đức, cho đủ lòng tin ở đó thì dạy mới không thấy nhạt nhẽo. Đọc sử, rồi suy xét thì lời nói ra, trò mới dễ tin. Nhìn rõ: lối dạy thấm thía vào tâm gan, tỉnh khối óc, với lối rót vào lọ.

Trẻ con lúc nào cũng như đợi một vị anh hùng. Nếu vị “anh hùng” ấy là thầy nó, thì may mắn cho nó bao nhiêu. Nếu ta đã nhận đương cái vai anh hùng đó thì khéo đấy, chỉ một vết nẻ, là bức tường đá rời rã ngay.

Nhiều cách tiêu phí tiền như chơi bời. Nếu đem món tiền ấy làm những việc công như tự mua giấy

làm vở luân chuyển,⁽¹⁾ mua vài quyển truyện hay như Hoa Xuân cho học trò xem, cho tiền xe các trò yếu mệt phải về nhà, bảo trò đem tiền mình giúp kén kẻ khó, lập một tủ sách cho mượn... không cách đặt lãi nào bằng dùng tiền như thế.

Đừng gọi “mày”, xưng “tao”. Thường gọi “anh”, lúc thân gọi “con”. Thân thiết bao nhiêu.

Trò đã có lòng kính thầy tự nhiên thì dạy gì không được, làm gì không theo, mà nó gọi mình bằng “thầy” một cách chân thành.

THÓI QUEN

Có nhiều người khổ quá, chỉ thích dùng xà phòng Chiếu Mỗ,⁽²⁾ thế mà tìm không mua được. Mỗi buổi

1. Cuốn vở của nhà trường được luân chuyển từ người này qua người khác, mỗi học sinh có trách nhiệm chép bài vào đó một ngày. Tất nhiên, vì đã chép vào cuốn vở chung, nên người đó phải mang vở về nhà vừa để làm bài tập vừa chép lại vào vở riêng của mình để bài vở được liên tục. Hôm sau, nộp cuốn vở cho thầy, thầy xem qua, nhận xét đánh giá, nếu có điều cần, thầy nhắc nhở, lưu ý chung cho cả lớp, rồi giao cuốn vở cho người khác (theo Dương Đình Giao).

2. Ý nói ví dụ một hãng xà phòng bất kỳ.

sáng khổ một lúc vì không có xà phòng Mỗ để đánh răng. Cả ngày chạy khướt để lục lợi mà mua không được. Ấy là chỉ một thứ xà phòng không tốt gì cho lắm, trong khi còn có các thứ xà phòng khác. Nhưng vì tin rằng nó là tốt, nhưng vì dùng quen đi rồi.

Nếu thích làm thiện cũng như thích xà phòng hiệu Mỗ?

Nếu thích sạch sẽ cũng như thích xà phòng hiệu Mỗ?

Quen một vật, quen một cách ăn ở có thể đến được chỗ: không có thì không được, không có thì khổ sở.

Nếu từ lúc tằm bé mà chúng ta gây cho học trò một ít thói quen. Bé lắm hãy gây cái thói quen sạch, thói quen vâng lời. Nhón một ít gây lấy thói làm thiện, thói liêm sỉ, thói ghét những điều ô nhục, thói trọng những cử chỉ anh hùng, những thói quen khác về đạo đức, về cách xem xét, về bền chí, về cách làm việc, về tập thể dục, thì lớn lên không những trò ta quen những thói ấy đi, cư xử tự nhiên tốt, mà lại còn hể không cư xử như thế thì không tài nào chịu nổi.

Làm cho có những thói quen, đó là một cách rất tốt ở trong việc giáo dục.

CÁC PHƯƠNG PHÁP XUA NAY

Đã lâu lắm, từ ngày người ta bắt đầu lo đến việc giáo dục, thì việc ấy vẫn có một mục đích làm cho trẻ nhỏ nên người lớn. Dạy trẻ là để cho nó nên người lớn, dạy một người lớn còn nhỏ. Vì vậy mà dùng với trẻ bé nói ngay bốn phận người lớn.

Vài thế kỷ nay ở phương Tây người ta cúi xuống bọm trẻ gần hơn, rồi do đó mà ra một ý kiến: dạy trẻ con vì trẻ con. Dạy một cách cho thích hợp với tính tình thân thể của trẻ. Phát triển cả những tài năng của trẻ. Những phép này có vẻ nhân đạo hơn phép cũ, trẻ thật được thỏa thích. Có lớp học riêng, có vườn riêng, có đồ dùng riêng. Các cậu bé, cô em xinh đẹp, đáng yêu, đã làm cho người lớn nghĩ đến chu chi quá, các cậu các cô thành ra một cái mục đích. Mục đích làm cho người ta quên rằng lũ trẻ ấy phải lớn.

Đến bây giờ những người lo nghĩ lại, phải tự hỏi rằng như thế có là đủ lo xa chưa?

Trẻ quen tự do rồi sau này có chịu theo vào khuôn phép để thành quốc dân một nước có trật tự không, lúc lớn có đủ tỉnh táo để dự các cuộc chống chọi của đời này không?

Rồi người ta kết rằng phải trở lại theo cũ, ít nhất cũng phải theo vào khoảng sắp thành nhân, từ 12 đến

16, 17 tuổi. Lúc bé nhỏ theo lối mới cho phát triển tài năng. Quãng giữa theo cũ để vào khuôn phép. 18, 20 lại phải theo phép mới để đủ tinh táo để dùng được các đồ dùng mới trong thế giới mới, nhiều dân tộc gặp gỡ.

Lối giáo dục này với đời này tỏ ra là cần lắm.

NĂM PHẦN

ĐỨC

Những đức tốt của người ta có đến được chỗ tự tâm ra thời mới là đức chắc chắn.

Tâm người ta vốn vẫn tốt từ khi mới sinh, dù phải những ảnh hưởng ngoài, hay từ trước mà có thể thay đổi đi đôi chút, những ảnh hưởng vẫn là ảnh hưởng, cái cốt có sẵn mà gặp một phép đào luyện phải đường, thì ảnh hưởng nhạt dần đi, nguyên tính càng rõ ra.

Nguyên tính đã tốt, đức lại bồi bổ vào, ăn nhập hẳn vào, thành như tất cả làm một khối nguyên tính, tự nhiên tốt, sức tốt thật mạnh, để không bị một cảnh ngộ nào làm sai lạc đi nữa.

Nếu tâm đức chưa vững, chưa đến thành tính, người ta cũng vẫn có thể tốt được. Lúc ấy phải nhờ một chí mạnh cố ý ăn ở phải, dù rằng cái hay cái dở; mỗi lần tranh nhau ở trong tâm. Mỗi lần lại có một phen vật lộn như vậy thì tâm người ta không chắc

vững được. Gặp lúc mỗi mệt, khi chí yếu, khi cảnh ngộ dữ dội, tâm có thể quay về dỏ được.

Thế cho nên muốn thật vững các đức tốt phải ăn hản vào, phải dầm thấm như một thứ máu mạnh, lúc nào cũng tắm tưới tính mình.

Muốn được thế không thể nào mong công việc chóng, không thể nào chắc ở công dụng của một bài học, hay đến một trăm bài học nữa. “Giồng cây phải một năm, giồng người phải mười năm”. Công cuộc này phải làm trong lâu năm, không giờ phút nào nghỉ được. Thầy lớp dưới, thầy lớp trên nên cùng dùng một phương pháp, đừng bao giờ nghĩ rằng: “đứa trẻ chỉ ở với mình một năm thôi”.

Công cuộc này lại phải làm trong một không khí vừa vận thời mới thành công.

Lâu nay ông thầy mang tiếng là thầy ăn lương, học trò là học trò học để đi làm, nhà học không có vẻ nghiêm trang nữa, thầy có cố xứng chức cũng dễ nản lắm.

Nói về tôn giáo, thì cái “đạo làm người” ở xã hội ta được coi như một tôn giáo. Tôn giáo phải có một giáo đường. Giáo đường của nhà nho là học đường. Trên có thầy như giáo sĩ của đạo đức, tôn như vua, như cha, dưới có trò như con cái: thầy nói, lời là lời thầy hiền; thầy cử động, là cử động theo lễ; thầy như

núi cao, như sao Bắc Đẩu, để chỉ hướng cho người đi đường là lũ học trò. Gian nhà dù đơn sơ, nhưng trong chỗ thầy trò tỏa ra một khí thành thực, ấm áp; học trò nhỏ đến cửa ấy tự nhiên gạt sạch bụi bẩn, để nhuần thấm lễ giáo vào.

Cái nghiêm của ông thầy xưa, nay ta lại cố thêm vào tấm lòng yêu thương thía và mạnh mẽ, thì sẽ tạo nên một không khí dễ cho việc dạy dỗ vô cùng.

Trong không khí ấm áp và trong sạch ấy các phương pháp đã nói trên đem ra dùng. Cốt làm gương đã. Cái gương luôn luôn trong sáng. Những người hay chống chế vẽ ra câu chuyện đời công và đời tư. Nhưng thầy giáo không thể nào có một đời công ở trong trường và một đời tư ở ngoài trường. Lúc nào, lúc nào, thầy cũng vẫn làm như là thầy dạy. Đừng để cho đứa trẻ đang tôn mình mà phải thở dài: “Thầy dạy ta chính, nhưng vị tất thầy đã chính”.

Trò trọng thầy cũng là tính thường. Cứ xem trẻ nhỏ về nhà, ai mà nói chàm đến thầy nói thì nó không bằng lòng lắm. Nếu thầy mà lại thật đáng cho nó tôn, thì may cho trò lắm. Lời mà đáng gọi là vàng ngọc, có thể chiếu rọi cho cả một đời nó sau này.

Lời nói của thầy cũng nên rõ ràng lắm, nếu có thể hiểu nhầm hay có thể nói chệch đi được thì cũng nguy.

Cố làm sao cho trẻ đừng sẵn bắn, đừng dùng ống xuy đồng,⁽¹⁾ súng cao su để giết hại chim muông. Những cách chơi ấy có hại đến lòng nhân, làm cho quen ác đi.

Phương pháp nữa là gây nên những thói quen tốt, dạy cho sạch sẽ, sao cho thành tính thích sạch sẽ. Dạy cho thẳng thắn sao cho hễ không thẳng thắn không chịu được. Dạy cho làm thiện, cho đến thích làm thiện, không làm không được.

Đức tính đứng đầu trăm nết là HIẾU. “Cần bày tôi trung tất phải ở nhà người con hiếu”. Có hiếu thì phải giữ gìn, muốn rõ ràng cha mẹ⁽²⁾ nên cố gắng, muốn không nhục cha mẹ nên không làm xằng. Hiếu với cha mẹ là do tự tính giỏi. Giữ được nguyên tính giỏi thì tất phải hiếu.

Nói rằng hiếu là ở Nhân ra, đối với trẻ xa xôi quá, trí non nớt chưa hiểu được, không nên giảng giải hay bàn rộng quá. Cần thận cho đến nỗi đem chữ Hiếu ra mà bàn hơn thiệt, dạy cho nó một bài học về hiếu, mà hỏi rằng: “Tại làm sao ta phải yêu cha mẹ?”. Thế thì nguy hiểm lắm. Thường trả lời rằng: “Tôi yêu

1. Hay còn gọi là ống xi đồng, ống thổi, loại ống nhỏ để nhét phi tiêu hoặc đạn bên trong và sử dụng lực thổi để đẩy ra.

2. Làm cha mẹ rộng rãi.

cha mẹ tôi vì cha mẹ tôi nuôi tôi, cho tôi đi học, từng trải hơn tôi”. Càng nguy hiểm nữa. Đã đem hiếu mà cân nhắc so sánh thì trẻ mồ côi, hay là trẻ ở với chú bác sẽ tưởng rằng không phải hiếu bao nhiêu; sau này vì tình thế không cho học nữa, nó có thể oán; lúc cha mẹ già, tưởng có thể không nghe theo nữa. Nói rằng “vì cha mẹ tôi yêu tôi” cũng nguy: cha mẹ hay vì con mà phải làm ra mặt nghiêm, nói như thế thì trẻ có thể nhớ ra những lúc bị răn bảo mà nảy ra lòng oán.

Vậy không nên hỏi “tại làm sao”. Đã là thiên tính thì còn cần gì hỏi “tại làm sao”. “Tôi kính cha mẹ tôi vì hai ngài ấy là cha mẹ tôi” thế thôi.

Lòng hiếu ấy không phải là học mới biết. Nhưng mầm tốt phải bồi bổ cho nó mạnh. Câu nói phần nhiều không ích mấy. Phải đến việc.

Ở một trường nọ, thầy ra cho học trò đầu bài “Kể lại một ngày có giỗ ở nhà anh”. Bài học trò có đoạn: “Mẹ tôi đã đi chợ mua đồ ăn để làm cỗ thết khách... Thầy tôi cho người đi mời họ hàng khách khứa đến đông đủ. Mọi người ngồi đầu đầy, cùng cất chén, chuyện trò vui vẻ, tiệc tan ai về nhà nấy”. Ấy cảnh tượng tỏ ra rằng ý nghĩa đã sai lạc đến thế.

Thế cho nên nói đến lễ là thầy nên trang nghiêm, chả nên chế những chuyện lễ bái, nhưng làm sao cho

cái tư tưởng kính lễ tổ tiên lại mạnh, vì đó là nền là gốc của gia đình, của nước. Hễ có người xin nghỉ cho con vì nhà có giỗ thì nên cho ngay. Đừng chế nó “được ăn cỗ” hay “về nhà rửa bát”. Nếu những lễ ở nhà nó mà bị thầy nói trêu cợt, thì nó có thể tưởng rằng những việc ấy không đáng trọng, mà thói quen tổ sẽ mạnh thêm, nền móng sẽ vỡ lún. Việc lễ tổ, việc tảo mộ đầu năm, nói đến ta cũng nên coi trọng và nhắc trẻ chớ có quên.

Kể đến công việc mà trẻ con có thể làm ở nhà để đỡ dần cha mẹ thì bắt đầu nên kể việc lau lót bàn thờ.

Trẻ con nói thầy hay mẹ nó mệt, thì nên khuyên nó nghỉ: “Con ạ, ngày nay nghỉ, mai con có thể gắng để học bài, thầy mẹ một tuổi một già, con nên cố hầu hạ các ngài khi mưa nắng”. Thường hỏi xem trẻ ở nhà làm gì, sao cho chúng hiểu rằng việc hầu hạ cha mẹ, việc đỡ tay các ngài nên để ở trên cả. Cẩn dặn cả những việc nhỏ: đừng để cha mẹ phải đánh thức, các ngài dậy thì lấy nước súc miệng, nước rửa mặt, ngồi vào mâm cơm thì tranh ngay việc so đĩa, xới cơm, các ngài đứng dậy thì rót nước bung lại, lấy tăm ngay. Những việc hầu hạ nhỏ nhặt làm cho lòng hiếu ngày càng mạnh.

Hôm cuối năm thầy đừng quên: “Tôi không lại thăm thầy mẹ các anh được, gửi nhờ các anh chúc

các ngài năm mới mạnh khỏe. Thầy dặn các anh việc này, đừng có quên. Mồng một Tết lễ tiên tổ xong, các anh mời cha mẹ ngồi, rồi đem các em ra lạy mừng tuổi thầy mẹ. Các anh vui mừng vì lớn lên một tuổi, thì trong khi ấy các ngài già đi một tuổi. Lúc đầu năm để các ngài được thấy các con cháu sum họp vui vẻ.”

Mấy hôm trước, hỏi: “Thế nào? Các anh đã sắm xong áo mới chưa? Có áo mới thì thích thật. Nhưng làm sao cho thầy mẹ đỡ lo còn thú hơn.”

Học trò chậm mua vở, thầy hỏi, nó hay trả lời: “ ‘Nhà con’ chưa có tiền”. Có cái thói nguợng ngật vô lý làm cho chúng dùng một tiếng vắn vơ mà chỉ cha mẹ. Thói ấy nên làm cho chúng bỏ đi, mà mỗi khi nói đến cha mẹ, thì dùng những tiếng xứng đáng cho chúng biết rằng kính cha mẹ là một lẽ tự nhiên, làm con phải lấy việc có hiếu với cha mẹ làm vinh hạnh, mà tỏ ra hỗn láo là một cái đại dột vô loài.

Sau Hiếu, nghĩ đến ĐỂ. Nhiều khi trong lớp có hai anh em ruột cùng học, mà khổ một cái là anh hay học kém em. Xỉ vả anh trước mặt em thì hại lắm. Mà cứ dõ dạc⁽¹⁾ mãi rằng: “Thế cũng đòi làm anh” lại càng

1. Nói đi nói lại.

nguy nữa. Làm cho anh cả đời tủi với em, làm cho em mất lòng kính anh.

Hai anh em cùng học, em có việc nói với thầy lại cứ nói: “anh ấy bảo con thế”. Anh có việc nói với thầy lại cứ nói “thằng ấy thằng nợ”. Thầy khoan thai bảo: “con nên gọi là anh con, em con”. Khi trò thấy mỗi lần thầy lại khoan thai nhắc lại, tất phải theo, rồi thành lễ phép quen.

Lòng TRUNG với nước, nên dạy từ sớm. Gần ở cái lòng trung sâu xa mà có thể đến chỗ hy sinh lớn. Như thế hơn là cái trung mồm mép, bông bột một lúc. Hiểu ở lòng nhân ra, yêu cha mẹ. Để cũng thế, là lòng yêu anh em. Trung là lòng yêu người cùng nước, yêu kính người khác, lo toan cho người sau. Vì thế đọc quốc sử là một cách nuôi lòng trung. Biết thờ phụng các bậc anh hùng, rồi mới nối gót mà thành anh hùng được.

Chữ TÍN là một đức tính, nếu không có thì làm nguy nan cho xã hội. Lời nói như dao chém vào đá. Thầy đã nói tất là phải như thế. Trò đã thấy thầy không sai lời bao giờ, tất cũng phải học lấy tính ấy. Dù rằng học trò không hẹn với ai rằng mình sẽ đến đúng giờ, nhưng

phải làm thế nào cho chúng đừng đi chậm. Vào đến trường, dù không hứa nhưng cũng như là đã hứa rồi. Muốn cho trò không đi chậm mà cũng không đi sớm, thầy chỉ để ý đến là đủ. Trong mấy lớp, sau khi học độ một tháng, thầy trò đã quen nhau, công việc đã rõ ràng, có đặt một bản luật độ mười điều về công việc trong lớp. Đó là một việc hay. Đã có luật, nhất định theo, không bỏ một lần nào. Đó là những cái ràng buộc hay, khiến cho trẻ quen theo một điều luật, một khuôn phép. Từ 11 đến 16 tuổi mà tập được cái thói quen, bó buộc mình, thế là may lắm. Khuôn phép nhỏ trong lớp học, sẽ luyện cho quốc dân sau này, lúc theo khuôn phép lớn không khó khăn gì cả, vì đã quen bó buộc mình. Thầy bảo trò làm việc gì, bắt hẹn ngày mà xong. Nhưng phải thể tất, xem nó có đủ sức và đủ thời giờ rồi hãy hẹn. Khi hẹn thì nhất định là phải y hẹn. Thầy cũng thế, đã hẹn là ghi ngay vào nhật ký, không hẹn đến ngày ấy ngày nọ trả bài, nhưng đến kỳ, thì dù phải thức đêm làm cho xong, cũng thức. Trong mấy năm cứ luôn như vậy, học trò sẽ quen đi mà giữ tín, thành ra không khó gì nữa. Muốn cho trò thật thấm thía, có khi thầy cũng phải “quá cẩn thận”. Nói làm một cuộc chơi từ 5 giờ 15 đến 6 giờ 25, mà thầy đến từ 5 giờ 10. Nhưng dầu thầy đến rồi, dầu học trò đông đủ rồi mà thầy vẫn cứ cái đồng hồ cho

vào lại giờ ra; cho thật đúng 5 giờ 15 mới khai cuộc, cho đúng 6 giờ 25 mới tan cuộc. Không sớm một phút, không chầy⁽¹⁾ một phút. Bắt đầu học trò sẽ xì xào. Lâu rồi chúng sẽ hiểu rằng: đó là một chuyện quan hệ, chúng sẽ bắt chước; rồi mà cái chuyện giờ An Nam, cái giờ hay chậm sẽ chữa được, sẽ đỡ được bao nhiêu thời giờ hao phí về hẹn 10 giờ thì cứ 11, 12 giờ mới bắt tay vào làm.

LỄ - Tóm cả kinh Lễ ở một câu “*Vô bất kính*”.⁽²⁾

Thuộc các phép cư xử, hay lắm. Nhưng làm thế nào cho tận trong lòng nuôi sẵn một lòng kính tự nhiên phát ra mới là cốt yếu. Kính tổ tiên, cha mẹ, kính những lời căn dặn của các ngài, kính các bề trên mình, cả cái phẩm giá con người ở những tôi tớ mình. Kính các công việc, các trách nhiệm của mình. Lễ, bây giờ chỉ hiểu là đi lễ thôi; nhưng nghĩa chính chữ ấy là nghiêm trang ở cách ăn ở của mình, để nghiêm trang

1. Muộn, chậm.

2. Luôn giữ thái độ cung kính. Lấy từ Lễ ký: “毋不敬, 儼若思, 安定辭, 安民哉. Vô bất kính, nghiêm nếu tư, yên ổn từ, an dân tai.” (Tạm dịch: Luôn giữ thái độ cung kính thì dung mạo sẽ nghiêm cẩn, lời nói sẽ an định, như vậy là đủ để trị an dân).

mà cử động, mà làm việc. Nghiêm trang ở việc, là cẩn trọng mà hết bốn phận mình; tức là có “luong tâm nhà nghề” đó.

Lễ không phải là việc trói buộc người. Đó là thể cái trật tự vẫn có ở trong trời đất. Tự trời đất, muôn vật, trong đó cả người, đều ở một cái trật tự. Trái với cái trật tự ấy là trái với đạo Trời. Thể cái trật tự ấy mà chế ra lễ là nhạc. Ở ăn đúng lễ, thì sự giao thiệp tự trong gia đình đến xã hội được hòa. Cho nên đạo làm người cần có lễ.

Vô bất kính. Giữ lễ thì việc gì cũng phải kính. Việc gì cũng phải cẩn trọng.

Đi đứng nghiêm trang, ngồi ngay ngắn, trông thẳng (chính tâm), ăn mặc sạch sẽ, trọng mình và trọng người. Việc gì cũng cho học trò cẩn trọng quen. Việc gì cũng cho suy nghĩ kỹ rồi hãy làm. Những việc như đưa hai tay, nhận cũng hai tay, mỗi khi thấy bỏ là nhắc luôn.

Học trò đứng trong đám đông, lúc chào hay cầu thả. Nên để ý đến. Những thói mà lúc đứng một mình chúng theo được, khi ở đám đông chúng hay quên. Nên để ý đến.

Nói hay ấp úng, cũng là thiếu lễ. Bảo nghĩ rồi hãy nói: lời nói phát ra rõ ràng, cho người ta nghe được. Thế cũng là kính.

Kính không phải là sợ, chỉ là nể. Mình bắt buộc mình, rồi quen đi, sau này sẽ ít nhầm lẫn.

NGHĨA là việc nên làm, việc ở tâm xui khiến, do lòng nhân mà ra. Nghĩa là công bằng. Lòng nhân không muốn để ai thiệt thòi, không muốn để ai bị ức hiếp. Bồi đắp lòng nhân đó là cách làm cho dễ hiểu và dễ làm nghĩa. Nghĩa là đem mình mà hy sinh vào một mục đích.

Khen ngợi những việc nghĩa mà học trò đã được thấy, hay được nghe. Kể những truyện nghĩa xưa kia. Kể thôi, không nên bàn rộng lắm. Khéo kể để cho học trò tự mình thấy rõ nghĩa. Những câu nói như: “Không nên thấy điều thiện nhỏ mà không làm, không nên thấy điều ác nhỏ mà làm”. Nên nói: thường: cùng ai khiêng, nhắc, đừng chiếm phần nhẹ, phần dễ. Công việc nào học trò có cả bé cả nhón làm, thì khích cho trò nhón nhận lấy phần khó nhất. Trò nào làm điều phải nghĩa, nhất là bị thiệt thòi mà cũng làm, thì nên khen ngợi và tỏ ý hân hạnh. Chỉ dẫn một cách khéo cho học trò thích làm nghĩa, thích làm những việc nghĩa cần những sự hy sinh như (thỉnh thoảng) nhận một bữa quà mà giúp một người nghèo ốm, chạy thóc cho bà lão gặt con mưa. Nhặt vỏ chuối trên đường dầu là việc nhỏ, nhưng cái ý

làm việc ấy hay lắm, nhất là làm mà không ngại lữ mất dạy chế nhạo. Mỗi lúc thấy điều thiện là làm, như thế tâm sẽ hướng về thiện luôn, sau thành ra tự nhiên thích làm thiện, không làm không chịu được.

“Thi ơn chớ cầu báo, chịu ơn chớ nên quên”. Làm thiện mà kín đáo, đó thật là thiện. Sai học trò đem của mình đi giúp người mà bảo giấu kín thì anh học trò một là sẽ cảm động, vì thầy tin yêu mà sai mình, hai là cố noi theo gương thầy. Chung tiền mà làm thiện, cách ấy chỉ nên dùng khi gặp việc to. Còn thì nên khuyến khích những điều thiện độc lực⁽¹⁾ và kín đáo. Nên nhắc luôn cho học trò nhớ đến những người đã làm ơn cho mình. Biết nhớ ơn là lòng trung hậu, lòng ấy rất tốt đẹp.

Có người nghèo đói qua trường, không đợi xin, thầy đi ra chỗ khuất cho kín đáo; cho một cách lễ phép, cho đừng như thí bỏ cho. Học trò sẽ cảm động mà cố bắt chước.

Có lúc ngay ở trong lớp, gặp việc người ngoài vào gây chuyện bực mình, nên cố nén lòng, ôn tồn nói lẽ phải trái cho yên chuyện. Người ta đi rồi cũng không nên tỏ ý giận dữ để cho học trò được noi theo cái gương trung hậu của thầy.

1. Tự mình làm.

Tham là một cái tệ to, sinh đẻ ra bao nhiêu chứng ác; vì thế cố bồi đắp cho học trò có nết LIÊM. Không nên bỏ một dịp nào, hễ có dịp là ca tụng những điều liêm khiết. Việc gì có lợi cũng nên đem ngay nghĩa mà đối chiếu. Đừng bao giờ để lợi nó sai khiến. Ông thầy nhất định từ những đồ lễ mà người ta phải mua tốn kém, là cho học trò một bài học về sự trong sạch hay dấy. Vẫn biết có lắm người nói năng lôi thôi, từ được khó lắm. Nhưng cùng ra mà nói thế này thì không bao giờ người ta ép mình nữa: “Tôi đã có cái nguyện là không bao giờ nhận của ai. Mười năm nay tôi vẫn thế. Có lẽ nào ngày hôm nay tôi lại dám vâng lời ông mà bỏ cái nguyện ấy đi. Vậy ông đừng bắt tôi nhận, thế là làm ơn cho tôi đó.”

Hễ có việc gì mà động đến tiền nong, là tính toán cho thật rành rọt. Tỏ ý quý tiền để làm việc mà lại coi tiền như rom rác. Cờ bạc nhất định không dính vào. Nếu đã trót nhớ, vì muốn tỏ ra là mình sành chơi, hay đã nể mà đánh bạc với ai một lần, là bó mình mãi mãi, vì bị người ta mời, ép. Không đi thì người ta cho là khoảnh;⁽¹⁾ phải đi mãi, và rồi không nói gì được với

1. Làm cao, tỏ ra kiêu ngạo.

học trò nữa. Tháng Chạp đã giống giả,⁽¹⁾ nói cái hại cờ bạc. Rồi tìm cách giữ cho trẻ đừng dục vào đám bạc thế nào cũng có trong tháng ăn chơi. Ví dụ kêu cho học trò lập một phe “không đánh bạc”, nói kích thích cho mỗi trò sinh ghét đánh bạc. Ra ngoài Tết, hỏi xem, ai không bén mảng đến đám bạc và tỏ ý bằng lòng lắm.

Phá được thói đánh bạc là nhỏ được mầm tham ở trong lòng con trẻ, làm cho nó ghét cờ bạc, là một công to với nước Nam đấy. Công ấy mà không thành thì trăm bài học, mười năm dạy dỗ, cũng vô ích thôi. Ở trường “cấm tiệt” đánh đáo ăn tiền, hay ăn một thứ gì, cờ quay, thò lò, cua cá. Thỉnh thoảng đến thật sớm xem cửa trường và các phố, các ngõ quanh trường. Thầy giáo có ngờ đâu rằng cái mầm cờ bạc chính mầm gây ra từ trường đó. Treo (một vài ngày) những tranh về cơ thể một người nghiện rượu, người nghiện thuốc phiện, kiếm được vài cái thí dụ cho học trò biết sợ.

Sĩ - “ ‘biết xấu hổ’ là gần được đến bậc mạnh rồi”. Phải có can đảm mới nhận được rằng mình xấu hổ. Những kẻ vô sĩ, thì không còn mong gì được. Lắm lúc

1. Kêu gọi, thúc giục.

trẻ phải mắng mà nó cứ trơ mặt ra, còn vênh váo là đằng khác. Những trẻ ấy nên âu yếm mà bảo riêng. Để cho nó vênh váo thì trong lòng nó cũng đã xấu hổ rồi đấy, nhưng vì vênh váo, làm bộ quen thì lòng biết xấu hổ sẽ kém đi, nó thành trơ, không bảo được nữa, mà còn hại đến trò khác, vì cái gương xấu nêu lên. Đừng có thấy nó vênh váo mà xỉ vả và làm thật đê nhục cho bộ, cho nó chừa, ở trước mặt anh em. Làm cho nó nhục bao nhiêu thì hoặc nó lại thấy cần vênh váo bấy nhiêu, hoặc nó xấu hổ quá đâm ra liều lĩnh, hoặc nó thấy nhục quá rồi không cần giữ gìn thể diện gì nữa mà không cố gắng sửa đổi, hoặc nó sẽ tin là nó không còn sửa chữa gì được nữa. Muốn cho biết sỉ thì đừng làm nhục.

Học trò có anh đi nhờ anh em gà bài. Phạt nặng cũng đáng lắm, song không bằng đừng nói đến ở giữa lớp. Gọi riêng ra mà bảo cho hiểu rằng thế là tự mình làm hèn mình, lừa dối thầy, lừa dối mình. Bảo một lần là được một người. Mười lần là hết bọn nhờ gà. Chỉ trừng phạt không, thì khó mà trừ tiết được thói ấy.

Khi học trò đã biết xấu hổ, ấy là đã sẵn có sức mạnh để ghét tất cả những chuyện bợ đỡ, những việc hèn hạ. Đủ sức để cố kính tiến lên.

Nhiều người làm những việc như thay áo quần, đại, tiểu tiện, không tìm chỗ kín đáo. Việc đó nên bảo.

Chỗ tắm của trường học nên có cái phen hay rào che. Nuôi lòng biết xấu hổ, đừng làm cho xấu hổ quá.

Một việc cần, là làm thế nào cho học trò bỏ cái quen khinh bạc và lãng phí. Ai nói trọng cái gì là bọn họ tỏ ý khinh rẻ. Bạ ai cũng hạ xuống thang. Gặp chỗ kính, là họ làm ra dáng không cần đấy. Nhiều khi chỉ là xăng miệng thôi, nhưng để mãi, thì thói ấy sẽ ăn vào tâm. Bắt phải kính tất khó lắm. Nhưng tự thầy tỏ ý kính những người già cả, tỏ ý kính trọng khi ra đình, thì học trò sẽ theo. Trong lớp đừng để xé giấy vụn, cho quen tiếc tờ giấy, ở nhà khuyên đừng để com vãi cho biết quý của ngọc thực⁽¹⁾. Giữ lâu được sẽ thành quen.

Nói cho biết: chữ là một sáng kiến tốt đẹp của loài người, nên kính không nên đem dùng mà viết xăng bậy ở trên tường.

Những bài hát rõ ràng, hay mạnh mẽ, trong sạch, làm cho trong lớp nghiêm trang, có cái tươi vui điếm vào. Những bài chót nhả, lảng lổ, nhất định không bao giờ hát đến. Có trẻ nhỏ hát lên, thì ngắt đi ngay và cho hát lên một bài vui và sạch thay vào.

Âm nhạc có nhịp nhàng trật tự. Đó cũng là một

1. Com gạo.

phần của lễ, làm cho tỏa hòa khí, nhắc những lời cao thượng cho mạnh trí.

Có đứa trẻ tính hay tắt mắt. Thỉnh thoảng có ông thầy - vì trò hay nghịch nên nhầm việc dạy với việc canh - thích làm ông đội xếp. Có ai kêu tắt cái gì là ông đóng ngay vai trình thám, ông dò, ông xét, ông khám, ông bắt được, là ông chỉ đích danh, ông nắm ngay lấy tai mà lôi xềnh xệch đến trước mặt cả lớp, mà hành tội. Đứa bé khốn nạn ấy từ đó sẽ được “cái bằng ăn cắp”. Ở lớp ra, cả lớp sẽ đuổi theo nó mà kêu: “Ồ xoáy, ồ xoáy”. Nguy chưa? Nó sẽ tủi quá mà thui chí đi, hay nguy hơn nữa: nó sẽ trở mặt mà thành ăn cắp thật, vì không còn danh dự gì mà giữ nữa.

Nên tìm kín đáo. Biết được ai đã trót đại thì bảo riêng nó tỏ cho nó biết rằng nó có thể khá được, tin rằng nó trót đại một lúc nhưng “vẫn” thật thà. Nói đến danh dự trong sạch của nhà nó, có thể vì cái nhầm một lúc mà tiêu hết. Nó sẽ cảm động lắm, sẽ chừa và sẽ cố kỉnh nhiều lần để tỏ cho thầy biết rằng nó thật thà được. Thế là một mạng cứu thoát khỏi sa ngã.

Trẻ hay thích diễn kịch. Nên khuyến khích nhưng phải để cho chúng hiểu rằng diễn không phải là làm hề, pha trò. Những trò lơ lửng, tục tằn thì ê ê mà xua vào. Trẻ con hay muốn học làm như tài tử này, tài tử

nọ, cái “hãnh diện” ấy phải trừ bỏ. Làm cho chúng thích tả một ý, một cảnh, một truyện, một đoạn lịch sử, một cử động anh hùng. Diễn kịch luyện cho trẻ có trí nhận xét, có tài diễn tả, nói rõ ràng mạnh bạo, đi đứng khỏi ngượng ngập, sửa chữa những trò hư về cách cho nói ra và diễn ra những lời cao thượng, những cử chỉ đoan trang.

Tóm tắt: chú ý đến tâm của trẻ. Làm gương tốt. Trừng trị ít và nâng đỡ nhiều. Làm cho nét tốt thành tính.

CHÍ

Ở đời làm được việc tất phải có tài học, có khéo tay. Nhưng có cái gan để quả quyết làm, có cái gan để làm luôn luôn, có cái gan để đến được kết quả tốt, là nhờ ở chí. Có tài mà không có chí thì thế nào việc cũng hỏng, vì không dám làm, làm cũng bỏ dở. Có chí mà ít tài, thì rồi cũng cố sức tập được cho có tài, vẫn làm được việc. Chí là vị sai bảo, tài là đồ dùng. Chí quan hệ như thế. Một môn giáo dục nào mà không để ý nhiều đến chí là không dùng được.

Nói chí thì thường nói cả khí. Chí là ý muốn làm, khí là sức mạnh để cho chí làm được. Chí khí là sức mạnh của tâm hồn. Người có chí khí thì cả quyết. Thấy việc nên làm là dám làm: bền gan, gặp nỗi khó khăn không nao núng; vững dạ, giữ được ý mà theo đuổi mãi công việc mình; bạo, dám xông pha chỗ nguy hiểm; nhiệt thành, đủ cái khí để cho việc chóng xong, cho người khác theo; táo tợn, chỗ khó khăn nguy nan

vẫn không rời trí quẩn bách, vẫn biết được cách chống đỡ và cách lên lui; đảm nhận được công việc, không để hỏng, không bỏ dở, không chịu nhọc, không để cho người ta chê nèn hay làm nhục nhã, không hèn. Người có chí khí, có khí khái, gặp trường hợp nào cũng giữ được phẩm cách mình. Người có chí khí biết sáng kiến, biết tìm được đường mới mà đi, đã tìm được đường thì lập được chí và đủ chí để theo đuổi cho đến lúc thành công.

Xem thế thời người định hoạt động công việc gì không có chí khí không thể được.

Chí khí là một của quý. Chỉ khó một nỗi, đó là một tính mà để ra đã có, hay không có rồi. May làm sao! Dân chúng ta có những ông cha can đảm, một nước mà lại là một nhà, cả nhà mồ hôi, máu đỏ, từ trên bốn mươi thế kỷ, vật lộn với rừng núi, với bãi cỏi, đồng chua; bắc, chống với một dân tộc lớn hay xâm chiếm, nam, mở một cơ đồ mệnh mông; bao nhiêu khó nhọc, bao nhiêu anh hùng đã để cho con cháu một cái chí khí sẵn. Mà chí khí lại là cái của độc nhất mà ông cha có thể truyền cho con cháu được. Chúng ta để ra sẵn có chí khí, ít nhất cũng có cái mầm. Đã có mầm thì cứ cố gắng vun bón, người nào cũng có thể có chí khí mạnh cả.

Mầm chí khí đã sẵn có, nhưng cố sức vun bón thì

mầm ấy lớn thành ra cây gỗ đóng lương,⁽¹⁾ để cho vật dục làm hại thì úa héo dần dần và mục mất cả gốc rễ.

Đời này tiến về vật chất nhiều. Cơ nguy cho chí khí ở đó. Nhiều máy móc, ít phải gắng công, nên không gắng quen. Nhiều điều tiện lợi, muốn được cái gì cũng dễ dàng, nên không hết sức mà tìm ra cho có. Các cách tiêu khiển phần nhiều ủy mị, thế là chí khí tiêu ma, vì con dao không mài giữa, không dùng, phải gỉ. Mỗi ngày gỉ thêm một ít là con dao tiêu.

Đã lầm rằng ăn sung ở sướng là mục đích của đời người, thì cái đời rỗng tuếch, không có ý nghĩa gì nữa.

Thế mà đời ta phải là một đời hoạt động. Càng hoạt động càng mạnh. Gió càng to, cây càng vững. Vậy rèn chí khí, phải là việc quan trọng của giáo dục. Giảng một bài học “chí khí” thì vô ích. Chí khí không phải là một môn học. Phải rèn luyện luôn luôn thời mới có chí khí. Công việc rèn luyện phải lâu năm, phải làm hết giờ này ra giờ khác. Không phải bài học trong một giờ: mỗi lúc hễ làm được là phải làm; không ngừng lúc nào, không quên dịp nào cả mới được.

Chúng ta dựa vào việc rèn chí khí cho trẻ cũng khó lắm. Bảo mỗi mồm cũng vô ích. Chỉ khi nào trẻ nó

1. Rường cột chống đỡ nhà.

tự bắt tay vào mà nhất định làm cho mình có chí khí thì công cuộc mới nên được.

Việc thứ nhất là ta xét thấy trẻ vì mãi chơi, vì quen thói người lớn, hay “đùn”, rồi đến đâu hay đó, gặp việc không làm ngay. Mà ra đến trường lại không dùng cách nào phá tan cái thói đùn ấy. Bài làm thứ Ba này, thứ Ba sau mới chấm đến. Bài học thứ Ba này thứ Ba sau mới phải đọc. Ví dụ bài luận cũ, thầy chấm sáng thứ Ba, thầy chấm cho kỹ càng, giảng đủ chỗ hỏng, bảo đủ cách sửa chữa, thầy lại ra cho bài mới cũng chỉ mỗi chỗ nên làm thế nào. Thật là hết lòng lắm; nhưng không chu đáo chút nào: chỉ vì rằng đến tận thứ Ba sau mới chấm đến, nên tối thứ Ba này về nhà, dù còn nhớ được những lời khuyên của thầy, nhưng trò còn làm việc để đến sáng thứ Tư này, trò bảo thôi bài hôm nay để đến mai rồi đến ngày kia, cho mãi đến thứ Hai sau là ngày không còn lùi được nữa, mới đem ra làm. Nhưng nếu hôm ấy mình không ốm, nhà không bận, mà giờ được ra làm nữa, thì những lời thầy dặn bảo cũng quên cả rồi còn gì. Thế là thành ra thói “đùn”. Quên cả, tất bài không hay, thêm vào thói “đùn” lại làm nhọc cho thầy lại phải giảng lại, để mà trò lại quên. Cứ thế mãi. Thầy bực mình, mệt xác, trò vẫn không tiến, vẫn quen đùn. Bài học cũng thế.

Chữa thói đó ta nên tìm cách gì. Một cách có thể

dùng được: bài học hôm nay, thầy giảng cho; tối về trò học ngay. Nghĩa còn nhớ thì học càng dễ. Sáng mai thầy cho đọc ngay, hay hỏi đến ngay, bài làm cũng làm ngay. Chưa xong chưa đi ngủ. Sáng mai dù thầy chưa đủ thời giờ chấm cũng thu ngay. Bài nào cũng thế, thói đùn phải tiêu tan.

Trẻ làm việc hay cầu thả, gọi là được là xong. Thói này đưa đến chỗ thiếu “luơng tâm nhà nghề”. Độ này, thói ấy nhiều lắm, vì người ta đã quên chữ “thành” lâu rồi. Chữa thói này, không hẳn là bắt ne bắt nét. Nhưng thầy có thể xem thấy những chỗ kém công phu. Lấy một chỗ mà chỉ rõ. Trò chữa được ngay là hay; không chữa được thì tìm cái có. Rồi khuyến khích, và nếu có cần thì nâng đỡ một tí. Chữa được một chỗ là trò đã có một cái thành công nhỏ. Cho nó nếm biết cái thú thành công ấy. Rồi đưa luôn đến chỗ thiếu thứ hai. Trò gắng mãi; đã quen nếm thú thành công, lại càng cố gắng; rồi quen cố gắng đi, cho đến lúc làm được công cuộc thật tốt, thật đẹp.

Nóng giận vô ích. Nóng chỉ gây oán. Trỏ lối cho mà đi, có ngã thì nâng dậy; lại cho đi, cho đến lúc đi được một mình, chớ đừng công đi.

Hồi này trẻ lại mất luôn cả cái tài chịu cực nhọc. Làm cho trò hiểu rằng mỗi khi mình thắng được mình cũng là một chiến công thích lắm. Sáng dậy đừng nằm

lâu để đợi người đánh thức, dậy ngay được, đó là một sự chiến thắng. Rửa mặt bằng nước nóng: không rửa bằng nước lã mới giỏi, đó lại một cuộc chiến thắng. Suốt ngày, mỗi khắc là một cuộc vật lộn với xác mình, với cái lưỡi của mình; mình nhất định thắng. Ngày ấy, ngày khác cứ cố thắng mãi, thế là chí mạnh rồi đó.

Trật tự trong lớp giữ được khó lắm. Trẻ thì hiếu động, mà ngồi vào cùm bàn ghế, thì mấy giờ đồng hồ chịu làm sao được. Vì thế thỉnh thoảng lại phải cho đứng lên ngồi xuống, hát một bài thật to, hay cho ra hẳn chỗ không khoáng một lát, cho thỏa cái tính hiếu động đã. Rồi vào khuôn phép, nhưng đã vào, thì nhất định khuôn phép. Giờ chơi thì giục cho chạy cho đùa, nhưng một tiếng hiệu là nhất định yên lặng, đi đứng ngay ngắn, làm việc cật lực cho không chơi nữa.

Giữ cho lúc nào cũng làm việc đúng giờ, đó cũng là một cách luyện chí.

Có một câu châm ngôn, cả một đoạn đời theo đuổi. Có một bản luật nhất quyết không sai.

Việc trốn trách nhiệm, một cách “đùn” khác. Trên kia đã nói. Nên tổ chức trong lớp cho ai cũng có cả một trách nhiệm hay cả một phần trách nhiệm.

Đầu năm vào, hay quá độ một tháng, cho thầy rõ học trò. Rồi chia lớp từng đội nhỏ. Ví dụ mỗi bàn là một đội. Mỗi bàn có số thứ tự và một tên danh dự.

Ví dụ bàn số 3 có tên là Hưng Đạo Vương, hay Bạch Đằng.

Trong bàn, trước thì thầy chọn, ít lâu sau thì anh em chọn một anh trưởng bàn. Trong bàn chia công việc cho nhau, tùy tài, tùy sức. Anh trưởng bàn giữ trật tự, thúc giục anh em học. Anh vệ sinh coi việc lau bàn, (chớ không phải là sai người lau), bảo anh em ăn ở sạch. Anh thủ thư coi việc trao đổi sách đọc. Anh giữ sổ coi các điểm số,...

Việc mỗi người một phần, ai nhận phần nào chu tất phần anh ấy. Trẻ sẽ quen bảo nhau, quen xét người, quen làm việc công, quen nhận trách nhiệm mình trong một đoàn thể nhỏ.

Cả lớp là một đoàn thể lớn. Có các chức việc như ở trong bàn. Người coi trật tự chung, người coi sổ sách (anh này thay mỗi tuần cho nhiều người quen việc), vệ sinh, một anh coi các cửa xem lúc đóng mở tùy thời tiết; và các chức việc khác tùy xem thầy trừ tính.

Cuối tháng cộng sổ, cả điểm số tính hạnh, sạch sẽ, học hành. Viết tên các bàn lên bảng danh dự. Ví dụ 8 bàn trên được biên tên “danh dự” lên bảng theo thứ tự. Bốn bàn dưới bị tước tạm tên “danh dự” chỉ biên số bàn không. Bảng này với bảng điểm số và thứ tự từng người đều được treo.

Thế là ngoài sự ganh đua từng người, lại còn sự

ganh đua từng đoàn thể nhỏ. Rồi các anh học trò cũng họp hội đồng bàn, họp hội đồng lớp, rồi bàn bạc rồi thu xếp, rồi đảm đương công việc quen.

Người kém sẽ thấy ngay cái kết quả của sự cố gắng của mình. Người kém khi thấy cái kém nó có hại cho cả bạn, sẽ cố gắng lên.

Cho điểm số các bài, không bằng ở chỗ khá hay kém. Người cuối lớp mà cố gắng sửa chữa, phải được điểm số cao hơn người ngồi nhất, tuy vẫn nhất mà không cố gắng.

Trường học xưa có cả việc sái tảo, lau quét. Việc này trong các trường mới giao cả cho một người cai trường. Mỗi người cai làm độ năm sáu lớp, nói đúng ra thì vợ con người ấy làm. Công việc không sao kỹ càng được. Có trường học lâu năm chưa từng rửa bao giờ, chỉ dùng chổi lông quét bụi ở bàn xuống đất, rồi lại dùng chổi lúa tung bụi ở dưới đất lên bàn, thế thôi.

Không những quan hệ với vệ sinh, việc lau quét có ích về giáo dục. Khi thủ công thầy đã làm cho trò yêu, thì làm cho trò thích lau quét dễ lắm. Làm cho trò biết rằng đó là một công việc, không phải để dành cho người mà họ quen gọi là tôi tớ. Để chí mình làm việc tầm thường mà có ích ấy; cho hạ mình quen, cho bắt chí mình làm việc mình vẫn coi rẻ. Sau này không cần phải đầy tớ mới giữ được cho nhà mình sạch. Mỗi bàn

lau một cửa sổ, mỗi bàn lấy nước gội quét một hôm, thi nhau mà cố gắng, sẽ thấy làm kỹ là thích.

Trường học ở đình hay ở gần đình, gần văn chỉ,⁽¹⁾ cất lượt nhau giữ cho chỗ tôn kính được sạch sẽ quang quẻ; tập kính thờ, tập làm việc công không tiếc sức. Đến lượt quét văn chỉ hay vì khá mà được cử làm việc ấy, một bàn cho là một cái vinh hạnh.

Sử là một quyển gia phả chép bao nhiêu nỗi gian truân, bao nhiêu cử động anh hùng của tổ tiên, đọc một cách kính cẩn, ngụ những ý khen chê, trở con đường suy xét phán đoán làm cho trẻ hiểu rõ công nghiệp gian nan của người trước, phân xét không nhầm, xoi lỗi những lúc vinh, thối thức nỗi nhục, bổ khí và nuôi chí không cách nào bằng.

Không phải chỉ cốt kể những đoạn chiến trận; các công việc khai thác vất vả, đào kênh, đắp đê, vượt bể đến đất mới, những công khó nhọc đi tìm thuốc cùng học nghề ở đất Bắc, ở xa nữa, những cảnh ngộ gieo neo lúc mở đường xuống Nam, đều làm cho học trò ngẫm nghĩ.

Các truyện nghĩa hiệp, các người hào kiệt ẩn danh, tài tướng sủy như Phạm Ngũ Lão mà đan

1. Nơi tế Khổng Tử và các bậc hiền triết, tiên nho ở nơi hương thôn.

sọt, như Trần Nguyên Hãn mà bán dầu, khiến học trò không chỉ học được khí mà học được cả chí nữa. Những liệt sĩ thung dung chết vì Nghĩa (thung dung tự nghĩa) để những gương sáng chiếu.

Trao cho trò làm gì cũng để ý đến việc bảo chúng tìm lấy một phương pháp, một cách bố trí để cho quen việc tổ chức. Làm sao nhiệt thành mà không hỗn độn. Xét đoán, suy nghĩ đã, định cho rõ mục đích, sửa sang các đồ dùng; rồi bắt tay vào, thì kỳ cho đến đích, cho thật xong, không ngừng nửa đường bao giờ.

Lười là một bệnh. Đang lúc lớn lên, chỉ có ốm mới làm cho trẻ lười được. Vậy gặp trẻ lười, đừng phạt vội. Nếu phạt ngay thì tâm nó đóng ngay lại. Thầy không biết đặng nào mà dò, nó lại lười, thầy lại phạt nữa, phạt cho đến lúc nó từ lười đến đâm ý ra, nó tự cho là thầy truy nó, thầy ghét bỏ nó. Nguy nan lắm, cái lúc ấy. Cho nó đi học thầy khác còn hơn. Nếu từ từ mà hỏi han dò xét, thì bao giờ cũng tìm ra thấy căn bệnh. Nó ốm, nó thiếu ăn, hay ăn thiếu chất bổ, thiếu vệ sinh, chảy rận bứt rứt, hay vì ông cha để lại cho cái kết quả vì rượu, vì thuốc phiện. Việc làm phải kín đáo, hỏi thầy thuốc - ông thầy thuốc phải cộng tác với thầy giáo - bàn với phụ huynh để tìm cách cứu chữa.

Muốn cho trò thành có khí thì không nên dùng oai mà chiết tỏa khí của trò. Muốn cho trò có chí thì

thầy tất phải tự bó buộc mình, quyết có cái chí theo đuổi rèn giũa, dù mệt, dù nản, dù nhiều lần thất bại, dù phụ huynh học trò không hiểu, dù chẳng ai biết cho, dù chính học trò không làm cho việc ta được dễ dàng. Chưa đến nói là mình chưa nhìn rõ hay chưa làm hết sức.

Muốn cho chí dễ mạnh, thân thể phải khỏe.

THỂ

Chúng ta vì Tổ quốc đào tạo những thể hệ thanh niên làm được việc. Trên đã nói: muốn làm được việc phải có chí. Chí mạnh cũng nhờ nhiều ở cái thân khỏe mạnh, bền vững.

Người làm được việc, ngoài chí, và để làm theo chí mình, phải:

Khỏe,
Dai sức,
Dạn nắng gió,
Nhanh,
Khéo,
Táo tĩnh.

Không thể tưởng tượng một người đi trong đường đời khó khăn, mà lại không có đủ những tài ấy.

Đạt đến mục đích ấy, nói tóm là cho được sung

sức, thì phải lúc nào cũng khỏe (không ốm đau), và phải luyện tập thân thể luôn.

Dù bây giờ đã có nhiều người hiểu rằng thể dục là cần, nhưng vẫn chưa mấy ai tin rằng tập luyện có thể chóng cải tạo một nòi giống được. Một thí dụ: Đầu thế kỷ trước, nước Anh toàn những người lùn, bụng to, mặt đỏ gay gắt. Lúc ấy một vị thượng thư bộ Giáo dục quyết đem thể dục và vận động vào chương trình suốt các trường học. Kết quả: chỉ ba mươi năm, tạo thành một giống người cao, tầm thước, nhanh nhẹn, một mẫu mà rất nhiều người mơ tưởng được như thế, vào bậc cử khôi trong vận động giới và, vì thế, cử khôi trong nhiều giới khác nữa.

Hãy nói về việc mạnh khỏe. Phải có thầy thuốc giúp thầy giáo là việc rất cần. Thầy thuốc, độ một tháng thăm học trò một lần, “chỉ riêng” cho ta biết trò nọ yếu về phổi, trò kia yếu về tim, để rồi ta liệu. Nhiều trường có thầy thuốc nhưng chỉ dùng để mỗi khi trẻ ốm, hỏi xem cho nghỉ nhiều hay ít thôi. Nếu nhờ ông ta xem xét luôn, xét một lần bắt đầu bài thể dục, một lần sau bài, xem trò nào chóng yếu, về bộ phận nào. Thầy thuốc bảo cách chạy chữa thì ta đem bàn cùng các phụ huynh. Người viết tập này đã lâu năm nay vẫn còn hối hận vì một trò mất vào đầu năm học sau. Nếu biết rõ được sức khỏe của trò ấy, nếu cố xin được

một chỗ ở trại nghỉ mát cho trò ấy, thì có lẽ anh bé ấy không đến nổi nào.

Thầy thuốc tài lắm, nhưng cái bệnh không bao giờ khỏi hẳn thật. Bao giờ cũng còn để lại trong cơ thể một chỗ hổng, để rồi lại phát ra hay để cho bệnh khác chui vào. Vì thế mà ta phải làm sao cho không bao giờ mắc bệnh, mới là thượng sách.

Vì thế, phải hết sức lưu tâm đến vệ sinh đủ các cách, làm cho mạnh khỏe luôn mà không ốm.

Trước nhất nói về việc sạch sẽ. Bàn ghế lau luôn, thỉnh thoảng lại rửa, tường quét vôi trong ngoài mỗi năm vài lần, đất lát gạch mỗi tuần rửa một lần, quét mạng nhện vì nó hay tích bụi. Khăn lau bằng thường ẩm cho đỡ bụi bẩn, tập cho học trò đừng khạc nhổ bậy, phải nhổ vào ống có vôi hay rãnh nước chảy. Các cửa mở rộng, nhưng tránh luồng gió, nhất là gió bắc mùa lạnh. Mùa rét cũng đừng đóng kín các cửa. Học trong lớp nhưng cũng nên có nhiều buổi học ngoài sân ngoài vườn. Nhà tiêu giữ cho sạch sẽ, gần đó có chỗ rửa thuận tiện.

Đừng như nhiều nơi mỗi sáng lại thanh tra một lần, khám sạch sẽ. Lối “khám” làm cho trẻ sạch tũ và trẻ bẩn nhục. Để ý đến những trẻ bẩn rồi bảo riêng. Bảo rõ cách đánh răng. Chẳng cứ gì bàn chải đắt tiền và xà phòng quý giá. Lấy một thanh tre to bằng ngón

tay cái, chẻ đầu như cái tăm to là chải được, hơi cứng cho lợi khỏe.⁽¹⁾ Xà phòng giặt đặng tốt là đủ. Sao cho trẻ hiểu rằng chải buổi tối trước khi đi ngủ là cần hơn hết. Có tranh vẽ răng sún, răng sâu, sưng mộng răng, cho trẻ hiểu lợi hại. Tóc đừng cho dài quá vì nó rỏ mồ hôi vào mắt, đừng cho ngắn quá vì không đủ che óc. Mỗi anh nên có một khăn tay nhỏ, không cần đẹp, để khỏi phải quệt mũi bằng tay áo hay chùi tay bằng vạt con. Móng tay dài hễ thấy là cho cắt ngay. Đừng tưởng quần áo nâu không bẩn. Trẻ đi sáu bảy cây số mới đến trường, mà bảo suông rằng nên sạch là vô ích. Phải làm cho nó có thể giữ sạch sẽ mới được. Trường có một máy nước, thì xin làm nhiều. Không xin được, thì sắm nhiều vại, có nhiều gáo. Đừng cho kẻ mồm vào vòi nước mà uống. Ở quê xa không có máy thì tất nhiên dùng vại (sạch hơn chum). Có vài đôi thùng nhỏ để học trò lần lượt đi lấy nước. Cho học trò tự làm mấy việc lọc nước và đánh phèn cho nó quen, cho hễ nước bẩn là nó không tài nào dứng tay vào được. Trồng lấy vài cây bồ hòn là sau này chẳng lo về xà phòng. Việc nước nóng, ở trường nên có cái thạp có nắp và có gáo,

1. Cuốn sách được viết vào đầu thế kỷ XX, nên một số quan điểm đã lạc hậu không còn phù hợp nữa.

giao cho trò đun nước thật sôi mới đổ vào, đừng cho uống chung chén. Thêm nhiều việc thế này tất nhiên mỗi ngày thầy trò mất đến nửa giờ, nhưng mỗi ngày chỉ mất nửa giờ mà quen cẩn thận, quen tay làm, nhất là quen sạch sẽ, đến nỗi không chịu bẩn được nữa thì ích biết bao nhiêu. Phần này không có trong chương trình niên khóa, nhưng có trong chương trình của ông thầy hết lòng.

Khi gặp phụ huynh học trò thì nói để các ông các bà ấy cho con em ăn sáng ở nhà, để tránh cho chúng mang tiền đi tiêu bậy ăn kẹo hơn là ăn bánh, ăn những của sống sít, chua chát, hay đã phơi ngoài bụi, đã cho ruồi nếm qua và gửi vào đấy một ít trứng giòi và trùng bệnh. Bảo cho học trò biết rằng con giòi chính là tiền thân của con ruồi. Không có hàng quà là tốt hơn cả. Ít lâu quen đi, đỡ tốn tiền, tiêu bậy, mệt dạ dày vì ăn vặt, rồi về nhà uể oải trước mâm cơm thường ngày.

Trong chương trình có bài về vệ sinh đồ ăn. Đừng làm một bài ngắn ngủn. Làm nhiều bài nối nhau. Sách thuốc có nói: “Thân thể người ta là do đồ ăn làm nên”. Ăn đơn sơ và đúng phép thì khỏe mạnh, và tránh được vô số bệnh. Bảo cho học trò biết rằng trong nhiều hàng cao lâu người ta dùng hành hay giấm ớt để giấu cái mùi đồ ăn ôi; đồ ăn hộp là đồ ăn chết rồi không có ích một tí nào cả mà nó lại có vô số chất độc, mỗi

người nặng bao nhiêu cân thì chỉ tiêu được bấy nhiêu gramme thịt là cùng, ăn thừa thì tốn tiền vô ích, mệt dạ dày, mệt ruột, tăng thêm chất độc; thịt bổ nhiều nhưng cũng có nhiều chất độc, rau bổ ít nhưng lại có ít chất độc; rau lại hoạt máu và rửa ruột sạch sẽ; thịt độ ba ngày một lần cũng đủ; đậu phụ bổ mà lại rẻ tiền, dễ tiêu; hoa quả như chuối, cam rất bổ mà lại có nhiều “sinh tố”. Tương và nước mắm, không có nước chấm nào bằng. Ăn uống đơn sơ, khi có bệnh cũng dễ chữa. Thầy lang nói: “Thể cao lương là thể hư, thể rau dưa là thể thực”. Ăn vừa phải thì nhẹ người. Ăn nhiều thì to bụng. Đáng ăn ba bát mà nếu nhai kỹ thì hai bát cũng no. Nhai rồi thì dạ dày mệt, rồi nó ồm, đồ ăn tiêu không hết là phí của. Cũng nên làm sao cho học trò bỏ chứng khoắng đĩa vào canh; cả nhà chấm chung một chén nước mắm, nên dùng cái thìa hay đôi đĩa riêng mà lấy đồ ăn, cho đỡ lây các bệnh. Đi ba quãng đồng để ăn một bữa cỗ, để rồi đem một vài chứng bệnh về, là một cái nguy đáng sợ.

Cũng nên để ý đến vệ sinh về thần kinh. Đời này đã ồn ào hỗn độn, các luồng điện đi chằng chịt mà tối còn xem hát, xem chớp bóng thì mắt mỏi, thần kinh lung lay, rồi ồm. Mà ồm về thần kinh chữa được không dễ.

Lại phải trừ những thói quen xấu nó rước độc vào mình; ngủ trưa, thức khuya, hút thuốc, nhọc quá, hay dùng thuốc vân vân...

Bệnh đau mắt hột, quá nửa dân ta mắc phải. Đau chơi mà mù thật. Hột khỏi thành sẹo. Sẹo có lông mi lại thành lông quặm. Lông quặm sát mãi vào mắt, thành mù. Bệnh này sinh ra vì bẩn, lây vì rửa chung chậu, chung khăn mặt. Muốn khỏi phải vệ sinh. Rửa mắt bằng nước muối.

Trẻ hay có bệnh giang mai gia truyền. Nhờ thầy thuốc tìm ra rồi nói kín với cha mẹ học trò, để cho chữa; đừng đợi lúc lấy vợ. Bệnh này rất tai hại cho nòi giống.

Sống được đúng vệ sinh, người khỏe luôn, đỡ được bao nhiêu khổ mà lại sống lâu; khi già còn làm việc ích cho đời được. Để cho lúc già phải yếu đuối là dành gánh nặng cho xã hội. Giữ cho lúc già còn làm việc được là đỡ cho xã hội hai gánh nặng: không phải làm nuôi mình, mà mình lại còn làm giúp.

Người đã mạnh khỏe, bây giờ phải lo sao cho nòi giống tốt hơn, mạnh hơn, sức làm việc tăng hơn, tài làm việc giỏi hơn. Phải dùng phép thể dục.

Người ta chỉ biết thể dục làm bắp thịt to, nhưng không phải chỉ có thế. Khi cử động thì thở mạnh và mau hơn thành ra khí độc ra, khí mạnh vào tăng đến

6 lần; vì thế phổi mạnh và máu trong sạch. Tập phải lối thì thể dục làm cho lớn lên đều đều, chớ không lớn một cách hỗn độn, để thành một hạng cao lêu đêu mà người mảnh khảnh như Cao Biền dậy non. Trẻ gầy gò mùa rét buổi sáng cho tập vừa phải, buổi trưa cho ngủ một giờ để béo. Óc người ta hay ứ máu, tập thể dục làm cho máu vận lên óc nhiều, xua máu ứ đi, óc sẽ nhẹ nhàng, vì vậy mà tập thể dục học sáng hơn cũ. Trẻ con thần kinh rung động hỗn độn, tập thể dục thì thần kinh sẽ dịp dàng. Tay chân cử động theo phương pháp sẽ khỏi vụng về, sẽ theo được óc sai khiến mà không nhỡ nhàng, ngượng nghịu, hay vụng vẩy quá ý muốn.

Lạ một cái rằng, tập thân thể mà về đường tinh thần ích không phải là nhỏ. Cứ một việc: dù gió dù mưa, sáng nào cũng tập đủ làm cho chí bền và mạnh. Tập bóp tay là chỉ tập ném vào đích thôi cũng giúp cho tâm được chính. Có sức khỏe, và biết cách dùng thì sức ấy sẽ nâng đỡ cho đạo đức khi cần đến. Tập vui vẻ thì lúc dùng đến sức tự nhiên không phải nổi nóng. Trong những cuộc chơi nhỏ, chơi lớn, chơi vận động, trí sẽ sáng và nhanh, gan sẽ bền. Các cuộc chơi vận động từng đội học trò sẽ tập quen chiến đấu, bạo, cả quyết, xông đột, biết hy sinh vì đoàn thể, giữ mình, ép mình theo trật tự. Trong nhiều nước đã dùng trò chơi

vận động để nuôi tinh thần thượng võ, thay được cho những cuộc đánh kiếm.

Chỉ không nên dự những cuộc thi để lấy tiếng hay lấy tiền thôi. Làm trò trước người xem thì hèn cho thể dục, hèn cho cả phẩm cách người, ham danh hão, để đến chỗ chơi hung hãn, muốn sống về thể thao.

Cũng nên nhớ rằng: chơi vận động mà phép tắc không hiểu rõ, thì có thể nguy hiểm lắm. Nhất là khi có khán giả, lại hay chơi lấy danh cho mình, mà chực làm liều. Trong phép tắc cẩn thận thì cũng còn có khi nguy hiểm thật, nhưng muốn đến mục đích cao, làm sao mà không giá đắt một tí được.

Tập thể dục có nhiều lối lắm. Lối tốt vào bậc nhất là lối của người Pháp là Hébert.⁽¹⁾ Lối này tự nhiên, cần rất ít đồ dùng, cho nhiều người khác sức nhau cùng tập cũng được, và dùng ngay có ích trong đời. Có nhiều lối nữa, hoặc người ta châm chước ở lối Hébert, hay ở lối Thụy Điển mà làm ra. Thầy giáo nên có một quyển sách theo lối Hébert để dùng cho tiện. Tất cả các Hướng đạo sinh vẫn tập theo lối Hébert.

1. Georges Hébert (1875-1957): nhà giáo dục thể chất tiên phong người Pháp, người sáng lập ra hệ thống giáo dục thể chất theo phương pháp tự nhiên (la méthode naturelle), kết hợp huấn luyện các kỹ năng thể chất với các phẩm chất đạo đức và tinh thần.

Có một phép cần nhớ khi dạy thể dục.

Có sân thể dục thì càng hay, không có sân không phải là một có để bỏ thể dục. Cánh đồng, bức tường, bờ ruộng, bụi cây, ngòi rãnh, đều là những chỗ tập luyện tốt. Vả lại tập thể dục là để làm việc thắng các nỗi khó khăn trên đời. Các nỗi khó khăn ấy có phải là ở trên một khoảng đất phẳng và có đồ dùng sẵn đâu. Chạy đường đê, lội qua ruộng, nhảy qua ngòi, qua bờ rào, ném đá, vác túi thóc, đi một đoạn đường, đánh vật một kèo hay kéo co một ván, leo dây, thế là một bài thể dục rất tự nhiên, rất tốt, ích dùng trông thấy. Lại thêm hát, hát cho vui, cho xua ra những uế khí, cho phổi nở nang.

Bài học phải vui vẻ. Vui thì ham làm, dễ khỏe. Tập mà có vẻ chơi. Chơi mà tập gia dụng. Giá đem một câu chuyện mà làm mào cho bài tập, thì học trò thích nhất. Ví dụ bảo: “Thầy trò ta đi săn hùm nào? Đi, đi nhẹ nhàng không hùm nghe thấy; ấy kia nó kia, đuổi mau, nhảy qua rãnh này, nó đến kia, trèo mau lên cây; tụt xuống, ném cho trúng; được hùm rồi; vác về”. Học trò thích đáo để.

Phải tùy sức mà bảo tập, đừng cho trẻ yếu tập quá, sẽ thành bệnh.

Tập phải đều các phần trong thân thể? Cái nào kém thì cố vào, cái nào yếu thì gượng nhẹ.

Tập ném hằng ngày. Chính tâm. Mạnh tay. Trong con nguy có khi một hòn gạch giải cứu được.

Cho tập vật hay quyền. Nhưng cẩn thận.

Đừng tập giật giọng dễ mệt.

Chớ quên rằng, bốn thứ cần cho sức khỏe là: không khí, nước, nắng và vui.

Chú ý vào chỗ tập cho “gần”. Nhảy trên tường xuống, đi trên cây gỗ, cây tre, càng ngày càng nâng cao một tí. Tập cho đỡ run sợ; cái đó, nó làm cho người làm được mà phách không giảm.

Tập cho dai sức. Từ từ, từ nhẹ đến nặng, từ mềm đến cứng.

Tập bơi (cẩn thận, thầy chịu trách nhiệm), dễ thoát thân, dễ cứu người.

Làm sao cho mỗi buổi sáng bài thể dục thành một thói quen cho cả thầy lẫn trò. Trò tập thì khỏe lên, thầy tập thì trẻ lâu.

Thứ Năm, Chủ nhật, làm thế nào? Ngày thường thầy đã dạy cho học trò vài bài thể dục tập một mình hay hai người, để tập khi ở nhà.

Mùa rét tập nhiều, mùa hè cũng mỗi ngày vẫn tập, nhưng tập bài nhẹ. Mùa hè mà tập nặng thì gây ngay.

Vấn đề áo mặc cũng cẩn thận. Mùa lạnh, đừng để rét quá. Vừa không rét run là thôi. Thầy không khoác

khăn quàng là trò bỏ ngay. Đeo khăn quàng làm cho yếu cổ; quen rồi, thì động ra lạnh là cảm, là khăn cổ.

Trời rét quá thì bắt đầu tập vắn để áo, vòng thứ hai cởi bớt, vòng thứ ba cởi nửa. Đến cuối bài, vòng thứ sáu mặc một ít, vòng thứ bảy mặc thêm, cho đến lúc xong là mặc đủ.

Chơi vận động.

Mỗi tuần vài lần, thay bài thể dục bằng một buổi chơi vận động: đá ban, cầu giới, ban chuyền, phết, ném còn, vân vân... để cho trẻ đem sức đã tập được trong các bài thể dục mà thi thố, mà chơi trong hàng đội, để học cộng tác, mà biết vầy vùng trong khuôn phép, mỗi lần lợi dụng thời cơ, đem phần thắng cho đội mình.

Trò chơi.

Việc quan hệ, chớ chẳng chơi. Tính trẻ ham chơi. Cấm chơi thì nó tọp trí, tọp người lại. Chi bằng cho nó chơi thỏa thích, rồi nhân trò chơi mà luyện cho chúng nhiều đức về tinh thần và xác thịt. Cốt nhất nhớ quên, phải làm sao cho chúng chơi “thăng thần”, đừng ăn gian. Nhắc luôn: “Chơi thăng thần mới thích”.

Có trò chơi nhỏ, có cuộc chơi lớn.

Trò chơi nhỏ, chơi trong giờ chơi, để giải trí, mạnh các giác quan, khéo, cả quyết, nhanh nhẹn, mạnh khỏe.

Ví dụ: Mạnh: Người mù và người tê liệt.

Cả quyết và khéo: Chuyên ban.

Chú ý: Tôi bảo thì làm, tôi làm mặc kệ.

Xem xét: Xem báo, xóa hết chữ y.

Thính tai: Bịt mắt tìm còi.

Ngửi: Theo mùi tìm củ hành.

Nếm: Muối cốc nước mặn, đồ xếp thứ tự.

Mó: Anh mù soát nhà.

Lý: Câu chuyện lộn xộn.

Thiên nhiên: Tìm cây mảnh cộng.

Phương hướng: Người mù tìm được.

Mỹ dục: Trá hình.

Rình: Hú tim.

Cứu thương: Buộc chỗ đứt tay.

Nói: Tìm chữ đồng âm.

Xem trên này thì thấy trò chơi thật lắm thú, dùng được lắm việc. Thầy mà có một túi lớn trò chơi thì học trò sướng vô cùng, mà cũng tinh tiến vô cùng. (Hội Hường đạo, kiếm một quyển sách “Chơi”).

Nhưng chơi cũng lắm công phu, phải biết liệu sẵn, (có cả chương trình), tùy lúc, tùy nơi, tùy mùa nóng lạnh, cho vừa sức, cho thích hợp với học trò, chọn những trò để luyện tính nào mà trò mình thiếu, bố trí như sự thực mới thích.

Ngày nghỉ đưa học trò đi chơi. Sắp hàng đôi hay hàng ba rồi đi khắp phố này đến phố khác, hay đến mãi một cái đồi, nghỉ mãi ở một cái quán, thì rồi sẽ có cái kết quả quái lạ: là học trò sẽ không trốn đi chơi. Mỗi cuộc đi chơi phải có một mục đích, rồi nửa chừng ta làm một cuộc “chơi lớn”.

Cái gì lạ thế vậy? Chơi lớn là những cuộc hình dung các việc vật lộn trong đời, đem những tài đã luyện ở trường, ở các cuộc chơi nhỏ mà “sống” hẳn những cuộc ráo rết có thao lược, có cơ quyền, có đờm lược, có sức. Trẻ sẽ được đem hết tài ra mà dùng, để quen hoạt động cho đến thành công.

Ví dụ: Người mang thư qua một vùng giặc cướp.
- Bắt một bọn đi trốn. - Chăng lưới bắt bọn buôn lậu.
Đi tìm một bảo vật bị mất trộm. - Vào trại giặc. - Tìm trẻ bị bắt đem bán. - Thám hiểm xứ mới. - vân vân...

TẮM - Ở trường nào cũng nên có một chỗ rộng rãi và kín để tắm. Bắt đầu đem phen quây, ngoài phen đặt sẵn bờ rào cho lúc phen hồng là bờ rào đã đủ che cho kín. Bên cạnh một dãy vại có đặt gạch làm chỗ đứng tắm rửa, có rãnh cho khỏi đọng nước. Vại để ngay, gạch và rãnh thẳng thắn, cái sào làm mắc áo ngang và vừa tầm. Có một vài cái thùng tưới với một cái ghế đẩu cao. Thầy lau mình, rồi tự mình hay học trò lớn lần lượt đứng lên ghế tưới cho lũ học trò cú

lần lượt mà đi qua. Buổi sớm học trò đã uống một cốc nước trong để rửa ruột, khi tập tẩm không khí và tẩm nắng sớm rồi, bây giờ tẩm một lượt ngoài da nữa, thế là thoải mái.

Trước bài tập thứ nhất nên cùng thầy thuốc hay một mình xét kỹ sức học trò.

Về sức khỏe thì những điều cần ghi, phải ghi vào phiếu “sức khỏe”. Nào những bệnh đã phát, những bệnh nên đề phòng, những bệnh cần chữa chạy, tình thế nặng thế nào. Trẻ nào cần trông nom luôn thì mỗi tháng một vài lần nhờ thầy thuốc xem lại. Phiếu “sức khỏe” này đừng cho trẻ xem, nó sẽ lo sợ hay tưởng tượng mà phát bệnh lên không biết chừng.

Còn như sức mạnh thì ghi vào phiếu “thể dục”. Phiếu này cứ 3 tháng ghi một lần những tiến hay thoái bộ về sức mạnh. Chạy, nhảy, ném... đã đến bậc nào, kém chỗ nào; biết chỗ tiến mà lựa chọn, biết chỗ kém mà thúc giục. Phiếu này học trò có thể xem được.

Đã biết rằng những phiếu này viết xong thì bỏ đấy, ai xem. Nhưng vẫn phải làm, làm để mình xem đã, xem để mà biết đường mà dạy. Sở dĩ không có người xem là vì lớp 1 không chắc lớp 2 có để ý không mà làm. Lớp 2 lại sợ không chắc lớp 1 có làm cẩn thận không. Lớp 1 cứ làm rồi dù có phí công một vài lần, nhưng sau lớp 2 cũng phải làm. Đó là ở trường.

Nhưng không một ông bố bà mẹ nào mà có thể không cảm động, khi ông thầy đưa cho xem một phiếu “sức khỏe” của con, chỉ rõ chỗ bẻ cao làm sao bỗng vọt lên, mà vòng ngực lại lép đi, cân lại nhẹ đi thế này. Tất rồi bố, thầy học và thầy thuốc phải hội đồng. Nhiều khi có cuộc hội họp ấy mà kịp cứu cho một cơ thể khỏi đổ nát.

Không có thuốc tây, không có cân, thước cuộn, vẫn làm được. Vạch thước ra tường, cái đòn gánh và đồng gạch có thể làm cân, dây chuối đo ngực được. Thầy giáo thấy rõ cái trách nhiệm của mình đối với sức khỏe nòi giống, sẽ tìm ra đủ cách làm việc được.

Hébert:

“Những người yếu là đồ hèn, đồ vô dụng!”

TRÍ

Muốn được việc ở trong đời thì phải đủ tài làm; một mình không thể tìm ra cho đủ được, nên phải tìm trong kho “biết” của các người đi trước. Vì vậy phải học. Nhưng nếu chỉ học nhồi nhét vào óc mà không thử thách để đem ra dùng thì có ích gì, vậy phải tập. Phải học cho biết, tập cho dùng được, cho trí mình sáng để rồi sau còn thêm vào những thứ đến lượt mình cũng tìm ra. Đó là mục đích giáo dục về Trí.

Nhưng vì cấp ở việc kiếm ăn, người ta đã vội vàng học mà quên tập. Học như vậy chỉ nhồi vào óc những tài liệu lộn xộn, không chế hóa, không thu xếp, không dùng, rồi nó hỏng đi, nó mất mát hay bị bỏ quên ở trong kho thành đồ vô dụng. Trí không được luyện, tự mình không làm được gì.

Trẻ nhỏ đọc sử, truyện các vị anh hùng thì thích lắm, nhưng bắt đầu học một sách sử thì chỉ nghĩ học

cho thuộc thôi, để rồi thi. Lúc ấy thấy những chữ ngày tháng khô khan, những việc ghi ròi rạc, phải nhớ mới được, mà khó nhớ quá, sinh chán ghét sử không sao thấy hay ở sử nữa. Lại thêm một bọn trách sử sao lại chép những chuyện sao chối hiện ra, nhật thực, bà hoàng hậu nọ sinh con trai, cho rằng vô ích. Nay nếu ta làm cho học trò hiểu rằng những hiện tượng của trời đất là thuộc vào một độ số nhất định, dùng đó có thể xét xem ngày tháng trong sử, đúng hay sai; những việc sinh con trai ở gia đình vị quốc trưởng có quan hệ đến việc nối một thống hệ; những việc vụn vặt có liên lạc đến tình thế một thời, liên lạc đến việc biến thiên, việc tiến hóa của muôn đời. Nếu học về một thời ta dùng tranh ảnh, tổ chức cuộc đi thăm di tích, làm sống lại cả thời ấy bằng các công việc, các chế độ của người đời ấy đặt ra, tình cảnh của dân gian. Rồi cứ thế qua một thời khác, một thời khác nữa. Ta sẽ làm cho trẻ hiểu rõ được rằng: tổ tiên dựng nghiệp đã gian nan bao nhiêu, một đoạn tiến bộ phải qua bao nhiêu nông nổi: từ dựng nước trong ngàn tây, mở mang chỗ ruộng triều, bãi bể, trông giữ lấy nền tự do, tổ chức nên có thể thống, đặt ra những phép tắc có nhân đạo, dựng nên một văn hiến đặc biệt của người Nam Việt. Học trò nhỏ này sẽ thấy cái trách nhiệm của chúng trong quyển sử ấy. Lại rõ các lẽ hưng lệ

suy, đòi vì đâu mà loạn, thu xếp làm sao mà trị. Học trò sẽ thấy được ở đó một lẽ tin, và sáng được trí suy xét để rồi có một đời xứng đáng. Cả nước ta nguyên do ở một nhà, quyền sử ta là một quyền gia phả, một truyện hay hơn cả các quyền truyện vì tổ tiên ta đã chủ động trong đó, học trò ta cũng phải sắp sửa để chủ động trong đó.

Dùng chữ địa dư không bằng dùng chữ địa lý. Biết rằng đất ta ở chỗ này, tỉnh ấy ở chỗ nọ, có đường đi từ đây đến đây, dân số có từng ấy, xuất sản bấy nhiêu gạo, mà không rõ được cái lý làm sao nước ta từ đây mà lan rộng đến đây, từ đây lại thu vào đến đây, người ta vì đâu mà tụ họp ở chỗ này, vì có gì phải có đường đi từ phương này ra phương khác, bởi đâu, mà chỗ này dân đông, chỗ kia thưa, gạo sản ra nhiều ít, có gì mà kỹ nghệ kém, có gì mà khoáng sản tụ vào nơi khác, đất ấy sau này thế nào. Hiểu được cái lý ấy quan trọng hơn là thuộc. Cũng như Sử ký mở mắt con trẻ vì thiên văn, địa lý sẽ đưa đến chỗ hiểu địa chất, liên lạc các khoa học để đến hiểu. Bằng học bài Nam kỳ hình thế là một, rồi tuần sau lại học bài Nam kỳ kinh tế là một bài nữa, thì chỉ cố đấm ăn xôi, xếp hai bài, rồi mấy chục bài vào đó thôi, ích gì. Đã không hiểu, rồi đây làm sao được.

Lối mình học khoa học cũng như thế, chỉ để nhớ,

không nghĩ đến để dùng, để tìm thêm. Vậy về cây cỏ ta nên có chỗ giống giọt để xem cây ấy mọc ra làm sao, khai hoa kết quả thế nào; trồng thế nào sẽ tốt hơn, bỏ thế nào mà cần cỗi. Chế chất nọ với chất kia nó hóa ra thế nào, thực hành ngay, nhiều thứ có thể thực hành được; mà tự tay học trò thực hành, thì học trò mới có cái lòng tin rằng chúng cũng làm được, rồi dần dà, chúng cũng làm được việc khác nữa. Học rồi tập nghiệm xét, tìm tòi.

Học tính nữa, cũng đừng để cho chữ “pháp” trong toán pháp nó bó buộc. Hãy do chỗ một vài điều biết đơn giản và làm nhiều cuộc thao luyện trí bằng tính đã. Trí thao ấy là làm tính nhẩm. Không có giấy bút vội. Hãy nhẩm trong óc, chứ không nhẩm trong mồm. Có luyện tính toán quen, thì tập ngay được cái tài giải quyết nhỏ. Xem các cách giải quyết cũ rồi đi được đến các cách giải quyết mới. Giúp cho tìm ra, chớ vội bảo sẵn. Ngày xưa học “số” còn lo cả đến không những tính toán, lại còn thu xếp và lo toan. Phương châm ấy không nên bỏ.

Trí nhớ thật cần, nhưng “phải nhớ” hết thứ nọ đến thứ kia trong cái kho lộn xộn thì khó quá. Cũng nên dùng một cách thể thao trí cho tự sức nhớ dễ. Trong Hướng đạo có một lối chơi, gọi là trò chơi Kim. Nên dùng. Nó thế này:

Trẻ nhỏ ngồi quanh. Ở giữa đặt cái mâm hay cái khay phủ một tấm khăn vuông hay cái lồng bàn kín. Trong mâm đặt độ 10 thứ đồ. Mở lồng bàn cho trẻ nhìn độ một phút, rồi đập lại. Chờ 5 phút để viết ra tên những thứ đã trông thấy. Lần đầu kết quả thất vọng. Nhưng đừng thất vọng. Vì trò chơi mới mẻ, vì cậu nọ cứ nhìn cậu kia, nên mỗi cậu chỉ nhớ được vài thứ. Song thế nào cũng có vài cậu nhớ được nhiều. Thế là ganh nhau cố gắng. Rồi các cậu tìm ra phương pháp làm việc, hoặc chia ra từng khu cho dễ nhớ, hoặc gộp những đồ có dính dáng với nhau vào từng nhóm. Rồi tiến bộ trông thấy. Bấy giờ mới tăng số đồ lên, dần dần đến hai ba chục thứ. Tập trong nhiều ngày, đừng vội. Nếu vội thì các cậu sẽ được kết quả xấu rồi nản. Thể thao tập vài hôm khỏe sao được, tập vội hoặc đuối sức, hoặc chán. Rồi lại có thể đổi hình thể trò chơi nhỏ cho vào một phòng ba phút, ra phải nói là trong đó có gì, để ở đâu. Vẽ trên bảng mấy dấu hiệu, rồi xóa đi, bảo vẽ lại. Nhìn thầy ăn mặc thế nào, thầy đi ra đổi đi vài thứ, xem ai biết được thầy đã đổi những thứ gì. Tha hồ cho thầy đem tài sáng kiến ra mà tìm trò mới, không những trí nhớ của trò sẽ tăng mà thầy cũng thấy cái nghề của thầy vui đáo để.

Học cái gì cũng xem xét kỹ. Đừng bảo “ở chỗ ấy

có cái ấy, nhìn thấy không?”. Hãy bảo “Ở chỗ ấy có cái gì, đồ biết?”. Trò sẽ ngạc nhiên, xét ra được khối thứ.

Lại tập xét đoán quen, mà tự hỏi “tại làm sao, nó lại thế”, “nó thế này, rồi nó sẽ ra sao”. Tập xét đoán cũng có một cách của Hoàng đạo hay lắm. Bảo một bàn ra bãi cát rồi làm một vài việc ví dụ: vật nhau, lăn xuống đất, đi thông thả, chạy... Các anh đi sau phải xem dấu vết rồi đoán ra những việc đã làm.

Học về máy, hãy cho xem những cái đơn sơ trước, rồi phân biệt cách làm ra sức và cách dùng sức, cách chuyển sức quay ra sức thẳng, chuyển sức thẳng làm ra sức quay, đưa ra rút vào... cho hiểu sự ăn nhập cùng nhau của các bộ phận trong máy. Bắt đầu nhìn một cái máy cho đến sáng ra, cho hiểu, biết cách dùng, rồi đến chỗ còn thiếu. Nếu xem một bộ máy mà chỉ biết:Ồ to nhỉ, ồ đẹp nhỉ, thì không ích mấy.

Trên kia đã nói: đem học trò đi chơi, phải có mục đích. Ngay ở tỉnh thành cũng vô số việc đáng xét, để cho học trò tập luyện: xem các công sở, tại làm sao lại đặt ở chỗ nọ; cái chợ cổng ở chỗ ấy có tiện không; vì có gì phố chính lại ở chỗ ấy; xem các kiểu nhà. Buổi sáng xét những vật liệu và hóa vật, đồ ăn, ở các làng đem vào tỉnh; xem thợ các xưởng ra và vào;

xem cách bày biện các cửa hàng, cách thu xếp và máy móc các xưởng thợ,...

Nói đưa đi chơi nhà quê là lũ trò ngoài tỉnh và cả trò nhà quê đã chán rồi. Họ cho rằng nhà quê có cái gì đáng xem. Họ tưởng chỉ họa có phong cảnh nhà quê là còn đáng để ý, thế thôi. Vậy làm sao cho trẻ về quê mà biết nhìn, sao cái mái đình cong như thế lại cho là đẹp, cái cổng này nhố nhăng, giếng xây thế kia tốt, chuồng trâu làm như vậy mất vệ sinh, có thể sửa thế nào. Sao mà trồng ngô, ở chân lại trồng đậu, sao trâu không lại bịt kín,... dẫn nước, khơi sông thế nào...

Thăm di tích lịch sử, chuyện các anh hùng, xem cách tổ chức các làng, các tục lệ hay.

Một cuộc đi chơi nên đủ cả Trí, Cảm và Mỹ dục. Lại có thể thầy trò nhất cổ giúp một bà già, tập tát nước, họa một cảnh, phác một khu ruộng, và thích nhất là chơi một cuộc chơi lớn.

Làm gì cũng phải có phương pháp. Nhìn rõ mục đích rồi tìm đường. Ví dụ làm một bài tính đổ thì chép cho đúng đầu bài. Dùng cái gì để trả lời, đi tìm ngay cái ấy, tìm những cái làm ra cái ấy.

HỌC NÓI

Tài có rồi, nhưng không nói được rõ ràng, gãy gọn, thì ai theo mà làm với mình. Muốn ủy cho ai làm việc gì mà không nói được rõ, thì việc mình hỏng. Vì thế mà xưa có học nói, học thưa gửi. Học cẩn thận tiếng mình, rồi nói rõ ràng. Đừng nghe người ta bảo rằng tiếng mình nghèo. Nghèo về những khu vực mình không dùng đến, nhưng tiếng mình rất đủ để dùng trong các công việc mình. Đừng tưởng nói chữ ngoài nhiều là giỏi, thế chỉ tỏ ra rằng mình lười, không chịu dùng hết tiếng nhà. Lười quen rồi quên hết tiếng, thành ra nói tiếng lai. Thế mà, nếu cố tìm thì lắm khi rất thú vị vì đã tìm được một tiếng thật đúng.

Ở trường, làm cho trẻ dám hỏi, rồi lễ phép mà hỏi. Bảo nói rõ đầu đuôi. Thầy hỏi thì trò phải đứng lên mà thưa, thưa lễ phép và rõ ràng, nói khá to, trừ cái lối nói âm a như đọc sách. Nếu khó nói thì cho nghĩ rồi hãy nói, mà nói rõ. Người nói không rõ thì trước thầy hãy đỡ đầu, nhưng đừng nhắc. Làm cho có lòng tự tin, để khỏi ngập ngừng. Thấy nói kém thì đừng gắt làm cho trò sợ, hãy bỏ mặc không hỏi nữa. Chính những trò ấy cần hỏi hơn. Thầy hỏi trò cuống. Đừng hỏi dồn cho nó loạn óc. Ân cần bảo ngồi xuống. Hỏi kẻ

khác. Một chốc sau, trò trước đã hoàn hồn thì lại hỏi. Sao cho trò nào cũng biết rằng: “Mình cũng nói được đấy”. Có khi thầy mệt, sinh lười, hỏi đùa dễ chịu cho được việc. Làm thế không công.

Những giờ học tiếng nước ngoài thì nhất định nói tiếng nước ngoài, đừng chêm tiếng ta vào. Làm cho trẻ nghĩ thẳng bằng tiếng nước ngoài, không giải dịch. Muốn thế thì hỏi từ chuyện dễ sau hãy đến khó.

Bài học tiếng chúng ta nên xem lại. Học tiếng ta không phải là học chữ nho. Biết kỹ những tiếng thường, chỉ cho rõ thế nào là cái nồi, thế nào là cái niêu, cái nồi mười, cái nồi ba mươi, rồi hãy nói đến cái bình. Cái nồi là vật thường nhật, ai cũng biết, thế mà cũng cần chỉ đúng vào, cho nhận rõ hình dung. Hình đã nhận rõ, thì tiếng nói được ra ngay, không sai nữa. Trước khi làm giàu cho tiếng, là việc phải có, hãy bắt đầu thuộc những tiếng sẵn có đã. Những tiếng dùng trong các kho tiếng như *Quốc sử diễn ca*, như các truyện *Kiều*, *Phan Trần*, *Ngọc Hoa*, *Phương Hoa*, *Lý Công* (nói về các tiếng dùng trong những truyện ấy), nếu chúng ta thử đem ra mà xếp vào từng loại một, đủ làm tài liệu rất phong phú cho bài học tiếng.

Thơ là một lối tả cảnh, hay tình, bằng chữ, có vần. Người ta tả buồn rầu dễ hơn mạnh mẽ, nên thơ có hại nhiều hơn thơ hay. Cho học trò thì nên chọn những

thơ mạnh mẽ, tả những nghĩa cao, đừng để bị lời đẹp đánh bẫy.

Kịch là một phép giáo dục tốt nhưng vì kịch dỏ nhiều nên dễ nói đến, là trẻ nghĩ ngay những truyện xác láo như chế Thổ công, những trò bọm bãi. Nếu dùng đúng phép thì trẻ có thể đóng kịch mà có được những tài mô tả, tài tưởng tượng, chữa được thói nhút nhát, khinh những chuyện bạc ác, lọc lừa. Bảo các em tai quái đóng những vai thật ngay thẳng cũng có ảnh hưởng cho chúng. Chỉ nên ngừa cái lúc chúng thấy vỗ tay mà vì hãnh diện học làm tài tử. Gián hoặc⁽¹⁾ làm, thì hay, nhưng dễ đam mê, coi như việc chính thì hỏng.

Hát là một lối học nói cho mình bạch, óc làm chủ sai khiến họng phải phát lời ra cho đúng âm luật. Trong khi hát, làm sao cho học trò, đừng anh nọ nấp sau anh kia mà hát đún đà. Phát âm ra thật đúng, hát từ đầu bài đến cuối, cho thật hết mới thôi. Nhiều khi 50 anh bắt đầu rồi cuối chỉ còn một anh. Hát thế làm cho lười quen. Cần thuộc và đúng rồi hãy đồng thanh hát.

Trẻ cần hoạt động, hò hét, nếu cầm cho ngồi yên lâu thì sẽ chóng mệt, rồi không tự cầm được nữa, sinh

1. Thịnh thoảng.

ra nghịch ngằm. Nghịch ngằm rồi quen đối đáp. Chi bằng cho hát to, hát cho thỏa thích rồi lại học.

Về trí thì cần cho học trò nhận rõ những thứ đã hiểu biết, cái gì chưa biết thì rõ là chưa biết. Có thế mới tiến được.

Vương Dương Minh:

Trẻ còn nhỏ đừng chấp trách những điều nhỏ, cho chơi, cho hát, cho dễ nên người.

CÔNG

Khi có khách, bảo đi pha nước thì cậu bé lúng túng, đánh đổ, đánh vỡ. Sai viết bức thư cho chú, thì dán hồ be bét. Lúc đi học, những giờ thủ công, coi là cái nợ hay là giờ nghỉ. Học rồi không đi làm việc các sở, mà về làng, là không biết làm việc gì; đi cày không biết, làm thợ không quen: của ấy thì chỉ để vợ nuôi, rồi con nuôi, rồi đến nhà thương chôn cho làm phúc.

Có tìm được một chỗ mà gãi giấy chẳng nữa, thì cũng cần bao nhiêu người, kéo xe cho đi, kéo xe cho về, thổi cơm, giặt áo cho, hầu hạ đủ thứ. Thế mà ai là người ta để ra chỉ để hầu mình cả đời mới được chứ?

Trẻ không tập cho làm, có khi lại không để cho làm, là bắt nó thiệt thòi cả đời đấy.

Vì ba ông đồ “dài lưng tốn vải” mà vin vào đấy, ai cũng muốn làm nghề văn tự.

Có người lại còn bảo phải làm lụng là cái “nghiep”

của con người ta. Thế là coi công việc là cái “tội” rồi, làm thế còn thú gì.

Nếu đặt cho “thủ công” một cái mục đích “Yêu” thì tự khắc nó đẹp bao nhiêu. Làm để đỡ cha mẹ, làm để nuôi vợ con, làm để giúp nước, giúp xã hội. Tự khắc thủ công lên một bậc hay, một đức.

Làm bằng óc rồi cũng phải làm bằng tay thì thần kinh mới thăng bằng. Trong phép chữa bệnh điên, người ta có dùng thủ công để cho thần kinh thăng bằng đấy. Những nhà đại trí thức vẫn thích có một nghề làm bằng tay, để lúc nghỉ ngơi thời làm.

Quen chân quen tay, thì trước hết không phải nhờ người. Mình bớt được một người đầy tớ, ấy là nước thêm được một người làm việc. Trẻ con tập thủ công quen sẽ đỡ lúng túng, lẩy bẩy, làm việc kỹ càng, không cầu thả, sau này tiện về việc chọn nghề. Lạ một cái là trăm việc trong thiên hạ, cái gì cũng phải tay nhúng vào, mà sao các chương trình học lại quên món đó hay là dành cho mỗi tuần có nửa giờ hay một giờ là cùng.

Có một giờ, mà học thế nào. Thầy giáo đã không được ai luyện cho thủ công, mà cũng ít tự luyện, đến giờ học thì bảo rằng: “Hôm nay các anh đan cái rổ”. Học trò tuy cũng đoán ra thế nào cũng cái rổ hay cái rá, thế mà nghe thấy phải choáng tai. Phần nhiều

không có tre sẵn thì ngồi ỳ ra đó, hay là lúi húi vẽ hay làm tính. Mấy anh có tre thì lo lắng mà tự hỏi rằng: “Làm sao thanh tre này mà hóa ra cái rổ được”. Rồi chẻ tre lạch cạch, không dám làm rằm quá sợ phiền lớp bên cạnh. Thầy cũng đi lại lắng xẵng để xem hơn là để dạy bảo, vì chúng nó mà hỏi làm thế nào, tất thầy cũng khó chịu. Thế là từng nhóm đi pha thanh tre, làm năm làm bảy, nhưng lẹo đến quá nửa. Được mấy cái nan cũng đem đan, nhưng trông cho nó thành cái rổ thì xa xa quá. Thầy nóng ruột trông cho giờ ấy hết, trò hì hục mãi cũng chán. Tiếng trống tan học nổi lên, ai nấy thở dài như cất được gánh nặng. Cái bài quái ấy, thế là xong.

Đến tuần sau, chấm! Phần nhiều đem những rổ không thành hình, mà có lẽ không bao giờ thành hình nữa. Mấy cậu láu lĩnh nhờ cha hay thầy bếp làm hộ. Gián hoặc một cậu làm cố được cái rổ đẹp thì... thầy bảo cho vào học cụ khổ!⁽¹⁾

Kết quả chán bết. Phần đưa tổ chưa xong, rồi không làm được cái gì xong cả, thế là quen thói bỏ dở. Phần mượn làm thì quen nói dối, giả dạng. Còn làm được để cho bỏ vào học cụ khổ thì lần sau khó mà cố

1. Tủ đựng đồ dùng để dạy học.

nữa. Thế mà người lạ tới thăm lớp xem học cụ khổ, ai cũng phải tấm tắc khen là học trò dạy giỏi thủ công, cho đem đi đấu xảo, trong khi thầy giáo khó nói thế nào, cứ bực mình.

Hôm khác thầy bảo nặn cái hình lục lăng bằng đất. Nó đi lấy đất sét về nhào, nặn đi nặn lại, bôi hết bực của đến bờ hè, em nó trượt ngã, bà mẹ phải phát bần.

Thôi cắt chữ và gập con chim vậy. Khi bà mẹ hiền thấy giấy bìa đắt tiền, mà cắt phao cắt phí, bà nhịn làm sao được.

Thế là cả trường học cùng gia đình đều ghét thủ công cả. Mà thủ công thì ai cũng hiểu là cần, cần lắm.

Vậy làm thế nào bây giờ. Hãy tùy sức trẻ con mà thầy cùng trò cùng làm. Thầy không thạo gì nghề ấy, làm thử, thấy hỏng chỗ nào là biết trẻ sẽ ít ra cùng khó khăn ở chỗ ấy. Rồi như trên đã nói, đặt vào một tác phẩm một mục đích “yêu”, để làm linh hồn cho công việc. Ba hôm trước bài thủ công, bảo học trò dự sẵn vật liệu. Nhà quê thì ra bờ tre dẫn một đoạn gốc tre thưa, ở tỉnh thì hỏi hàng tằm. Nhưng trước đây sẽ có một bài mài dao đã. Mài sao cho sắc, mài một chiều, rồi đổi chiều, rồi liếc, đưa đưa đi rồi lại kéo lại. Dao ai sắc nào? Bài sau đưa dao và tre đến.

“Hôm nay, nhũn nhận ta hãy vót tằm”. Học trò vô phép bấu môi. Thủ công gì lại vót tằm. Thầy tiếp

ngay bằng một câu chuyện “Các anh vót lấy hai chục tấm nhỏ, phơi khô, lấy chỉ xanh đỏ buộc lại, rồi... đem cất một chỗ!... Đợi hôm nào, nhà có giỗ, bà mẹ hiền đi chợ, bà bận quá, bà về nhà, phân nần rằng quên tắm; lúc ấy ta đưa ra: ‘Thưa mẹ tắm đây ạ, con đã vót sẵn’. Hay là: thế nào cũng có hôm nhà hết tắm. Tắm là vật mọn, nhưng hết, là cả nhà bực bội. Lúc ấy ta kiếm cái đĩa, để bó tắm lên, đưa ra. Thấy một chiếc, mẹ một chiếc, các anh, các chị, xem cả nhà có phải thích thủ công không”. Thấy nói dứt lời, học trò vội vớ lấy tre chục chẻ. Nhưng khoan đã, hãy cạo tinh tre đã, cạo khéo khỏi quần dao, cạo sạch mà không mất cật. Rồi pha, pha thế này cho nó không lẹo. Rồi vót. Lúc vót nghĩ đến lợi non của em bé, răng lung lay của bà, mà vót vừa mềm. Vót thật đẹp, mới thích. Bây giờ cất cho đều. Nghe đây này, thì chỉ thích tắm 11 phân 5 ly. Sao lại kỳ quái vậy: để cho trẻ làm cái gì cũng đúng phân tấc cho quen. Xem nào hôm nay thủ công có thích không. Mỗi trò bỏ một bộ tắm vào túi, hí hửng ra về, để cho kịp làm cho cha mẹ vui lòng.

Lần sau, làm hai đôi đĩa tre, để bà mẹ rán cá vì rán bằng đĩa sơn phí quá. “Con mẹ cẩn thận nhĩ”.

Sau nữa làm thẳng người bằng tre, đem về cho em chơi. Rồi làm một tá đĩa tre, để đến Tết ăn mứt.

Bàn chải răng đất, làm cái tắm bằng ngón tay cái,

đập giập đầu rồi nói với cha: “Tù rày con không mua bàn chải nữa, đỡ tốn”.

Rồi học lau cửa kính, lau lót và bày bàn thờ đồ thầy, trang hoàng lớp và buổi học.

Từ ngày theo cái chương trình thiết thực này, hạnh phúc gia đình tăng lên, ai cũng vui vẻ mà tấm tắc: “Thủ công hay thật!”

Lúc ấy lại tiến thêm một bậc nữa. Mua dây thép, làm cái gác xà phòng, làm gấp chĩa.

Nghĩ cả việc nhà, học quét nhà, làm com, đánh phèn, lọc nước.

Lại lên một bậc nữa: làm chiếc tàu bay kiểu nhỏ, cho bay được.

Mỗi học trò sẽ có một hộp đồ dùng, con dao, cái kim,... và không ngờ rằng mình đã làm được thế.

Bí quyết là: yêu, tuân tự, cố gắng.

Thủ công có ích về giáo dục vô cùng, ngoài những đồ làm ra. Thủ công là một dịp tập phương pháp làm việc:

Muốn làm một thứ gì phải tưởng tượng ra, vẽ kiểu, lo vật liệu sẵn: quen sáng kiến.

Thứ hai là sắp các đồ dùng, mài đánh cẩn thận, để gần mình cho khỏi mỗi lúc đi lấy: học quen dự bị.

Thứ ba là bắt tay vào làm, làm mãi miết cho đến xong không bỏ dở: quen bền gan.

Thứ tư là làm cho thật đúng kiểu, đúng từng phân, từng ly: học đúng, cái thiếu của nhiều thợ ta.

Thứ năm là hỏng, thì bắt đầu làm lại ngay, không nản gì cả: học lập chí.

Thứ sáu là làm xong, thật tốt, thật đẹp, rồi ngắm nghía, để ngắm cái công trình thật đẹp, hưởng cái thú thành công.

Thứ bảy là xem ai cần nhất cái vật mình làm, thì đem biếu: tập tính vị tha.

Thật ít bài học có tính cách giáo dục đủ đến thế.

Phương ngôn:

“Ra tay gạo xay ra cám”

PHẦN THẦY

Ông giáo đã thấy rằng mình đủ lòng yêu trẻ, mình đủ lòng tin ở vận mệnh nước mình, ở xã hội này có thể thái bình và tốt đẹp được, thì cả quyết rằng việc giáo dục thanh niên là việc mình, là cả đời mình. Mình có cái thú là sống ở đó, mình làm trọn được bốn phận người dân với nước Tổ là ở đó. Cái nghề ấy nếu mình cố làm cho đầy đủ, mình gắng làm cho có ích hơn lên, sẽ đủ làm cái vinh hiển trong đời mình.

Cần phải có lòng tin thế đã, mà đặt công việc giáo dục của mình lên trên cả các hoạt động khác, thế là đỡ được cái nổi băn khoăn mà mỗi ngày lại phải tự hỏi: hay mình làm việc này, hay mình làm việc kia, làm nghề nọ có lẽ được nhiều tiền hơn, nhẹ nhàng hơn. Nếu cứ có những sự luôn luôn tự hỏi thế thì chí ở nghề của mình sẽ yếu đi, mình sẽ nản dần, mà rồi đến chỗ việc chính của mình hỏng, các việc khác cũng không thành, mà rồi cả đời cố đắm ăn xôi, đến lúc từ già mà

đi lần cuối cùng, không có cái yêu ỏi và tự hào rằng mình đã làm cho đời mình trọn cái mục đích của nó rồi, không còn ân hận gì nữa.

Chí hướng của đời đã định rồi, thế là ta cứ yên tâm mà theo đuổi công cuộc. Ta thu xếp ngay công việc của ta? Mỗi ngày ta phải có mặt ở trường độ 5 giờ rưỡi, mà mỗi ngày có thể có 17 giờ. Kể ra thì không có nghề nào mà lại để cho người làm được đến 11 giờ rưỡi tự do, tùy ý mình làm như thế. Nếu ta không tổ chức hẳn hoi thì trong ngày sẽ có nhiều quãng trống rỗng, làm cho chí mình vơ vẩn, không sống được cả ngày, mà thiệt thòi cho mình.

Dậy sớm là một thói quen cần có, nó làm cho người mạnh khỏe, nhẹ nhàng. Sau khi đã xem qua nhà cửa, thầy đi bộ ra trường, một cách thể thao cho thân thể hoạt bát. Đến trường, đứng trên bục, nhìn các bàn, chỗ mà vài giờ nữa bọn thanh niên của làng nước sẽ tề tựu, để hỏi mình xem đời họ sau này ra sao. Trong tâm đầy hy vọng, thầy định xem hôm nay sẽ làm những việc gì, để trả lời cho câu hỏi của con trẻ ấy.

Thầy bắt đầu soạn bài học, việc soạn bài mỗi buổi sáng, nhà sư phạm đã cho như là “kinh cầu nguyện, mỗi sớm của thầy, để cho thế gian này có một đời tốt đẹp hơn”. Soạn bài ở cái không khí trong lớp học,

không phải có tính cách một việc chức trách thường. Khi soạn, thầy nghĩ đến trò này, đến trò kia, mà thu xếp làm sao cho mỗi trò, mỗi trò được hưởng một phần ý nghĩa của thầy. Làm sao cho hạng học trò sáng được tiến lên nữa, làm sao cho bọn tối trí kia cũng được dự vào. Lúc giảng bài, có lẽ vì trò này mà câu hỏi phải xoay ra thế này, vì trò kia trả lời mà phải chữa thế kia. Làm thế nào cho ai nấy cũng dự một phần hoạt động vào công việc.

Đến giờ bài học trò ra chấm, chấm lúc nào tốt lắm, xem những chỗ hỏng, để chốc nữa còn nhớ mà chỉ cho học trò, để chúng tự chữa lấy. Lần trước, mình đã để họ nghĩ đến chỗ này, lần này phải đưa trí suy xét của chúng đến chỗ nào.

Ngoài sân trẻ đã đến. Chúng đến một loạt, độ chừng 5 phút là đủ mặt, vì thầy đã làm cho chúng có thói quen không đến trễ, không phí thời giờ. Trò đến, thấy thầy đã ngồi đấy tự bao giờ, biết rằng đã vì mình lo lắng từ sớm, cho nên không ồn ào đến nổi phá tan cái yên lặng của lúc bình minh.

Thầy bước ra, lũ trẻ kính cẩn nhưng vui vẻ chào, chào ra chào, chớ không kéo dài câu chào như chào lấy lệ. Thầy trò cùng cởi áo đi tập. Xong rồi những vại nước đánh phèn từ hôm qua sẵn đấy, cùng ra lau rửa. Thích nhất là thầy cầm cái thùng tưới mà đứng trên

cái ghế, tưới cho cả một lượt, chẳng kém gì tắm nước phun ở trong những trường có sẵn đồ dùng.

Lau mặt, chải đầu rồi chuyện trò một lát.

Trống học nổi hiệu. Hồi trống nên đánh thật đúng giờ để cho trong làng ít đồng hồ, nhờ đó mà biết giờ giấc làm ăn. Để cho người làng nói: “Tám giờ rồi chả thấy trống trường đánh là gì?” hơn là để họ bảo: “Trống trường đánh rồi đấy, chả biết tám giờ mấy rồi”.

Học một lúc mới, tiếng hát vui vẻ cất lên, rồi lại hăng hái học.

Đến giờ chơi, sắp ra chơi thật, nhưng chưa ra chơi, thì vẫn phải giữ trật tự, đi đứng ngay ngắn, ra sân mà chơi. Đứng để cho vọt một trò ra, ầm ầm một bọn tủa ra. Trật tự lúc ra vào, các trưởng bàn cứ êm đềm làm lấy. Thầy không phải hò hét, đỡ mệt, để hơi thầy dạy học.

Ra sân, thầy đi lại, không phải để canh, mà để cùng vui với học trò, bày cho chúng các trò chơi, vì cũng như học trò, thầy cần giải trí.

Đến giờ về, từng một cái là lớp ồn ào! Tập cho học trò quen thu xếp sách vở cẩn thận, nghe lời thầy dặn về bài buổi sau, rồi yên lặng trật tự ra về. Thầy đi trước, trò đi sau, mà không nghịch trộm, không nói tục. Cảnh tượng đẹp thay, lúc thầy trò vui vẻ cùng về. Mỗi ngõ dăm anh chào thầy rồi rẽ vào. Mấy anh đã tự

ý cấp cặp cho thầy, hay mang sách đỡ thầy đến nhà, cho đó là một vinh hạnh.

Ở trường đã không phải hò hét, đã làm một công việc vui thích, thầy đem về nhà một bộ mặt không uể oải. Cô ở dưới bếp nhìn lên, tươi tỉnh. Các con thầy tranh nhau cất nón, cất ô. Giờ này thầy để dành cho gia đình. Bữa cơm đến, đừng đem chuyện trường ra nói, nhất là khi cô giáo cũng là người đồng sự, thì lại càng kỵ việc bàn sư phạm trong bữa cơm.

Cơm xong, hỏi han con một lúc rồi nghỉ.

Buổi chiều cũng thế. Tối, các con nghỉ sớm, rồi thầy đọc sách trong khi cô khâu. Lúc vợ con còn sum họp, chả nên bày bài ra chữa. Làm thế thì trẻ đùa không thích vì bố ngồi lì một bàn, chữa bài không yên vì trẻ làm rầm rĩ.

Đầu năm thầy đồ nên có một cái chương trình công việc cả năm.

Học trò ở mực này, ta định dắt đến mực nào. Có những thói này nên trừ, tập cho nét tốt này mới. Những chuyện thất bại năm ngoái, năm nay đổi thế trận ra làm sao. Lo mua giấy bút cho học trò cách nào đỡ tốn. Định đưa học trò đi xem những chỗ nào trong ngày nghỉ. Vườn học của trường làm thế nào cho hoa màu khá hơn. Trồng những cây gì mới.

Cô giáo thường hay lo, thấy ăn tiêu có bề eo hẹp,

cô chỉ những muốn buôn bán thêm. Việc này nên cẩn thận. Vương đến chuyện lợi thì sinh lắm điều xích mích. Buôn thóc hay ngô đỗ; mua vào, vì nhiều người, người ta nể mà phải chịu thiệt thòi; bán ra, kẻ giả lại có người chịu, đòi hỏi sinh tăm tiếng; trông nom việc nhà cho các con được nhờ.

Làm nghề thầy, chỗ nào có học trò là thầy đến. Ở tỉnh thầy cũng dạy, ở nhà quê thầy cũng dạy. Ở tỉnh cũng nhiều nỗi thiệt thòi. Ăn tiêu tốn, nhà cửa đắt; phần nhiều, sau ba mươi năm, vẫn phải thuê mượn chỗ ở chật chội, con cái yếu đuối. Kể ra thì cũng lợi được cái gần những chỗ hoạt động về trí thức. Ở nhà quê mà dành dụm thì không mấy người mà không có cơ nghiệp. Nhà cửa rộng rãi, con cái khỏe mạnh. Nhưng hoạt động về trí thức, vì xa một ít nên nhìn rõ chân tướng. Chỉ một nỗi con cái lớn, phải đi học xa, là nỗi phải tính toán.

Thầy giáo tỉnh, đến ngày nghỉ hay về quê cho rộng rãi, là một việc cần. Nhưng thầy giáo quê mà cứ mỗi ngày nghỉ là phải bò ra tỉnh, thì vừa tốn kém tiền và thời giờ. Nếu dành được ít tiền mà cứ ra tỉnh luôn, mỗi cái mỗi mua, thì còn gì nữa. Được cái lợi sống một cách đơn sơ, còn tội gì dùng những thứ phí tiền vô ích. Nếu ngày nghỉ nào cũng ra tỉnh thì quen coi tỉnh là cần, mà coi chỗ làng là tạm bợ. Hai chỗ cùng không có

gốc rễ cả, thì đời mình còn vững vàng gì.

Đời vật chất ở quê cũng chẳng khó khăn gì. Chuồng gà vườn rau đủ thứ, cũng làm cho sống đủ. Mỗi khi phải ra tỉnh mua rượu, mua cà phê, buộc đầy xe đạp mà về, làm cho mình hư là một, hai nữa người làng sẽ cho mình là sống một lối đặc biệt. Người nghèo dòm nom, kẻ giàu học hỏi, cả hai cùng hại cả.

Tổ tôm là cái bả cho người nhiều thời giờ. Đã mắc vào, là hết thời giờ. Tệ nhất là tổ tôm làm cho mình tưởng là bận, là mình thi thố tài năng để cho cao, rồi quên các việc khác đi.

Rượu và thuốc phiện thì chả cần phải nói. Thầy đã ghét những thứ đó như thuốc độc rồi.

Tiền lương thu về, chỗ nào để dành nên đóng họ đi. Ngoài một món dự bị thì chỉ giữ cho vừa đủ thôi. Tiêu pha nên kín đáo. Ở làng mấy người được tháng tháng có tiền như thầy, kẻ kém cỏi hay ghen ghét. Đối với người cùng cực thì nên bớt ra mà đỡ dần. Việc vay mượn hay xui nên nhiều chuyện khó khăn quá.

Ngày nghỉ, ở nhà sửa sang chỗ ở cho thật vệ sinh, cho đẹp mắt. Trồng cái vườn cho kỹ: đó là một chỗ học tập, một cách truyền bá về canh nông rất tốt. Thầy ở tỉnh về, mà ra đồng khuyên người nọ, dạy người

kia, thì khó tránh khỏi họ mỉm cười. Nhưng cái vườn của thầy đẹp, dứa vườn thầy to, thì rồi ai cũng hỏi xin giống, ai cũng bắt chước, chẳng phải bảo.

Đồ ăn mặc của thầy cũng đơn sơ như áo người làng, nhưng hơn ở chỗ rất sạch sẽ lành lặn. Nhà của thầy cũng mái lá, tường đất, nhưng điểm đặc.⁽¹⁾

Ngoài tỉnh nếu có cuộc trưng bày, lễ kỷ niệm có ý nghĩa, vài tháng một lần, thầy cũng ra, nhân tiện mua ít sách hay. Ai mượn thầy mua hạt giống, thuốc thang, là thầy giúp cả. Nghỉ vài ba hôm, một mình hay cùng vài bạn đồng sự đi thăm những nơi thắng cảnh, hay di tích của lịch sử, xem sơn thủy và nhân dân một vùng cho biết rộng ra. Nhà thầy thanh bạch, lấy gì đi nghỉ mát trong vụ hè; nhưng có thể trao đổi thư từ với một bạn đồng sự ở xa, bể hay núi, để trao đổi chỗ ở và đồ dùng trong một vài tháng. Đồng sự ở tỉnh có người cần về quê để tỉnh dưỡng, ta cho mượn nhà, đồ ăn, thức đựng, đủ cả, rồi ta cùng vợ con ra ở nhà đồng sự ở tỉnh, không phải để đi nếm cao lầu hay xem chớp bóng, nhưng để cho con biết tỉnh là thế, cho mình theo đuổi một việc học tập hay khảo xét về tu nghiệp, hay về một vấn đề gì. Dùng mười hôm hay

1. Duyên dáng.

vài mươi ngày, mà đeo túi, cắp gậy đi xem xét một tỉnh xa; cũng là một cách nghỉ hè rất lý thú. Về quê nhà một tháng cho vợ con biết gốc rễ, họ hàng, hay lắm.

Có khi nghề nghiệp mình bó buộc mình, làm thành ra một người đặc biệt quá. Ta cũng nên ra ngoài một ít. Cùng mấy anh em mua một tờ báo thời sự, vài tờ tạp chí. Giải trí, có thể làm văn thơ, khảo về lịch sử hay về nhân sinh địa dư ở vùng mình để dư một phần về công việc học thức chung.

Thầy có thể để tâm vào một công cuộc xã hội, chỗ nông nghèo, hoặc gửi học trò đi, hoặc mượn người lại dạy cho dân một nghề để làm lúc tháng Ba ngày tám⁽¹⁾ cho thêm chi dụng. Thầy có thể để ý đến vấn đề trồng các cây làm thuốc, nhận việc làm khán hộ, chữa chạy cho các người gặp tai nạn. Muốn thêm lợi cho đồng ruộng, thấy cái đồi lốc, bãi cỏ hoang, thầy cùng học trò thử trồng những cây có quả. Trồng một nghìn cây xoan ở hai bên đường làng, trong mười năm làng sẽ được vài vạn bạc. Trồng một trăm nhãn ở vườn đình, sau làng sẽ có lợi tức một năm vài ngàn, mà một

1. Thời kỳ giáp hạt, nông nhàn. “Tháng Ba ngày tám rỗi rảnh, Làm sao đủ gạo mùa màng khôi lo” (ca dao).

phần có thể giúp vào trường học; làm học bổng cho trẻ thông minh ra tỉnh. Tìm chỗ cho trò lớn học nghề. Ruộng chiêm, thầy thử gậy cá, bụi mây thầy cho học đan. Thầy thư từ với bạn các nơi, để luân chuyển sách đọc và để xin các giống tốt cho làng mình. Nào giống gà Hồ, nào chè Phú Thọ, dưa Quang, cà Chuột... Thầy thật có thể làm phúc tinh cho một vùng. Nhiều nhà giáo cải tạo được cả nhân tâm một vùng, lại cải tạo được cả lý tài vùng ấy nữa.

Người ta yêu thầy, rồi kính thầy.

Một việc giao thiệp là việc bận lòng cho thầy lắm. Nhưng có một cách là: thầy làm cật lực. Ai có con cũng mong cho con khá. Con người ta khá, là các việc giao thiệp dễ dàng hết.

Tuy vậy, chúng ta muốn một cái kết quả tốt hơn, thì phải hai bên “sư” và “chủ” thật là thỏa thuận với nhau, để cùng nhau chung sức và dạy con.

Phải biết, dân quê ta có, rất mạnh liêm sỉ. Dù phải bước khó khăn mà phải uốn thân lươn, nhưng vẫn biết tự trọng. Trên cánh đồng họ cày, ở trong xóm họ ở, họ đã gây dựng nên làng mạc, họ hiểu thế nào là “chủ nhân” lắm; chả thể dám nói: “phép vua thua lệ làng”. Cái tính tự trọng ấy, ta nên nể nang để cho cha mẹ học trò ta giữ được phẩm cách.

Nói thật ra, thì thầy đồ mà là người thôn ổ như

họ, thì còn khó gì. Nhưng thầy giáo mới về là người kẻ chợ, lại không bao giờ muốn quên mình là người kẻ chợ, thầy mặc đã khác, ăn lại khó khăn. Thầy thấy người ta ăn ở, nếu mà ra ý ghê, là khó khăn lắm. Vừa về làng đã xông xáo xóm nọ xóm kia, vác cái xuy-đông đi xua chim, hay gặp lũ con gái lấy lạ ra nhìn lại không giữ được ngay ngắn, là lỗi thôi đấy. Họ thấy thầy cư xử lạ lùng cứ tưởng rằng học mới không trọng ở lễ nghĩa nữa, nên cho con đi học thầy giáo ăn lương nhà nước, họ không cần trọng mấy.

Thầy thấy họ gọi mình bằng “thầy”, không gọi bằng “ông”, không hiểu rằng chữ “thầy” dùng với mình là đúng, lại ra vẻ không bằng lòng. Cứ mỗi điều mỗi xích mích mãi, rồi sinh ra giận nhau, có khi đến thù nhau mà ra chuyện lớn. Đã thù hằn nhau, thì vì giận mà ít nghĩ xa, một lời nói đi nói lại, hóa ra sai lạc, không thể nào chịu được nữa. Người làng thấy thầy bề ngoài phong lưu sang trọng, lại càng tức thêm, nghĩ lầm rằng: “Thế này ra anh còn làm, anh ngay ăn” lại càng muốn gây chuyện cho bõ ghét.

Chúng ta học hơn, tất nhiên “biết nghĩ” phải là phần chúng ta. Một lời nói cũng không thiệt gì đến phẩm giá chúng ta. Các cụ trong làng tuy không to lắm, nhưng là rường cột của một làng. Chuyện thôn ố, họ là to thật, chúng ta nên nể nang. Nể nang mà mình

vẫn trọng mình, thì vẫn không phải là sợ. Chúng ta gặp các ông già, không bả lả, nhưng hỏi thăm một câu về mùa năm nay, hoặc hỏi cụ có mấy cháu. Các ông được hỏi thế, thường là cảm động lắm mà cho là thầy giáo ân cần với dân làng.

Ân cần là phải, song cũng không nên vô vập quá, đi lại xông xáo các nhà. Ở thôn quê lắm chuyện, nhiều bè đảng; thân quá với người này, tự nhiên là thù nghịch với người kia. Các việc kiện cáo, không nên nhớ rằng mình biết luật, mà nói ra ai phải ai trái. Họ sẽ vin vào lời mình mà đi làm phách, gây oán ra cho mình. Nếu người ta có hỏi, thì không nên phân biệt sành sỏi lắm, chỉ nói "Các cụ ạ, trong làng mạc, dĩ hòa vi quý". Nếu mà bùi tai đúng tay vào, thảo hộ lá đơn, là tự buộc mình vào vòng khó chịu rồi; mà các quan chức sở tại, nhận được cái đơn văn vẽ, sẽ để ý đến mình đó.

Làng vào đám, ta sửa cái lễ, ra lễ đình, tỏ lòng thành kính vị phúc thần của hương thôn. Lễ xong về. Làng có giỗ, cũng khiêm tốn mà cáo. Nếu nể mà ngồi lại, là sinh ra lúng túng. Trong làng có thứ bậc, chiếu nào cũng có ngôi cả, mình ngồi vào đâu. Ngồi chỗ nào cũng không tiện. Muốn tránh bị mời mọc lôi kéo thì đến lễ vào lúc các việc tế tự và yến tiệc xong rồi, hay vào lúc tế rồi mà hôm sau mới có chén.

Trong làng, đi học có con ông thủ chỉ,⁽¹⁾ mà có cả con người phu trạm. Làm sao cho không ai bị tủi, mới là hay.

Nhà nào thầy cũng quen biết, cũng thăm hỏi, lúc hoãn cấp, thầy nhanh chân lại giúp, thế thì ai cũng vì nể.

Nhưng đến việc chè chén, thì nên khéo từ. Từ rằng không biết uống rượu, uống rượu đỏ mặt, hay nói càn, để cho người ra để mình từ mà không giận. Nếu đến, thì trong đám rượu có người nói có ý, hay không ý, dễ làm cho bực mình.

Thầy đừng có ra điều ta sành bài bạc. Đã nói biết đánh tổ tôm là bị mời. Đi đánh thì hồng bát, mà không đi thì họ bảo khoanh; mình đã bảo là biết đánh cơ mà. Chi bằng cứ thụt thụt là không biết đánh. Họ tùm tùm một tí cho là thầy giáo không biết chơi. Cười thế không sao, lại tiện cho việc làm gương cho học trò mình, mà đỡ bị mời thì càng nhiều lúc rảnh.

Trông nom đến vệ sinh, hay phép lịch sự, ở nhà quê, là thầy có lòng tốt. Nhưng những người lớn, bảo làm sao được, trí não già rồi, nói vô ích, họ lại bảo là

1. Người đứng đầu ngôi thứ trong làng thời xưa, thường được cử làm chủ các cuộc tế lễ, hương ẩm.

làm bộ. Chỉ còn mỗi một cách là mình giữ gìn mình cho đúng. Họ thấy, cho làm phải, thì họ theo được. Theo được vì chính họ đã cho làm phải rồi đã.

Cái nghề ở làng, thì ít người ca tụng cái quan chức cao xa. Mình thấy nói gì cứ làm tai mà nghe, không nên dựa vào. Các quan cai trị được dân, là ở cái oai quyền của phẩm chức. Ta mới đến, vào chào cho phải lễ. Quan tử tế ân cần, thì lâu lâu ta lại thăm. Quan ít ân cần, thì mình đã giữ lễ đủ rồi, không ai trách gì được nữa. Chẳng nên bình phẩm công việc của các ngài để khó khăn cho công việc mình. Quan tử tế, thì lúc có công chúng, mình cũng đứng ra vẻ nhón nhỡ, làm giảm oai quyền của quan. Kính cái chức vị của triều đình, thế là giữ lễ, không phải là sợ. Vả lại phẩm giá một người không phải ở chức tước, quan cai trị dân, mình dạy học trò, danh vọng không cần phải so sánh. Mình dạy học trò cho biết lễ, thì mình giữ lễ, là phải; mà vì đó công việc về chức nghiệp của mình cũng dễ dàng.

Dạy học một mình một trường, thì lắm lớp, bận nhiều, nhưng việc giao thiệp với các bạn đồng sự hóa đơn giản. Cùng dạy với một hay nhiều người thì việc giao thiệp thành ra quan hệ, có thể làm cho mình bận rộn, khó chịu luôn, mà hại cả công việc, hại cả cái bình tĩnh của mình.

Mình làm trưởng giáo, người ta quen gọi là ông Đốc.⁽¹⁾ Người ta gọi thì mặc kệ người ta, mình cứ nhũn nhặn, kéo ông Đốc thực thụ có thể không bằng lòng. Muốn cho anh em làm việc thì mình hãy hết sức đã, anh em sẽ theo. Ngoài việc công thì lấy tình chân thật, thân mật mà khu xử, khéo không bà Đốc và các bà giáo hay bắt hòa về chỗ hư danh. Ông làm lâu, ông gọi là ông Đốc thì cũng được, nhưng bà hơn gì chúng tôi mà bà làm phách. Ấy có bà sẽ nghĩ thế. Phải khéo và nhất là phải thực, chuyện đâu bỏ đó. Anh em có bàn đến khoa sư phạm thì đừng hăng ở giọng nói. Lý nào cũng có thể chống chế một cách hùng dũng được. Bàn thì cứ điềm đậm; nhưng khúc chiết thì có thể dễ đưa đến chỗ phải đến. Khó là đối với ông đồng sự mới vào nghề. Ông đầy những điều sở học, ông có cái tính chưa thuần, đừng để đến phải cãi lý hay dùng quyền với ông. Hôm nghỉ đủ anh em cùng du lịch hay cùng làm một việc.

Ông giáo nhì sành về đá bóng để ông tổng quản thể thao của anh em. Ông giáo ba biết chữ nho, nhờ ông cắt nghĩa những câu đối đền chùa mà bọn mình xem. Như thế ai cũng thấy mình được người ta biết

1. Ông hiệu trưởng.

đến chỗ hay, trao cho một trách nhiệm, ai nấy cũng sẽ thích và sẽ cố gắng.

Mình làm dưới quyền người ta cũng khó. Cứ tưởng là chịu ép một bề thì yên, nhưng không, thế thì sẽ bị chìm mãi đến chỗ mình quên mình. Chống chọi lại khó hơn nữa. Nhưng lúc đầu cứ khoan khoan đã. Vị tất đã phải chống chọi. Có nhiều ông trưởng giáo khá lắm. Có nhiều ông nữa xưa cũng khá, nhưng đã gủ đi ít nhiều. Mình cần cho ông ta biết rằng mình chỉ cần ở sự xét nét của học trò thôi, nhưng tỏ ra một cách kín đáo, không có thì ông sẽ xếp mình vào hạng vắng mạng. Ông lười mà mình chăm, thì chăm một cách kín đáo. Kỵ nhất là ra mặt chăm lúc quan Huấn đến. Cái ấy sẽ lòi thôi lắm. Lại cần tỏ cho ông biết là mình không hư hỏng, lười lĩnh để ông ấy đừng hiểu nhầm: vì việc nhà xin nghỉ ba hôm. Hai hôm xong, dù còn hôm nữa, cũng cứ “tự nhiên” đi làm như thường; gián hoặc có lúc đi chậm. Vào đến lớp, xem chậm mấy phút, viết ngay giấy lên trình ông trưởng giáo. Như thế tránh được cái chuyện người ta phải tha thứ mình, rồi người ta nhân đó mà xược với mình. Việc gì không rõ, hỏi ông Đốc, ông sẽ thích lắm và sẽ chỉ cho tường tận. Kính không nhờn, nể mà không sợ; làm hết bốn phận, không phải xu phụ.

Cao xa cách mình là các học quan. Các ngài được

nhà nước xét xem đủ tài cán mà cất lên bậc quan, nhưng các ngài cũng đã là các ông thầy cả. Các ngài đã rõ những nỗi khó khăn của nghề nhà, tất xét được rõ. Đối với các ngài ta cứ giữ lễ, coi như bậc đồng sự có tuổi, hỏi han những điều khó khăn. Nếu các ngài trách cứ điều gì mà mình cho là sai thì mình nên có cái lượng hiểu người, hiểu rằng nhìn rõ được mọi nỗi là khó lắm, đừng giận dữ, đợi cho nói xong sẽ từ chối mà giải bày. Các ngài sẽ hiểu rõ mà rồi câu chuyện không có gì. Nhiều khi chỉ tại hai bên cùng nóng rồi lúc ai về nhà nấy, mỗi người đều thấy hối và nhìn ra thì thấy câu chuyện lúc đầu không khó gì cả, chỉ vì nóng nói to ra, rồi bây giờ không biết làm thế nào; tất lại dùng oai quyền mà xử trí. Đã dùng đến oai quyền thế là thôi, hai bên suốt đời sẽ xa nhau, hiềm nhau, để tai hại cho học trò. Quan trên ôn tồn, chu tất, thì mình kính và mến, hỏi han; quan không thấu cái tình cảnh nhà giáo thì mình cũng kính như mình kính quan cai trị vậy.

Mấy việc trên này tuy khó nhưng chưa khó bằng giao thiệp với các bạn đồng sự lười. Chăm mà ra dáng thì họ ghen. Chăm mà tỏ ý không mong danh vọng thì họ chê là gàn. Chăm mà để họ phải bận, thì họ cho là hiếu sự, đáng ghét oán. Ta phải chăm vẫn kín đáo, nhũn nhặn, hỏi người hơn tuổi, giúp người ít tuổi, cho ai cũng vừa lòng. Nhưng không nên vì ai mà bỏt

chăm. Cứ cố, cứ làm, làm để bù cho chỗ người thiếu. Không ngại gì. Cái đức tốt chăm có cái tính làm cho người ta giả đạo đức, cũng chăm, rồi đưa mình vào đường chăm.

Trải bao nỗi khó khăn, ta cứ gắng, lũ học trò kia, ta có thể vì chúng mà chịu hết bao nhiêu nỗi cực nhọc.

Xin kể một vài việc đã xảy ra, để chúng ta cùng tìm cách xử trí:

Thầy giáo đến chơi một nhà, gặp lúc có nhiều tổng lý ngồi chơi. Nhà chủ yêu thầy giáo, nhưng tất nhiên nể cụ Chánh, đứng lên nói: “Mời cụ Chánh ngồi lên để thầy giáo chúng tôi ngồi”. Kể chúc tước ra, cụ Chánh thường kém hàm thầy giáo, mời thế là quá, nhưng cũng chả nên trách nhà chủ. Hắn ta bụng nghĩ: “Thầy giáo thì có ngày thầy ‘thuyền thăng’⁽¹⁾ đi, chớ cụ Chánh, cứ ở mãi tổng nhà”. Cụ Chánh cũng nguerơng nguerơng, thì mình nói ngay: “Kể ra cụ Chánh hơn tuổi nhiều. Tuổi giờ là quý. Mời cụ cứ ngồi cho!”. Thế cũng đủ. Rõ ràng thêm nữa chỉ sinh chuyện.

Thầy dạy học ở đình. Một cụ ra chơi, lừ lừ đi vào, thấy thầy cũng cứ lừ lừ ngồi yên, tức quá, ra về.

Ông cụ phân trần: “Thầy giáo dạy học ở đình mà

1. Được thăng chức và đổi đi nơi khác.

các lão ra cứ ngồi ỳ đấy, chả chào một câu. Dạy học nhờ đình mình mà thế!”

Ông lão không coi thầy là thầy học làng mình, lại coi thầy là thầy học nhà nước, nên nghĩ thế. Ông lại nghĩ: “Đình là giang sơn của bà lão, đến cái tuổi ăn trên ngồi trốc, thế mà ngồi nhờ lại không giữ lễ”.

Thầy giáo cũng bực mình, than thân: “Mình là thầy giáo trường công, nhà nước bỏ về, mấy ông tổng lý, kỳ hào, bà lão, sách thế nào được; vào trường không xin phép, mình có ‘quyền’ sai loong toong đuổi ra. Mình không đuổi là tử tế rồi!”

Thầy giáo cũng không tự coi là thầy giáo làng nốt. Chả nên dùng quyền, lấy tình là hơn. Một đảng hần học nhau. Một đảng gặp nhau vui vẻ. Thiệt thời gì một câu chào: “Cụ ra đình, thế nào, lúa mùa này có khá không?”. Thế là ổn cả.

Trong trường có mấy gốc muỗm. Để đất dân làm trường thì làng bằng lòng lắm, nhưng đến mùa muỗm có quả, thì trông mà tiếc ngấm tiếc ngậm. Có khi họ nói tử tế “Xin thầy để làng bán để thêm tiền ‘dầu nhang’!”. Nhưng cũng có khi họ làm ngang, bán mà không báo gì thầy cả, rồi cho người vào canh, có khi ngăn trở cả việc học vì đuổi chim, đuổi dơi. Làm to ra, thì việc có khi nên to tiếng, rồi lên quan. Một bên một thầy giáo, một bên cả làng, “bách nhân bách

khẩu”, “chúng khẩu đồng từ”⁽¹⁾ lại thêm khó chịu. Có lẽ êm đêm, tìm người có vai vế mà có con học, nhờ bảo lấy lẽ phải, chuyện rồi êm.

Cái này mới khó nữa. Thầy dạy trường huyện, mà trường không có người quét. Lại có vài con quan huyện vào sổ học trò. Để đến lượt các cậu ấm quét mà mình mới nghĩ, thì hơi chậm. Làm ngơ đi thì học trò chúng tính đến lượt các cậu ấm, khi nào chúng chịu quét. Cũng không làm ngơ được. Ra oai thì quan huyện không rõ đầu đuôi, tất cũng oán thầy. Hay là liệu trước, vào trong huyện thăm quan lớn. Quan có con học, nên cũng sẵn sàng. Nhân ngồi chơi nói chuyện học trò xưa, học trò nay: “Quan lớn cũng như chúng tôi, lúc mình bé đi học, nào điếu đóm, nào quét trường học, thi nhau làm; trẻ bây giờ thật là khó quá”. Quan huyện hiểu ngay, ra dáng biết lẽ lắm: “Ấy ông nói thế, trẻ nhà ai chứ các cháu mà nó không chịu làm, xin ông cứ phạt cho, tôi cảm ơn lắm. Ông cứ coi các cháu như con nhà thường dân vậy!” Ấy mình cũng chỉ muốn có thế. Mấy hôm nữa, đến lượt, chắc thầy không phải giục mà các cậu đã quét rồi. Nhưng phải nghĩ trước một tí, là không sinh sự.

1. Ý nói đồng người cùng nói, cùng xác nhận một việc.

Việc gì cũng cân nhắc kỹ rồi hãy làm.

Kể ra thì cái nghề của chúng ta cũng như, hay là hơn các nghề khác, cũng có lắm cái nhục và lắm cái vinh.

Thầy ngồi một nơi mà trẻ xác lão, cha mẹ học trò lại khinh khỉnh, lườm nguýt, cô ra chợ, người ta bán đất, hàng xóm chỉ chực chửi đồng, giữ nhau từng miếng, thì cái nghề mình cực thật, thà làm cu ly đập đá còn hơn.

Những thầy đã tận tụy, trong lâu năm, học trò đã khá giả, làng đã sạch sẽ, thịnh vượng, nước đã thanh thoi, lúc trẻ nhỏ vào học, mặt sáng sửa tỉnh táo; thế thì thầy cũng có thể vui lòng mà bảo rằng: “tiến vi quan, đạt vi sư” người xưa nói vậy mà phải.

HẾT

NGHỀ THẦY

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập	Đào Bá Đoàn
Biên tập viên Nhã Nam	Đặng Thanh Giang
Thiết kế bìa	Tùng Nâm
Trình bày	Hồng Nhung
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024 38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - TP. HCM

Tel & Fax: 028 38297915

Email: nxbhvn.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42 - Trần Phú - thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236 3849516

Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C - Hoàng Lam - thành phố Bến Tre

Tel: 0275 3812736 - 01699808386

Email: nxbhvnmekong@gmail.com

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965

Website: www.nhanam.vn

Email: nhanambook@vnn.vn

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,

Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034

Email: hcm@nhanam.vn

In 2500 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên sổ đăng ký xuất bản: 4272-2020/CXBIPH/32-149/HNV và quyết định xuất bản số 1804/QĐ-NXBHNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 30.10.2020. Mã ISBN 978-604-319-004-5. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.